

VƯƠNG QUẢNG TÂY

中国功夫
VÕ THUẬT

Trung Quốc



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VƯƠNG QUẢNG TÂY

VÕ THUẬT

Trung Quốc

Người dịch:

TS. TRƯƠNG GIA QUYÊN

*(Trưởng bộ môn Thực hành tiếng Trung Quốc
Khoa Ngữ văn Trung Quốc - Trường Đại học Khoa học Xã hội
và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh)*



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VÕ THUẬT TRUNG QUỐC

Vương Quang Tây

ISBN: 978-604-58-0484-1

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KTTH TP. HCM

Vương Quang Tây

Võ thuật Trung Quốc / Vương Quang Tây ; TS. Trương Gia Quyển dịch. -
T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2013.

136 tr. : minh họa ; 23 cm.

ISBN: 978-604-58-0484-1

1. Võ thuật -- Trung Quốc. I. Trương Gia Quyển. 2. Martial arts -- China

796.80951 -- dc 22

V994-T24

Mục lục

LỜI DẪN	5
NGUỒN GỐC CỦA VÕ THUẬT	7
ĐẠO CỦA VÕ THUẬT	11
CÁC MÔN PHÁI VÕ THUẬT	15
- Phái Thiếu Lâm	17
- Phái Võ Đang	21
- Phái Nga Mi	23
- Phái Nam Quyển	25
- Phái Thái Cực Quyển	27
- Phái Hình Ý Quyển	30
- Phái Bát Quái	33
BINH KHÍ	35
- Các loại binh khí ngắn	37
- Binh khí dài	39
- Âm khí	42
BA GIAI ĐOẠN LUYỆN VÕ	49
ĐẶC ĐIỂM CỦA VÕ THUẬT	55
- Tính hệ thống	56
- Tính trật tự	57
- Tính tiệm tiến	57
- Tính đạo đức	59
- Tính thưởng ngoạn	60



VÕ THUẬT VÀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC	63
- Võ thuật và dưỡng sinh	65
- Võ thuật và văn học, phim ảnh	76
GIAO LƯU VÕ THUẬT GIỮA TRUNG QUỐC VÀ NƯỚC NGOÀI	95
- Hai lần thử thách lớn trong lịch sử	96
- Võ thuật Trung Quốc bước lên võ đài quốc tế	104
SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VÕ THUẬT TRUNG QUỐC ĐƯƠNG ĐẠI	109
- Võ quán hiện đại	111
- Giáo dục võ thuật tại các trường Cao đẳng Đại học	114
- Thi đấu võ thuật và các hạng mục biểu diễn trong thể vận hội	115
- Sự phát triển của võ thuật dân gian	119
- Xu thế phát triển của võ thuật trong tương lai	121
Phụ lục 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý KHI LUYỆN VÕ	124
Phụ lục 2: SƠ LƯỢC VỀ CÁC MÔN PHÁI QUAN TRỌNG CỦA VÕ THUẬT TRUNG QUỐC	126
Phụ lục 3: NIÊN BIỂU LỊCH SỬ TRUNG QUỐC	135



Lời dẫn

Võ thuật là di sản văn hóa quý báu của dân tộc Trung Hoa, cũng là một sự đóng góp của dân tộc Trung Hoa đối với văn hóa của nhân loại.

Võ thuật Trung Quốc là một hình thái văn hóa đặc biệt, hình thức thể hiện của nó là tấn công, phòng thủ, chống đỡ, với những nội dung cụ thể phong phú như sáo lộ, chiêu thức, công pháp, trong sự đối kháng kịch liệt của cơ thể (phần nhiều thể hiện qua đối kháng giả tưởng và đối kháng mô phỏng), qua đó đã thể hiện được trí tuệ và đặc trưng tính cách bất khuất của dân tộc Trung Hoa.

Võ thuật Trung Quốc thấm nhuần khí chất và tính cách dân tộc, chứa đựng những ngộ giải độc đáo của dân tộc Trung Hoa đối với cái đạo của lối tấn công. Nó vừa không giống với kiểu quyền kích khoe khoang bản thân,

sùng bái sự cường tráng của cơ thể như

ở Âu Mỹ, vừa không giống với Karate

(Không thủ đạo - võ tay không) của

Nhật Bản mang đậm sắc thái văn

hóa của một đảo quốc, cũng lại

không giống với Thái quyền

(võ Thái) mang đậm bầu

không khí của vùng rừng

nhật đới. Võ thuật Trung

Quốc coi trọng nét cương

nhu tương tế, nội ngoại kiêm

tu (cương và nhu hỗ trợ lẫn

nhau, luyện tập cả sức mạnh

bên trong và bên ngoài),

vừa có ngoại hình với nét đẹp



Tranh họa tiết hoa văn miêu tả cảnh ca múa, săn bắn, chiến đấu trên ăm đồng thời Chiến Quốc (khai quật tại Thành Đô, Tứ Xuyên).





Võ thuật Trung Quốc

cương nghị của đường nét cơ thể, lại chứa đựng sức mạnh ở bên trong. Võ thuật Trung Quốc không chỉ là thuật của lối đánh, cũng không chỉ đơn giản là sự vận động tay chân, càng không phải là sự kết hợp đơn giản giữa khí lực và kỹ pháp, nó bao hàm cả triết lý, chứa đựng cả những tham ngộ của các hiền triết đối với cuộc sống và vũ trụ này, dùng hình thức vận động gắn với cái trọn vẹn nhất để giải thích một loại tư tưởng triết học cổ xưa nào đó, theo đuổi cảnh giới nhân sinh hoàn mỹ và hài hòa.

Võ thuật Trung Quốc coi kỹ thuật tấn công là trung tâm, lấy cường thân tự vệ là mục đích, nhưng nguyên tắc luyện công của võ thuật lại bắt nguồn từ dưỡng khí, và kết thúc bằng cái đạo trung hòa thủ tĩnh. Hình thức của chiêu pháp quyền cước là ở bên ngoài, còn cái trung hòa nhu tĩnh lại tiềm ẩn ở bên trong, bên ngoài mạnh mẽ rắn rỏi, bên trong lại dung hòa, bên ngoài động, bên trong tĩnh, bên ngoài phóng khoáng, bên trong kín đáo, không phải luôn chỉ vì mục đích tranh giành thắng thua, dưng khí thù hận. Mà tâm tĩnh như một giếng nước trong ngần, nước không chảy, sóng không gợn, nhìn con người như cỏ hoa, vô pháp vi pháp, đó mới là đỉnh điểm trong cảnh giới của võ thuật.

Như những dãy núi cao chót vót, như những dòng sông chảy mãi. Võ thuật Trung Quốc trải qua bao thăng trầm, ngàn năm không hề mai một, cho đến nay vẫn tràn đầy sức sống, sức sống của sinh mệnh. Có thể nói, võ thuật là văn hóa truyền thống của Trung Quốc và là một bức ảnh thu nhỏ của tinh thần dân tộc Trung Hoa.

NGUỒN GỐC CỦA VÕ THUẬT





Võ thuật Trung Quốc

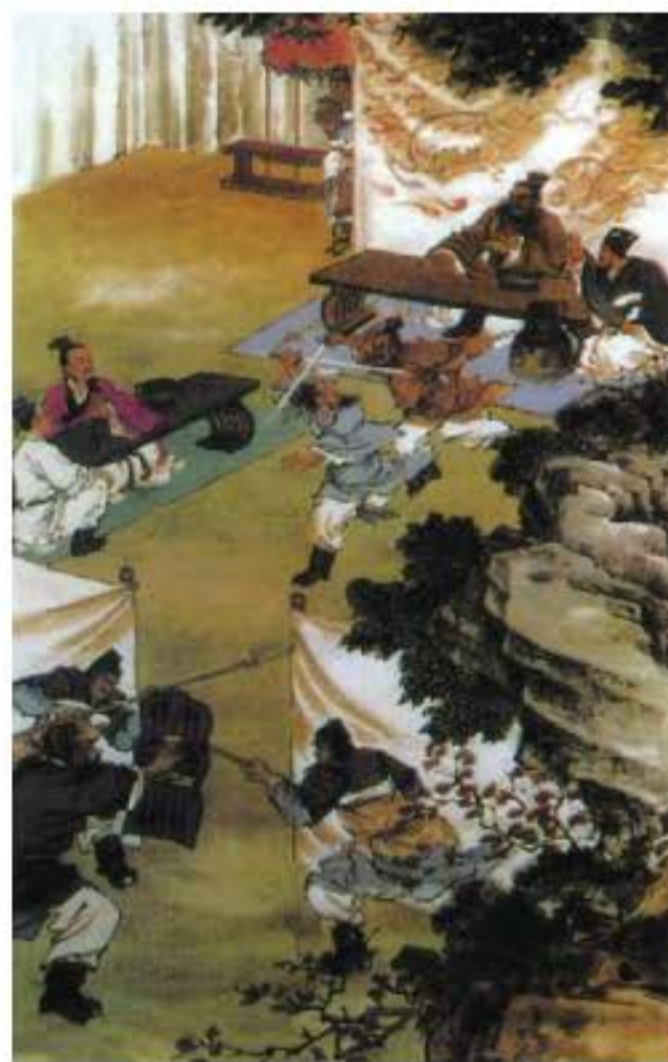
Võ thuật Trung Quốc, xưa gọi là “quyển dũng”, “kỹ kích”, đến thời kỳ Dân Quốc lại được gọi là “quốc thuật”, người nước ngoài hầu hết đều gọi võ thuật Trung Quốc là “công phu” (gongfu).

Võ thuật bắt nguồn từ sự phản công và tấn công của con người thời xa xưa đối với động vật cũng như từ những cuộc chiến tranh giữa các bộ lạc. Ngay từ thời Xuân Thu Chiến Quốc (770 TCN - 476 TCN), trong “Kinh Thi” đã có cách nói rằng “Vô quyển vô dũng, chức vi loạn giai” (không có vũ lực (võ thuật) lại không có dũng khí thì đó chính là nguồn gốc của mọi tai họa). Trong “Lễ ký” thì ghi chép rằng “phàm sĩ chấp kỹ luận công, thích tứ vệ, cường cổ quăng, chất xạ ngự” (phàm những người luyện võ công, nhằm bảo vệ bản thân, rèn luyện thân thể, thể chất tinh nhạy). Điều này cho thấy thời đó đã xuất hiện những trận đấu mang tính chất “kỹ kích” (kỹ thuật tấn công) rồi. Về sau, còn xuất hiện những đại hội thi đấu võ định kỳ, tức “Xuân Thu cước thí dĩ luyện, tinh nhuệ vi hữu (thượng)” (mùa xuân, mùa thu lấy đấu võ để luyện tập, người tinh nhuệ thì đứng đầu). Trong “Trang Tử” có ghi chép Triệu Vương nuôi hơn ba ngàn kiếm sĩ, “ngày đêm luyện tập tấn công lẫn nhau, những người bị thương bị chết cả hơn trăm người, thế nhưng vẫn không chán”. Đến đời nhà Hán (206 TCN - 220), võ thuật đã có những bước phát triển lớn. Trong những bức tranh khắc trên đá vào đời nhà Hán được khai quật ở Hà Nam, có rất nhiều bức tranh miêu tả hoạt động võ thuật, ví dụ như “kích kiếm đồ” (tranh đấu kiếm), “vũ kiếm đồ” (tranh vẽ cảnh múa kiếm), “không thủ đoạt thương đồ” (tranh vẽ cảnh tay không đoạt thương), “kiếm kích đối thích đồ” (tranh tả kỹ thuật đấu kiếm)..., phản ánh thời bấy giờ đã có cách luyện tập một mình và cách luyện tập theo đôi.

Ngoài ra, từ thời Xuân Thu Chiến Quốc trở đi, hành khí thuật của Đạo Gia đã bước đầu

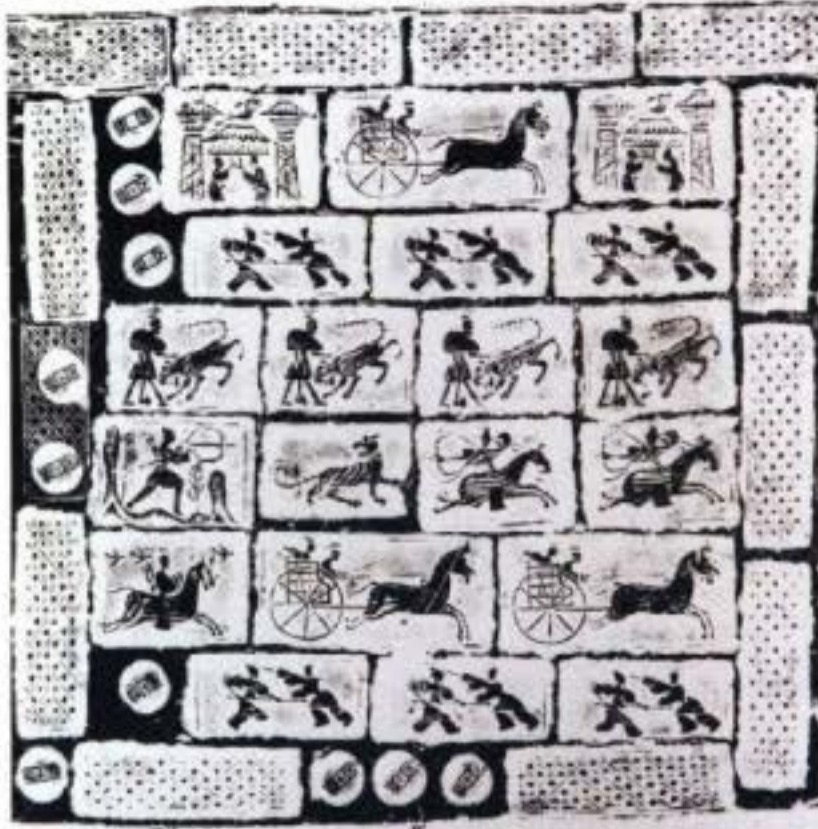


Chiếc gương hoa văn mặt thú đời nhà Tấn (221 TCN - 206 TCN), được khai quật ở Vân Mộng, Hồ Bắc. Hai võ sỹ đang cầm kiếm và khiên đấu với hai con báo hung ác.



Múa kiếm Hạng Trang trong “Hồng Môn Yến”

Hình này miêu tả lịch sử câu chuyện “Hồng Môn Yến” nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc: Vào năm 206 TCN sau khi nhà Tần diệt vong, Sở và Hán tranh đoạt thiên hạ. Hán Vương Lưu Bang đến Hồng Môn để gặp Sở Vương Hạng Vũ, trong bữa tiệc, á phụ của Hạng Vũ là Phạm Tăng đã lệnh cho Hạng Trang múa kiếm để góp vui, với âm mưu thừa cơ giết Lưu Bang.



Ngôi khắc hình sấm bản thời Đông Hán (25 - 220), khai quật ở Trịnh Châu, Hà Nam.

được hình thành. Lão Tử đề xướng “chí hư cực, thủ tĩnh đốc”⁽¹⁾, “doanh phách bao nhất, chuyên khí chí nhu” (Giữ hỗn phách thành một, chuyên chí luyện khí nhu); Trang Tử (khoảng 369 TCN - 286 TCN) đề xướng “xuy hư

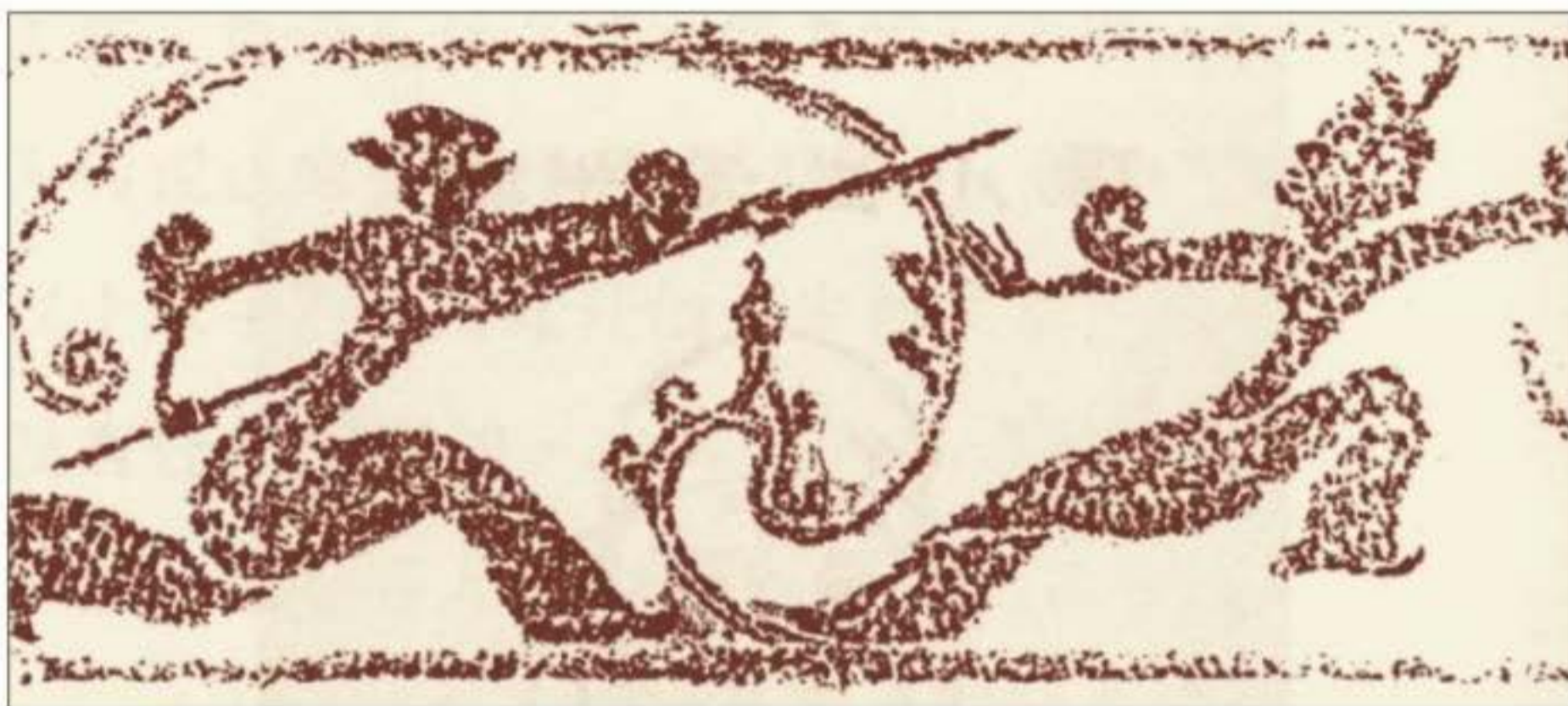
¹ Hư và tĩnh đều dùng để hình dung tâm cảnh của con người là trạng thái không minh tinh tĩnh, nhưng do môi trường bên ngoài tác động, lôi kéo nên những mong muốn riêng của con người bắt đầu hoạt động. Vì vậy tâm hồn cảm thấy bế tắc bất an, do đó cần phải chú ý đạt đến cái hư không, giữ được cái tĩnh tại để mong khôi phục lại được sự trong sáng an tịnh của tâm hồn.



Hành khí ngọc bối danh

Đó là một chiếc cột bằng ngọc với 12 mặt nhỏ ghép lại, thuộc thời kỳ Chiến quốc, hiện được lưu giữ tại Bảo tàng lịch sử Thiên Tân. Trên đó có khắc 45 chữ, ghi chép lại phương pháp và phương hướng của hành khí, tương tự như Chu thiên công pháp sau này, là công pháp khí công sớm nhất, hoàn chỉnh nhất mà Trung Quốc phát hiện được cho đến thời điểm này, nguồn gốc nội công trong võ thuật có mối quan hệ với những ghi chép ở đây. Nguyên văn như sau: Hành khí, thâm tắc súc, súc tắc thân, thân tắc hạ, hạ tắc định, định tắc cố, cố tắc minh, minh tắc trường, trường tắc thoái, thoái tắc thiên. Thiên cơ bản tại thượng, địa cơ bản tại hạ. Thuận tắc sinh, nghịch tắc tử. Đoạn văn này có ý nghĩa đại khái như sau: Khí hành khí phải hít thở cho thật sâu, tụ khí lại cho nhiều để khí có thể xuyên suốt từ trên cơ thể xuống dưới cơ thể. Rồi khí lại từ dưới cơ thể đi đến từng bộ vị (khi đó là chỉ đơn giản), rồi dừng lại ở đó để khí lắng lại. Sau đó thở ra theo hướng thuận và ngược, giống như là mầm của những cây cỏ, mọc lên phía trên, ngược lại với hướng khí hít thở, cho đến tận khi hết mới thôi. Thiên cơ là ở trên, địa cơ là ở dưới, vận động trên dưới, cùng thúc đẩy nhau. Nếu như hành khí theo hướng thuận đó thì có thể trường thọ; nếu như hành khí theo hướng ngược lại thì có thể chết yểu.





Bức tranh bằng đá *Linh bộ đấu côn* đời nhà Hán, được khai quật tại Nam Dương tỉnh Hà Nam.

hô hấp, thổ cố nạp tân” (thải ra những chất cặn bã, khí ô nhiễm để hô hấp không khí mới mẻ trong lành). Trong “Hành kí ngọc bội danh” vào đầu thời kỳ Chiến Quốc (475 TCN - 221 TCN) cũng đã ghi chép lại phương pháp vận khí một cách hoàn chỉnh. Lý luận dưỡng khí của Lão Tử và Trang Tử kết hợp với học thuyết ngũ hành, về sau trở thành nền tảng của phương pháp huấn luyện nội công của võ thuật Trung Quốc. Một số triết lý mà Lão Tử đã vạch ra như lấy tĩnh khắc động, lấy nhu khắc cương, lấy khéo léo khắc thô kệch vụng về... về sau được các quyển phái trong võ thuật Trung Quốc tiếp thu một cách phổ biến, lại càng được các quyển phái nội gia coi là nguyên tắc tấn công.

“Nội ngoại kiêm tu, hình thần hợp nhất” (luyện tập cả sức mạnh bên trong và bên ngoài, tinh thần và hình thể hợp làm một) là đặc điểm cơ bản của võ thuật Trung Quốc. Trong quá trình phát triển lâu dài của lịch sử, võ thuật và hành khí dần dần dung hợp lại với nhau, những nhà võ thuật thông qua luyện tập hành khí một cách có hệ thống để điều chỉnh một cách đầy đủ những năng lượng tiềm tàng trong cơ thể, đạt được mục đích tấn công “dĩ ý linh khí, dĩ khí thôi lực” (dùng ý để dẫn dắt khí, dùng khí để thúc đẩy lực). Vào giai đoạn thời Tống (960 - 1279), thời Nguyên (1271 - 1368), sự kết hợp chặt chẽ giữa võ thuật và hành khí đã trở thành xu hướng lớn trong sự phát triển của võ thuật Trung Quốc. Võ công Thiếu Lâm cho đến cuối đời nhà Minh (1368 - 1644) thì đã có những bước chuẩn bị lớn, phái Võ Đang cũng nổi lên cùng thời kỳ này, đều là sự tất yếu trong quá trình phát triển của lịch sử.

ĐẠO CỦA VÕ THUẬT





Xạ hổ thạch (Bắn hổ đá) - "Nhật Bản" Bức tranh "Đường thổ danh thắng đồ hội" của Okasa Yushan và những người khác vẽ, đăng trên tạp chí Văn hóa Nhật Bản năm thứ 2 (1802). Vào thời Tây Hán (206 TCN - 25 SCN), danh tướng Lý Quảng đi tuần đêm, khi gió nổi lên, ông nhắm tường tảng đá là con hổ nên giương cung bắn. Đến khi trời sáng nhìn lại, thấy mũi tên cắm phập vào tảng đá.

Cái gọi là "võ thuật chi đạo" (Đạo của võ thuật) là nói đến quy luật của võ thuật, cũng có thể hiểu là giới cảnh cao nhất của võ thuật.

Đánh giá một người nào đó có đạt đến trình độ tương đối cao trong võ thuật hay không, nên từ bốn phương diện tổng hợp là sức mạnh, quyền pháp, công lực và tâm lý để đánh giá. Bốn phương diện này nên là một chỉnh thể hữu cơ, là sự thể hiện tổng hợp của tầng tự võ công tương đối cao. Đối với cao thủ mà nói, sức mạnh phải là cương nhu tương tế, còn quyền pháp nên thể hiện ở sự đại xảo nhược chuyết (người thông minh, giỏi giang nhưng lại thể hiện như người ngốc nghếch, ý nói không khoe khoang), còn công lực nên thể hiện ở sự dĩ ý kích nhân (dùng tư tưởng ý niệm để phát chân khí, dùng chân khí để phản công đối phương), tâm lý nên giữ ở trạng thái "thiện chiến bất nộ" (thiện chiến không nóng giận). Cương nhu tương tế, đại xảo nhược chuyết, dĩ ý kích nhân, thiện chiến bất nộ kết hợp lại thành một tức là "hợp tứ vi nhất" (kết hợp bốn nhân tố thành một), có lẽ đó chính là "võ thuật chi đạo", cũng là tiêu chí để bước vào cảnh giới võ công ở bậc cao nhất.



Hình Lục Tổ chặt tre, đời Nam Tống (1127 - 1279), Lương Khải vẽ. Lục Tổ Huệ Năng chủ trương kiến tính thành Phật, đã từng nói rằng “thanh thanh thúy trúc, tận thị pháp thân” (màu xanh của trúc, chính là pháp của thân).

Cương nhu tương tế là đòi hỏi chung của các quyền phái trong võ thuật Trung Quốc đối với sức mạnh, cũng là sự thể hiện cụ thể của “nội ngoại hợp nhất”. Cương, còn gọi là “dương”; nhu, còn gọi là “âm”. Trong võ thuật Trung Quốc, không có quyền pháp nào chỉ toàn là cương mà không có nhu, cũng không có quyền pháp nào chỉ toàn là nhu mà không có cương. Nếu quá cương thì lực tận, mà nếu quá nhu thì yếu đuối, cả hai nhân tố đều có những điểm yếu riêng của nó. Chỉ khi cương nhu tương tế mới có thể đạt được cái mà quyền luận thường nói là “âm dương tất hóa”. Trong quyền pháp của Trung Quốc, cương nhu tương tế thường biểu hiện là sức mạnh của đàn đầu băng bạo chi cung (sức mạnh rung giật của đàn tên) kỳ phát dã tốc (sức mạnh của tốc độ phát ra), kỳ khứ dã tật (sự nhanh nhạy khi thu về), kỳ thể dã mạnh (sức mạnh của thể), kỳ lực dã thấu (sức mạnh của lực phát ra).

Cụm từ “đại xảo nhược chuyết” xuất phát từ “Lão Tử”. Nghĩa gốc của cụm từ này rất sâu sắc, thoạt nhìn cứ tưởng như là ngốc nghếch vụng về lắm. Những nhà võ thuật mượn cụm từ này để nói đến quyền thức cao minh chân thực nhất nhưng không nhất định phải là hoa lệ đẹp đẽ, những gì đẹp đẽ chưa chắc đã thực dụng, những gì thực dụng phần nhiều lại chẳng mĩ quan, đây là một quy luật của võ thuật Trung Quốc. Hay nói cách khác, những người





Võ thuật Trung Quốc

khéo léo chưa chắc đã thắng được những người đơn giản mộc mạc, những người đơn giản mộc mạc phần nhiều lại có thể thắng những người khéo léo. Bí mật của võ thuật Trung Quốc không phải ở chiêu pháp gì, mà chiêu pháp lợi hại nhất đáng sợ nhất chính là không có chiêu pháp gì cả. “Vô pháp vi pháp” (không có pháp mới chính là pháp) mới là chân lý của võ thuật Trung Quốc.

Dĩ ý kích nhân, tức là dùng ý niệm, tư tưởng để dẫn dắt chân khí, dùng chân khí để thúc đẩy sức mạnh, để đối phó với đối phương, tức là cái khái niệm “lực tòng ý sinh” (lực sinh ra từ ý), “kính du tâm khởi” (sức mạnh sinh ra từ tâm), “ý đáo quyền đáo” (ý đến thì võ cũng đến). Nguyên lý ở đây chính là thông qua ý niệm, điều chỉnh nội lực một cách mạnh nhất, nhanh nhất, luyện được cái “nội kính” (nội lực) phi thường nhất, sức mạnh của toàn thân tập trung vào một điểm, trong một giây phút bộc phát ra lực sát thương khá lớn.

Thiện chiến bất nộ là yêu cầu đối với tố chất tâm lý. Lão Tử đã từng nói: “Thiện chiến giả bất nộ”. Ý nghĩa như sau: những người giỏi về tác chiến, từ đó đến giờ không bao giờ dựa vào sự phẫn nộ nóng giận mà hành sự. Nói ngược lại tức là “thiện nộ giả vị tất thiện chiến” (những người hay nóng giận chưa chắc đã là người thiện chiến). Lấy câu “thiện chiến bất nộ” này vận dụng vào trong lĩnh vực võ thuật, tức là yêu cầu người học võ buộc phải nuôi dưỡng cho mình một tố chất tâm lý thật tốt, biết cách tự điều chỉnh bản thân mình, hễ gặp phải kẻ địch cũng không hoang mang lo sợ hay nóng giận, không kiêu ngạo hay khúm núm rụt rè, vẫn đối xử với kẻ địch với một “tâm lý hết sức bình thường”, giữ được tâm lý bình tĩnh như không có chuyện gì xảy ra, “Thái Sơn băng vu tiền nhi sắc bất biến” (Núi Thái Sơn sụp đổ ngay trước mắt mà sắc mặt vẫn không hề thay đổi), vẫn giữ được nét ung dung tự tại trong những biến cố lớn, trong những niềm vui lớn hay nỗi buồn lớn.

“Thiện chiến bất nộ” và “cương nhu tương tế”, “đại xảo nhược chuyết”, “dĩ ý kích nhân” cùng kết hợp với nhau cấu thành nội dung chủ yếu trong thứ tự cao thấp của võ học Trung Quốc. Bốn phương diện này giống như bốn chiếc cột lớn, làm giá đỡ cho những lâu đài nguy nga của võ học Trung Quốc.

CÁC MÔN PHÁI VÕ THUẬT





Võ thuật Trung Quốc

Trung Quốc là một quốc gia rộng lớn đa dân tộc với lịch sử lâu đời và biên cương rộng lớn, tiếp giáp với nhiều quốc gia, môi trường địa lý và nhân tố văn hóa, con người đều vô cùng phong phú. Do những nguyên nhân lịch sử của dân tộc, sự phát triển của văn hóa và kinh tế giữa các khu vực không cân đối, phong tục tập quán ở các khu vực cũng rất khác nhau, thế là từ rất lâu đã hình thành nên những khu văn hóa khá nhỏ nhưng có những nét đặc sắc riêng, ví dụ như vùng văn hóa Trung Nguyên, vùng văn hóa Tế Lỗ, vùng văn hóa Kinh Sở, vùng văn hóa Quan Lũng, vùng văn hóa Ngô Việt, vùng văn hóa Ba Thục, vùng văn hóa Mân Nam, vùng văn hóa Lĩnh Nam, và hai vùng văn hóa hình thành sau này là vùng văn hóa Kinh Phái và vùng văn hóa Hải Phái... Tất cả những vùng văn hóa đều có hình thái văn hóa mang đặc sắc khu vực rất rõ nét. Nền văn hóa lớn của dân tộc Trung Hoa trên thực tế chính là sự kết hợp của những khu vực văn hóa này mà thành.

Võ thuật là một hình thái văn hóa, nên đương nhiên nó cũng phải mang đậm dấu ấn của văn hóa khu vực. Võ thuật về cơ bản thuộc hình thái văn hóa dân gian thuần túy, sức mạnh của nó tiềm ẩn ở trong tầng lớp nhân dân, vì thế những đặc trưng khu vực của võ thuật lại càng đậm nét hơn. Các môn phái võ thuật của Trung Quốc đều được hình thành từ văn hóa khu vực.

Vào đầu thời kỳ nhà Thanh (1644 - 1911), đại nho Hoàng Tông Hy (1610 - 1695) đã đưa ra cách nói "nội gia" và "ngoại gia" sớm nhất, cho rằng tất cả những kiểu võ tiên phát chế nhân, chủ động tấn công đều gọi là ngoại gia quyền, ví dụ như Thiếu Lâm quyền; còn tất cả những hậu phát chế nhân, lấy tĩnh trị động đều gọi là nội gia quyền, ví dụ như Võ Đang quyền. Người sau lại nói rằng thiên về mạnh mẽ thì gọi là ngoại gia quyền, thiên về mềm dẻo thì gọi là nội gia quyền.

Trong quá trình lịch sử lâu dài, võ thuật Trung Quốc lấy văn hóa khu vực làm nền tảng đã lần lượt hình thành bảy môn phái lớn mang tính khu vực. Trong mỗi môn phái võ thuật lớn này, lại có một hoặc vài loại quyền là trung tâm, phát sinh ra thêm vài môn phái võ thuật khác trước. Bảy môn phái võ thuật lớn này là:



Tranh vẽ của Hoàng Tông Hy, trong lịch sử võ thuật Trung Quốc, Hoàng Tông Hy là người đầu tiên đưa ra sự phân biệt giữa "nội gia" và "ngoại gia", người đầu tiên tiết lộ ra thuật điểm huyết.

- (1) Phái Thiếu Lâm, với nền tảng là văn hóa Trung Nguyên, trung tâm là Thiếu Lâm Tự trên núi Tung (Tung sơn), phân bố rộng rãi ở các tỉnh phía Bắc;
- (2) Phái Võ Đang, với nền tảng là văn hóa Kinh Sở, trung tâm là Võ Đang Hồ Bắc, phân bố rộng rãi ở các nơi như Hồ Bắc, Giang Nam, Giang Tô, Tứ Xuyên, Thượng Hải...
- (3) Phái Nga Mi, với nền tảng là văn hóa Ba Thục, trung tâm là núi Nga Mi ở Tứ Xuyên, phân bố ở các khu vực Tứ Xuyên, Trùng Khánh;
- (4) Phái Nam Quyền, với nền tảng là văn hóa Mân Nam và văn hóa Lĩnh Nam, trung tâm là Tuyên Châu và Châu Giang, phân bố ở các tỉnh phía Nam;
- (5) Phái Hình Ý, với nền tảng là văn hóa Tam Tấn, văn hóa Yên Triệu, văn hóa Trung Nguyên, trung tâm là Sơn Tây, Hà Bắc, Hà Nam, phân bố rộng rãi trên toàn quốc;
- (6) Phái Thái Cực Quyền, với nền tảng là văn hóa Trung Nguyên, văn hóa Kinh Phái, trung tâm là Hà Nam, Bắc Kinh, phân bố rộng rãi trên toàn quốc;
- (7) Phái Bát Quái, với nền tảng là văn hóa Kinh Phái, trung tâm là Bắc Kinh, phân bố rộng rãi trên toàn quốc.

Trong đó, ba phái võ lớn là Thiếu Lâm, Võ Đang, Nga Mi đều lấy những ngọn núi nổi tiếng, ngôi chùa nổi tiếng, đạo quán nổi tiếng làm chỗ dựa, được hình thành từ khá sớm. Còn ba phái lớn là Hình Ý, Thái Cực, Bát Quái thì hình thành muộn hơn, và lưu hành sớm nhất là ở phía Bắc. Những người trong võ lâm thường quen coi Võ Đang, Vô Ý, Thái Cực, Bát Quái là "Nội gia tứ đại quyền phái" (bốn phái võ lớn nội gia).

PHÁI THIẾU LÂM

Tục ngữ nói: "Thiên hạ công phu xuất Thiếu Lâm" (Võ thuật trong thiên hạ đều xuất phát từ Thiếu Lâm). Chùa Thiếu Lâm trên núi Tung nổi tiếng khắp trong và ngoài nước chính là nguồn gốc xuất phát của võ Thiếu Lâm. Tung Sơn nằm ở miền trung của tỉnh Hà Nam, khí thế hùng hậu rộng lớn mênh mông, là Trung nhạc trong Ngũ Nhạc. Thiếu Lâm Tự nằm dưới chân núi, được xây dựng dựa vào thế núi, hùng vĩ vô cùng.

Chùa Thiếu Lâm được bắt đầu xây dựng từ thời Bắc Ngụy (386 - 534) vào năm Thái Hòa thứ 19 (495), vị nhập trụ đầu tiên vào chùa Thiếu Lâm là Đông thiên trúc Cao tăng Bạt Đà (394 - 468). Sau đó không lâu, Nam thiên





Chùa Thiếu Lâm trên núi Tung.

trúc Cao tăng Bồ Đề Đạt Ma (? - 536) cũng đã từng đến chùa Thiếu Lâm, nhưng ông không ở lại chùa lâu dài, mà cũng không hề xảy ra việc “Diện bích cửu niên” (ngồi đối mặt vào tường trong 9 năm) như trong truyền thuyết đã nói. Người đời sau truyền lại rằng Đạt Ma đã từng viết “Dịch căn kinh”, sáng tác “La Hán thập bát thủ”, từ đó mà mở ra võ thuật Thiếu Lâm, tất cả những điều này đều không có căn cứ xác đáng.

Nguồn gốc của võ thuật Thiếu Lâm là bắt nguồn từ võ công dân gian ở khu vực Trung Nguyên. Theo những tư liệu khảo cổ phát hiện, muộn nhất là vào thời kỳ Lương Hán, võ công ở khu vực Trung Nguyên đã phát triển đến một trình độ tương đối cao, thuật dẫn dắt hành khí (khí công) cũng đã tích lũy được những kinh nghiệm khá phong phú. Các hòa thượng của chùa Thiếu Lâm phần nhiều đến từ khu vực Trung Nguyên, có những người trước khi vào chùa đã biết võ công, sau khi vào chùa lại cùng

Bạt Đà

Bạt Đà, còn gọi là Phật Đà, là người Thiên Trúc (Ấn Độ). Đến Trung Quốc vào năm Hiếu Văn Đế (tại vị từ năm 471 - 499) thời Bắc Ngụy để truyền bá Phật Giáo, được mọi người rất kính trọng. Sau khi Bắc Ngụy dời đô về Lạc Dương (năm 493), Hiếu Văn Đế đã cho xây dựng tự viện ở Lạc Dương cho ông. Tính của Bạt Đà thích yên tĩnh, nên Hiếu Văn Đế lại cho xây tự viện ở dưới chân núi Thiếu Thất thuộc Tung Nhạc. Tự viện này chính là chùa Thiếu Lâm ngày nay, Bạt Đà là người đầu tiên sáng lập ra chùa Thiếu Lâm và cũng là vị trụ trì đầu tiên. Ông đã phiên dịch các bản kinh như “Hoa nghiêm”, “Niết”, “Duy Ma”, “Thập địa”. Những năm về già, Bạt Đà dọn ra ở bên ngoài chùa Thiếu Lâm cho đến khi viên tịch.

Bồ Đề Đạt Ma

Bồ Đề Đạt Ma là người Nam Thiên Trúc, chủng tính Bà La Môn, tự xưng là tổ thứ 18 của Phật truyền Thiên tông. Ông là Thủy tổ của thiên tông Trung Quốc, vì thế mà thiên tông của Trung Quốc còn có tên là Đạt Ma tông. Ông đến Quảng Châu bằng đường biển vào năm Lương Vũ Đế (tại vị từ năm 502 - 549) thời Nam Triều. Lương Vũ Đế tin vào Phật. Đạt ma đến Đô Thành nơi Nam Triều lập nghiệp để gặp Lương Vũ Đế nhưng nói chuyện không tâm đầu ý hợp, vì thế ông lại qua sông đi về phía Bắc, tức là Lạc Dương - đô thành của Bắc Ngụy, đi ngang qua chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, truyền thuyết kể rằng ông đã “diện bích cửu niên” truyền y bát⁽¹⁾. Đến năm Thiên Bình thứ 3 (536) thời Đông Ngụy, ông qua đời ở Lạc Tân và được táng tại Nhĩ Sơn.

(1) Cái bát ăn của sư, là dụng cụ chứa đựng vừa đủ. Nhà chùa dùng bát xin ăn đời đời truyền để cho nhau. Cho nên đời đời truyền đạo cho nhau gọi là y bát.



Bia đá khắc hình Đạt Ma khi qua sông. Tượng truyền bức hình này do hòa thượng Phong Điền đời nhà Minh vẽ.

tăng chúng truyền đạt lại cho nhau. Về mặt võ công, chùa Thiếu Lâm luôn hướng đến truyền thống vừa tiếp thu dung nạp vừa bảo tồn, chịu khó học hỏi, vì vậy mà đã tiếp thu được tinh hoa võ công của cả tăng chúng và quần chúng nhân dân một cách rộng rãi, liên tục tổng kết và nâng cao, đồng thời cũng có những sáng tạo phát triển riêng.

Vào cuối đời nhà Tùy (581 - 618), mười ba võ tăng của chùa Thiếu Lâm đã giúp vua Đường là Lý Thế Dân (599 - 649) đánh bại Vương Thế Xung, võ công Thiếu Lâm từ đó bắt đầu nổi tiếng. Đến thời Ngũ Đại (907 - 960), cao tăng Phúc Cư của chùa Thiếu Lâm mời mười tám vị cao thủ võ lâm vào chùa diễn võ. Cao tăng Phúc Cư tiếp thu từ các võ phái khác những sở trường thể mạnh,

bỏ đi những nét thô thiển, dung nạp những nét tinh túy rồi tập hợp thành "Thiếu Lâm quyền phổ". Đến đời nhà Kim (1115 - 1234), Nguyên, cao tăng Thiếu Lâm Giác Viễn lại cùng định giao với cao thủ ở Lan Châu là Lý Tẩu, danh sư ở Lạc Dương là Bạch Ngọc Phong (về sau cũng xuất gia ở chùa Thiếu Lâm, pháp hiệu là Thu Nguyệt), ba người cùng về Thiếu Lâm và sáng lập ra hơn 70 thế võ. Từ thời Tùy Đường đến thời nhà Nguyên, võ thuật Thiếu Lâm không ngừng phát triển phong phú, dần dần đi đến thuần thực.

Chùa Thiếu Lâm nổi tiếng về võ công trong thiên hạ là vào thời kỳ Minh, Thanh. Vào năm Gia Tĩnh (1522 - 1566) đời nhà Minh, Oa khấu gây loạn lạc ở vùng duyên hải Đông Nam Trung Quốc, chùa Thiếu Lâm đã phái hơn 80 võ tăng dũng mãnh đến tận nơi để dập tắt uy thế của địch.

Vào năm Gia Tĩnh thứ 40 (1561), danh tướng chống quân Oa là Du Đại Du (1504 - 1580) đi ngang qua Tung Sơn và đích thân ghé thăm chùa Thiếu Lâm truyền thụ Côn thuật làm cho Côn thuật của Thiếu Lâm nhanh chóng trở thành đạo của mọi Côn pháp, được công nhận là võ thuật chính tông. Về sau, tăng chúng chùa Thiếu Lâm lại chuyên công quyền thuật, khiến cho quyền thuật và côn thuật cùng nổi tiếng. Vào cuối đời nhà Minh, tăng Hồng Ký của Thiếu Lâm lại học được từ Lưu Đức Trường thương pháp Nga Mi độc bộ thiên hạ.

Đến giai đoạn cuối đời nhà Minh, đầu đời nhà Thanh, võ công Thiếu Lâm đã tiếp thu rộng rãi tinh hoa của rất nhiều quyền phái phương Bắc, đồng





Thiếu Lâm Tự giao quyền đồ.

thời cũng tiếp thu côn thuật của Phúc Kiến và thương thuật của Tứ Xuyên. Trên nền tảng của võ công Thiếu Lâm, dung nạp và chọn lọc thêm, cuối cùng hình thành nên môn phái Thiếu Lâm với nội dung sâu rộng, kỹ nghệ tinh tế, đã giành được vị trí cao trong võ thuật chính tông một cách toàn diện. Đồng thời, do danh tiếng của võ Thiếu Lâm càng ngày càng lớn, nên không ít quyền pháp của phương Bắc cũng dựa vào danh tiếng của Thiếu Lâm để tự coi trọng mình. Như thế, phái Thiếu Lâm trên thực tế bao gồm hầu như tất cả các phái võ thuật ở khu vực miền Bắc Trung Quốc, võ thuật Thiếu Lâm cũng trở thành tên gọi chung của võ thuật khu vực miền Bắc.

Có rất nhiều kiểu quyền hiện đang thịnh hành ở khu vực miền Bắc như: mai hoa, pháo quyền, hồng quyền, cung lực, phách quả, thông tí, đoản đả, yến thanh (mật tông), lan thủ, đường lang, thất tinh, chiêu (triều) dương, quan đông, bát cực, trạc cước, ưng trảo, dĩ cập trường quyền, hầu quyền, trường quyền, khâu thị liên quyền..., đều thuộc quyền phái Thiếu Lâm. Những quyền phái kể trên lại có những sáo lộ và công pháp quyền giới độc lập riêng biệt. Hiện nay, những quyền lộ chỉ được truyền thụ bí mật trong chùa Thiếu Lâm đã có đến 234 loại, sáo lộ khí giới có 137 loại, tổng cộng là 371 loại, ngoài ra còn có rất nhiều công pháp khác mà tiêu biểu là "Thiếu Lâm thất thập nhị nghệ", có thể nói là đã tập trung được mọi võ công của miền Bắc.

Thiếu Lâm quyền phần nhiều theo hướng mạnh mẽ. Người Trung Nguyên có thể lực cường tráng, mạnh mẽ kiên cường, tính cách dũng cảm đôn hậu, vì vậy quyền lộ phần nhiều đều là phóng khoáng, đại khai đại hợp, sức mạnh thần tốc, phát huy đầy đủ ưu thế của chân dài tay dài, nên có thể đẩy xa đánh xa. Người Trung Nguyên có dáng vóc cao, vì vậy đặc

biệt chú ý phát huy ưu thế của đòn chân, chủ trương “thủ đả tam phân, cước đả thất phân” (tay đánh 3 phần, chân đánh 7 phần), và còn có cách nói rằng “tay là hai cánh cửa, toàn bộ đều dựa vào chân để tấn công”.

Thiếu Lâm quyền mộc mạc không rườm rà, rất ít khi có trường hợp hoa lá cành (được vẽ bề ngoài mà bên trong không có gì), biên bài (các bước xuất quyền) hoàn toàn xuất phát từ chiến đấu và tấn công thực tế, các thế quyền xuất ra hay thu về đều trên một đường, khởi hoành lạc thuận, tức là tấn công từ ngang thân và thu về thuận theo chiều dọc của thân, trong giây phút tấn công làm cho diện tích có thể bị nhận đòn được thu nhỏ lại, và sức lực phát ra mạnh nhất. Thiếu Lâm quyền đòi hỏi “quyền đả ngoại ngư chi địa”, ý là tiếp chiến với địch hoặc tiến hoặc lùi, nhưng chẳng qua cũng chỉ là trong hai ba bước mà thôi, các bước đi của sáo lộ cần phải phù hợp với nhu cầu thực chiến này.



Hình vẽ Trương Tam Phong, đời nhà Minh. Đây là chân dung Trương Tam Phong sớm nhất được biết đến, vốn do Kỳ Dương Vương Lý Thị đời nhà Minh cất giữ. Văn Trung - tiên tổ của Lý Thị là cháu ngoại của Chu Nguyên Chương, là người có công trong việc khai quốc đời nhà Minh, hoặc gọi là Lý Thị Hiếu Khách, Tam Phong đã từng vài lần đến thăm hỏi, ở lại vương phủ và để lại bức hình này.

Chùa Thiếu Lâm là tổ đình (nơi khởi nguồn) của thiền tông trong Phật giáo Trung Quốc, vì thế Thiếu Lâm quyền thuộc võ công Phật môn. Yếu chỉ của võ công Thiếu Lâm là quyền thiền hợp nhất, tăng nhân Thiếu Lâm luyện quyền với suy nghĩ để bảo vệ chùa bảo vệ pháp. Tăng nhân trong chùa Thiếu Lâm đều phải luyện tập tham thiền. Thiền pháp vốn là một kiểu tâm pháp, cũng có thể hóa thành nội công. Các tăng trong chùa Thiếu Lâm đời đời đều có cao thủ, đều đó cũng có mối quan hệ nhất định với việc họ kiên trì tham thiền. Thiếu Lâm quyền phái đều có mối quan hệ về nguồn gốc với sáu phái võ lớn còn lại, đồng thời có ảnh hưởng quan trọng đối với sự hình thành của bốn môn phái võ lớn đó là Nga Mi, Nam Quyền, Hình Ý và Thái Cực.

PHÁI VÕ ĐANG

Trong võ lâm Trung Quốc, luôn có cách nói rằng “ngoại gia Thiếu Lâm, nội gia Võ Đang”. Thiếu Lâm và Võ Đang có thể nói là hai đỉnh cao, mỗi phái đều có sở trường và những đặc điểm riêng. Núi Võ Đang nằm ở phía tây bắc tỉnh Hồ Bắc, chu vi hơn 800 dặm, đỉnh núi chính (đỉnh Thiên Trụ) có chiều cao 1612m so với mực nước biển). Các đỉnh núi trên núi Võ Đang đều rất đẹp và hùng vĩ, tương truyền





Võ thuật Trung Quốc

rằng là nơi tu luyện của Chân Vũ đại đế, cũng là thánh địa của Đạo giáo.

Các đạo sĩ trên núi Võ Đang từ lâu đã có truyền thống luyện võ. Học giả Hoàng Tông Hy vào thời kỳ đầu nhà Thanh nói, Võ Đang quyền là do Trương Tam Phong (Nhất tác Trương Tam Phong) - đạo sĩ của Võ Đang sáng lập nên, thế nhưng không có căn cứ lịch sử. Theo ghi chép của lịch sử, Trương Tam Phong là đạo sĩ của phái Toàn Chân, sống vào thời kỳ cuối nhà Nguyên đầu nhà Minh, ông từng tu luyện khí công trên núi Võ Đang, nhưng không biết quyền thuật.

Do phái Võ Đang rất bí mật về quyền pháp, chọn lựa môn đồ cũng rất nghiêm ngặt, lại không thích khoa trương, vì vậy mà sức lưu truyền của Võ Đang quyền không rộng rãi. Mãi đến cuối thời nhà Minh đầu thời nhà Thanh, Võ Đang quyền mới được lưu truyền ra xã hội, ở khu vực Ninh Ba tỉnh Chiết Giang đã xuất hiện những cao thủ như Trương Tùng Khê, Diệp Cận Tuyển, Đơn Ân Nam, Vương Chinh Nam... Con trai của Hoàng Tông Hy là Hoàng Bách Gia (1634 - ?) chính là đệ tử của Vương Chinh Nam. Tương truyền rằng Trương Tùng Khê những năm cuối đời mình đã truyền Võ Đang quyền đến Tứ Xuyên.

Hiện nay "Tùng Khê nội gia quyền", "Võ Đang nội gia quyền", "Tử mẫu Nam Quyền"... được lưu truyền ở Thành Đô, Nam Xung tỉnh Tứ Xuyên đều thuộc phái Võ Đang quyền.

Vào những năm Quang Tự (1875 - 1908) cuối đời nhà Thanh, Đặng Chung Sơn - hậu thế của đạo sĩ núi Võ Đang lại mở võ đường tiếp nhận đệ tử ở Giang Ninh Giang Tô (nay thuộc thành phố Nam Kinh), sau đó Võ Đang quyền lại được truyền về phía đông là Giang Tô. Hai chi ở Tứ Xuyên và Giang Tô đến nay vẫn rất phổ biến. Còn chi giữ lại trên núi Võ Đang đến nay cũng vẫn chưa thất truyền, ngày nay đạo sĩ Võ Đang vẫn giữ được truyền thống luyện võ.

Theo thống kê sơ lược, những quyền lộ (đường quyền) bắt nguồn từ núi Võ Đang được lưu truyền hiện nay có không dưới 60 loại, bao gồm thái ất



Tổng thái tổ Triệu Khuông Dận. Triệu Khuông Dận (927 - 976) xuất thân từ võ tướng. Trong phái Võ Đang và phái Thiếu Lâm đều có thái tổ trường quyền, tương truyền đó là do Triệu Khuông Dận sáng tạo.

ngũ hành, thuần dương, thái hòa, khởi mông, lục bộ, chỉ xích, quang minh, vấn tân, thám mã, thất trửu, thất tinh, lưỡng nghi, chỉ mê, điều tử, trường quyền, lục lộ, bát cực, túy bát tiên, vân trửu, cương quyền, ngũ đóa mai hoa, liễu điệp cầm ty chưởng... Sáo lộ khí giới của phái Võ Đang cũng có mấy chục loại, ví dụ như lục thừa thương, tứ môn thương, long môn thập tam thương, nhất vĩ côn, hám sơn dị côn, huyền vũ côn, hỗn nguyên thiết côn, Võ Đang kiếm, bạch hồng kiếm, bát tiên kiếm, tam hợp đao, tứ môn đao, giới đao, xuân thu đại đao, nhạn vĩ đơn đao, hổ vĩ tiên, liên hoàn giản, bản đăng quyền, thái cực cầu... Trong phái Võ Đang quyền cũng bao hàm "Võ Đang tam thập lục công" nổi tiếng, ví dụ như huyền vũ công, miên chưởng công, hổ trảo công, địa long công, hỗn nguyên công, thái cực cầu công ...

Đạo gia coi trọng thanh tịnh vô vi, mà lại coi trọng nhất là dưỡng sinh chi đạo, vì thế đặc điểm của Võ Đang quyền là coi trọng cả kỹ kích và dưỡng sinh, chủ trương hậu phát chế nhân (lấy khí chế bản thân), dĩ tĩnh chế động (lấy tĩnh chế động), hậu phát tiên chí (luyện khí rèn chí), thừa thế tá lực. Phong cách phần nhiều là để cao ý chú không để cao lực, quý ở sự biến hóa chứ không quý ở sự phản kháng, bộ tẩu cung hình, tiến dĩ trắc môn, động thì như hình của rắn, lực như tầm cuộn kén, thủ pháp chủ yếu là xoáy sâu, phần nhiều dùng chưởng chứ ít dùng quyền. Thời gian hình thành của phái Võ Đang vào khoảng cuối đời Minh đầu đời Thanh, cùng khoảng thời gian với phái Thiếu Lâm.

PHÁI NGA MI

Phái Nga Mi là phái võ của Tứ Xuyên với trung tâm là núi Nga Mi, nó là phái võ lớn thứ hai chỉ sau phái Nam Quyền ở khu vực miền Nam Trung Quốc. Núi Nga Mi sừng sững ở miền trung Tứ Xuyên, nguy nga chót vót, trải dài cả trăm dặm, đến tận địa phận của Ba sơn Thục thủy, là một trong bốn ngọn núi lớn nổi tiếng của Phật giáo Trung Quốc, tương truyền đây là đạo tràng của Phổ Hiền Bồ Tát.

Nghe nói rằng, các hòa thượng đạo sĩ trên núi Nga Mi từ rất lâu đã có truyền thống luyện võ, nhưng tài liệu sử sách rất ít ghi chép lại. Vào giữa thời nhà Minh, danh tướng chống giặc Oa là Đường Thuận Chi (1507 - 1560) đã từng viết một bài "Nga Mi đạo sĩ quyền ca" sinh động miêu tả tốc độ và sự khéo léo của quyền pháp Nga Mi. Cũng vào khoảng thời gian Đường Thuận Chi ca ngợi quyền pháp Nga Mi, thì trình độ sử dụng khí giới của Nga Mi cũng đang bước vào giai đoạn nhảy vọt về chất lượng, đánh dấu cho sự nổi tiếng thiên hạ của phái Nga Mi về thương pháp. Nga Mi thương pháp được truyền bá bởi Phổ Ân thiền sư trên núi Nga Mi, là người đã từng có vai trò thúc đẩy đối với sự phát triển của võ thuật Thiếu Lâm.





Nga Mi sơn chí hình vẽ tổng thể núi Nga Mi, thời Dân quốc năm thứ 23 (1934) xuất bản.

Tứ Xuyên từ xưa đã được gọi là “thiên phủ chi quốc”, kinh tế văn hóa phát triển từ khá sớm và sự giao lưu với phương bắc cũng diễn ra rất thường xuyên, sự hình thành của võ thuật Nga Mi chính là từ nền tảng của sự dung hợp giao lưu giữa võ thuật địa phương ở Tứ Xuyên với võ công Thiếu Lâm. Các phái võ lưu truyền tương đối rộng rãi ở Tứ Xuyên như: tăng môn quyền, minh hải quyền, hồng môn quyền, tự môn quyền, hội môn quyền, bàn ba quyền... được biết đều bắt nguồn từ chùa Thiếu Lâm trên núi Tung. Triệu môn quyền, Sơn Đông giáo... cũng có mối quan hệ về nguồn gốc với chùa Thiếu Lâm trên núi Tung. Thế nhưng, những phái võ kể trên đa phần là đoàn quyền, “đa quyền thiếu thối” (ra đòn tay nhiều hơn đòn chân) có sự khác biệt tương đối rõ rệt so với phong cách “đa thối thiếu quyền” (ra đòn chân nhiều hơn đòn tay) của Thiếu Lâm, nó đã bị Tứ Xuyên hóa.

Trong Nga Mi quyền cũng bao gồm một số loại quyền có nguồn gốc hoàn toàn địa phương như dư môn quyền, bạch mi quyền, hóa môn quyền... Trong phái Nga Mi cũng có một số quyền tượng hình hiếm thấy như cấp mô quyền, hổ điệp quyền, phan hoa quyền, hoàng thiện quyền... Ngoài ra, những môn phái lớn như Võ Đang, Nam Quyền, Hình Ý, Thái Cực,



Bát Quái cũng đều có quyền lộ (đường quyền) được truyền vào Tứ Xuyên, có những quyền lộ đã trở thành một phần của phái Nga Mi.

Theo thống kê những năm gần đây, hiện nay trong tỉnh Tứ Xuyên có tổng cộng 67 loại quyền, lưu truyền 1652 sáo lộ, ngoài ra còn có 276 công pháp. Trong 67 loại quyền này, có 28 loại quyền thuộc Tứ Xuyên bản địa, chiếm 41.79% tổng số. Như vậy rõ ràng là 27 loại quyền thuộc quyền Thiếu Lâm chiếm 40.30% tổng số. Ngoài ra còn 12 loại quyền thuộc các phái khác. Văn hóa Ba Thục từ trước đến nay luôn rộng lòng phóng khoáng, vừa tiếp thu vừa dung nạp, phái Nga Mi chính là một bức tranh thu nhỏ của văn hóa Ba Thục.

PHÁI NAM QUYỀN

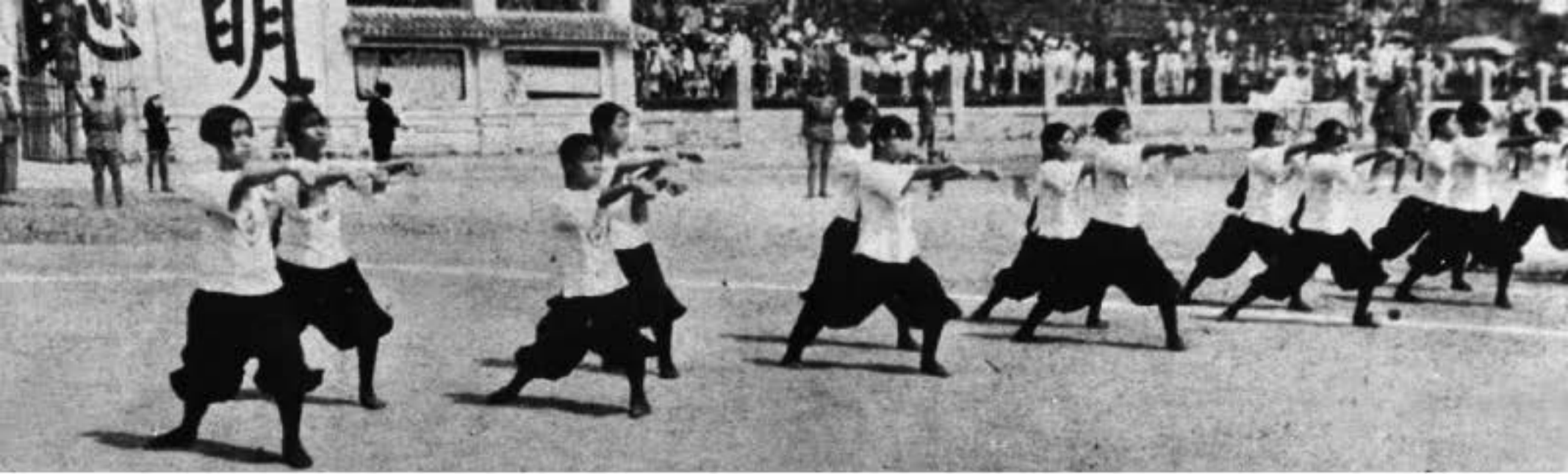
Đỗ Tâm Ngũ, bậc thầy của tự nhiên môn. Đỗ Tâm Ngũ (1869 - 1953) là người Từ Lợi, tỉnh Hồ Nam, vào cuối đời nhà Thanh ông tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp Tokyo, Nhật Bản.

Nam Quyền là phái võ đặc trưng của vùng nhiệt đới châu Á đại dương và không khí của núi cao rừng rậm. Với Phúc Kiến, Quảng Đông là trung tâm, Nam Quyền lưu truyền rộng rãi ở khu vực phía nam sông Trường Giang, vì vậy mà có tên gọi

là "Nam Quyền". Tương truyền rằng Nam Quyền bắt nguồn từ "chùa Nam Thiếu Lâm" ở Phúc Kiến, nhưng đến nay vẫn chưa tìm được chứng cứ xác thực. Văn hóa dân gian ở Phú Kiến phát triển mạnh mẽ, ngay từ giai đoạn giữa đời nhà Minh, võ công ở khu vực Phúc Kiến đã bắt đầu lộ diện. Danh tướng chống giặc Oa là Du Đại Du chính là người Phổ Giang, Phúc Kiến (nay thuộc Tuyên Châu), là cao thủ kiếm thuật hiếm thấy thời đó và cũng là bậc thầy về côn thuật. Một bậc thầy võ thuật khác nữa là Thích Kế Quang (1528 - 1588) đã dẫn theo quân của Thích gia tham gia cuộc vào cuộc chiến chống giặc Oa, ông cũng từng có một thời gian dài sống ở Phúc Kiến. Thích Kế Quang là người Phong Lai, Sơn Đông, võ công thuộc phái Bắc Thiếu Lâm. Đích thân ông truyền thụ võ nghệ cho quan binh, và có những ảnh hưởng nhất định đối với võ công Mân Việt.

Đặc điểm của Nam Quyền là môn hộ chặt chẽ, động tác nhanh, thủ pháp khéo léo, trọng tâm khá thấp. Người miền Nam tứ chi tương đối ngắn, vì vậy mà coi trọng cách đánh áp sát, phần nhiều ra đòn ngắn, phát huy tối đa ưu thế "nhất thốn đoản, nhất thốn hiểm" (ra đòn ngắn, ra đòn hiểm). Đòn đánh của Nam Quyền nhanh mạnh, khéo léo chặt chẽ, cương

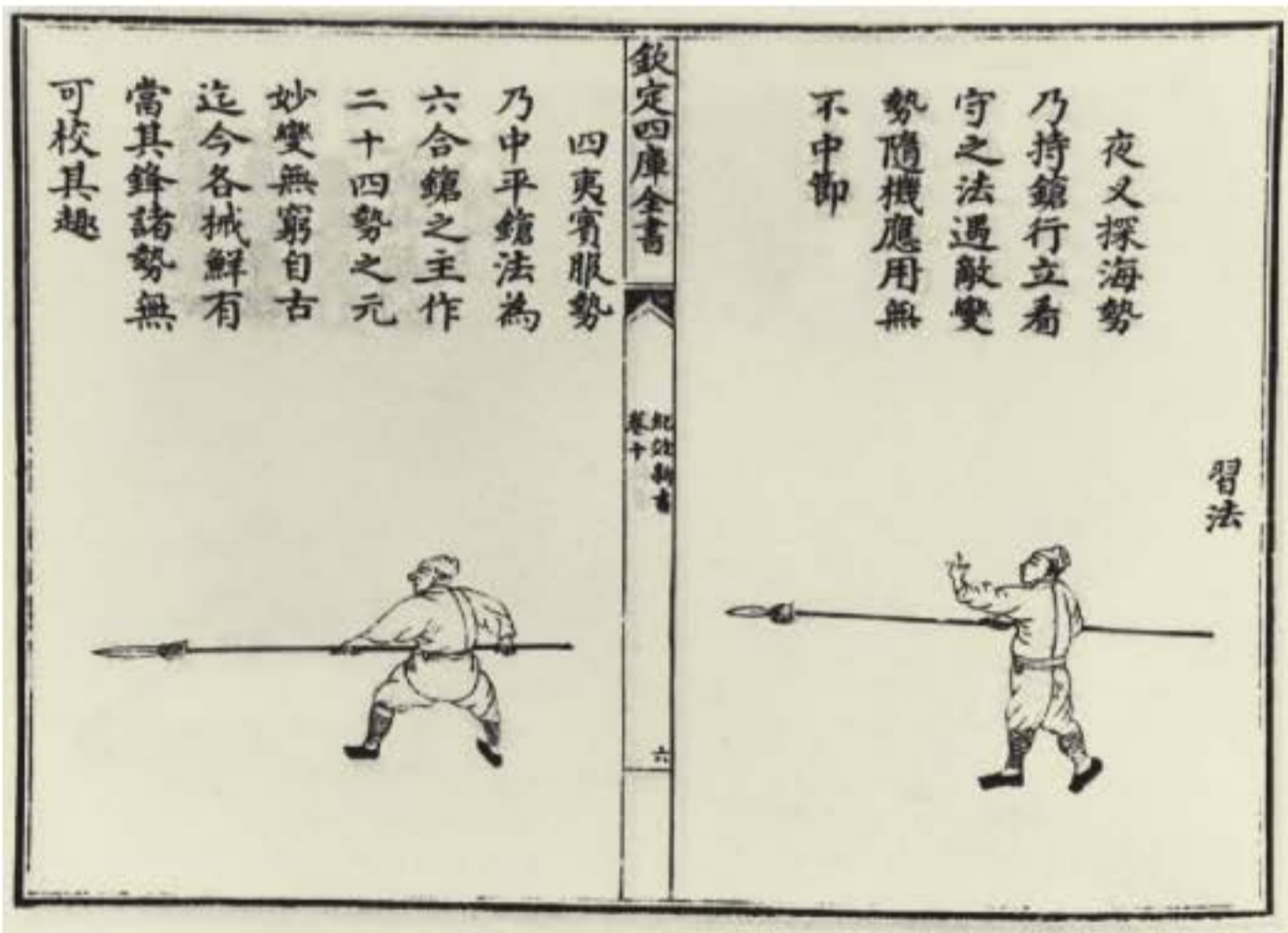




Nữ sinh trường Nguyễn Giáp, Quảng Đông biểu diễn công lực quyền trong đại hội thể thao toàn tỉnh Quảng Đông lần thứ 11, năm 1930.

nhu tương tế, chi trên và hình thủ biến hóa thay đổi liên tục. Khí chất mạnh mẽ, thế đánh uy lực, hình tượng thật là hùng dũng.

Thời gian hình thành của phái Nam Quyền là vào khoảng giai đoạn đầu cho đến giai đoạn giữa thời kỳ nhà Thanh, tức là vào khoảng cuối thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XVIII. Nó bao gồm hơn trăm loại quyền, lưu hành rộng rãi ở các tỉnh như Phúc Kiến, Quảng Đông, Hồ Bắc, Hồ Nam, Chiết Giang, Đài Loan... cũng như các khu vực Hồng Kông, Ma Cao, đồng thời cũng lưu truyền ra nước ngoài từ rất sớm và đều có chỗ đứng ở Đông Nam Á, châu Đại Dương, châu Mỹ... Nếu nói về sự đóng góp trong việc truyền bá võ thuật Trung Quốc, thì Nam Quyền thuộc loại hàng đầu.



Hai trong 24 thế thương pháp trong *Ký hiệu tân thư*, quyển 10 của Thích Kế Quang đời nhà Minh.

PHÁI THÁI CỰC QUYỀN

Trong võ thuật Trung Quốc, Thái Cực Quyền là phái võ có thể thể hiện phương thức tư duy và phương thức hành vi của người Trung Quốc một cách rõ nét nhất và không phái nào có thể sánh bằng.

Thái Cực Quyền kết hợp kỹ kích và dưỡng sinh thành nhất thể, là một kiểu vận động của ý và khí. Nó yêu cầu phải dĩ tâm hành khí (lấy tâm vận khí), dĩ khí vận thân (lấy khí vận thân), ý động hình động (ý nghĩ và hành động là một), ý đáo khí đáo (ý đến khí đến), khí đáo lực đáo (khí đến là lực đến), lực do nội hoán (lực đến từ bên trong), trong nhu có cương, cương nhu tương tế. Thái Cực Quyền do một loạt những động tác xoay tròn hình xoắn ốc tạo thành, mỗi một động tác đều thành hình tròn. Nếu nhìn từ bên ngoài, thì Thái Cực Quyền đều là những động tác vẽ vòng tròn, thế nên nó có những nét đặc thù khác hẳn những phái khác.

Khi ra đòn, Thái Cực Quyền yêu cầu lấy phần lưng làm trụ, thông qua từng khớp, dùng nội khí thúc đẩy ngoại hình, thể hiện vẻ bên ngoài rất mềm mại, nhưng sự mạnh mẽ lại ẩn chứa ở bên trong, chỉ cần vung tay là lực được đẩy ra, dùng cách này để thể hiện phong cách kỹ kích độc đáo, đó là tị thực kích hư, sức nhi hậu phát, dẫn tiến lạc không, tung hoạt đàn đầu⁽¹⁾.

Trên nguyên tắc kỹ kích, Thái Cực Quyền kiên trì coi trọng việc phòng ngự, dĩ thủ vi công, dĩ thoái vi tiến, tức là "không dám làm chủ mà làm khách, không dám tiến một phân mà lùi một thước", coi trọng lấy yếu thắng mạnh, lấy chậm thắng nhanh, lấy ít thắng nhiều, lấy khéo léo thắng vụng về, kị nhất là trò lạm dụng đòn mạnh để đánh bừa bãi, kị nhất là dùng sức mạnh để chống sức mạnh. Đó là một kiểu đánh chứa đựng triết lý sâu xa và đầy ắp trí tuệ, nó tập trung thể hiện cái đạo đối nhân xử thế của người Trung Quốc, thể hiện sự ngộ



Bút tích "Thái Cực Quyền phân thế luyện tập pháp" do ông Vương Nhạc Sơn (tự Tùng Phong) chép lại năm 1946 tại thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam.

¹ Tránh chỗ có thực lực mà đánh vào chỗ trống (theo binh pháp của Tôn Tử chương Hư thực). Ý nói đánh địch thì nhắm vào chỗ quân địch dễ sơ hở, không có phòng bị.





giải của người Trung Quốc đối với cuộc đời và đối với vũ trụ, có thể nói đây là một hình thái thể hiện đặc thù của văn hóa truyền thống Trung Quốc.

Thái Cực Quyền là cách đánh giàu trí tuệ nhất trong nội gia quyền. Thế nhưng, về nguồn gốc của Thái Cực Quyền thì vẫn có rất nhiều tranh cãi. Theo "Lý thị gia phổ" được phát hiện vào năm 2003 ở thôn Hà Nội Đường (nay thuộc Bắc Ái, tỉnh Hà Nam) vào thời Khang



Lý thị gia phổ - Tụ ở Đường thôn - Khang Hy năm thứ 55 (1716) đời nhà Thanh.

Hy năm thứ 55 (năm 1716) đời nhà Thanh, có thể suy đoán sơ bộ rằng, nguồn gốc của Thái Cực Quyền là từ chùa Thiên Tải ở thôn Đường huyện Hà Nội, do nhà Lý thị ở Đường thôn và nhà Trần thị ở huyện Ôn cùng sáng lập nên, những người sáng lập cụ thể có lẽ là anh em Lý Trọng (1598 - 1680), Lý Tín (Nham) (1606 - 1644) ở Đường thôn và Trần Gia Câu, Trần Vương Diên (khoảng 1600 - 1680), thời gian là vào khoảng cuối thời nhà Minh đầu thời nhà Thanh.

Trải qua những biến cố và chiến loạn vào cuối thời nhà Minh, đầu thời nhà Thanh, Thái Cực Quyền của chùa Thiên Tải đã bị phân thành hai chi, một chi là Lý thị ở Đường thôn, chi kia là Trần thị của Trần Gia Câu. Từ đầu đời nhà Thanh, các hậu duệ nhà Lý thị ở Đường thôn đã thu nạp đệ tử ở rất nhiều tỉnh thành khác để truyền bá võ nghệ. Nhưng do thời gian đã quá lâu nên sử sách không ghi chép lại được, Thái Cực Quyền mà Lý thị ở Đường thôn đã truyền ở các nơi đã bị chìm lửng và không còn bất cứ khảo chứng nào, chỉ có những ghi chép về việc truyền võ nghệ trong "Lý thị gia phổ" là được người đời sau này biết đến. Nhưng võ thuật của Trần Gia Câu thuộc phái nhà họ Trần lại có sự khác biệt. Trước những năm Đạo Quang (1820 - 1850) thời nhà Thanh, Thái Cực Quyền phần lớn chỉ hạn chế trong sự truyền dạy từ đời này qua đời khác ở dòng họ Trần, người đời gọi là "Thái Cực Quyền nhà họ Trần". Mãi đến thời kỳ cuối thời nhà Thanh, võ nghệ của nhà họ Trần mới dần dần được truyền bá cho các dòng họ khác. Về sau, với Bắc Kinh là trung tâm, bốn phái võ lớn là võ nhà họ Dương, Vũ, Tôn, Ngô được nhanh chóng truyền bá rộng rãi trên cả nước.

Thái Cực Quyền nhà họ Dương bắt nguồn từ Dương Phúc Khôi (1799 - 1871) là người Vĩnh Niên ở Hà Bắc. Ông theo học Trần Trường Hưng (1771 - 1853), là đời thứ 14 của nhà họ Trần, học võ nghệ hơn mười năm, về sau nổi tiếng ở vùng Lũ Tỏa thuộc Bắc Kinh, người đời gọi ông là "Dương Vô Địch". Ông tiến hành sửa đổi một số động tác có độ khó tương đối cao thuộc phái võ nhà họ Trần, để những đòn này không còn quá gò bó mà trở nên đơn giản mềm mại hơn. Những quyền pháp này lại được sửa đổi thêm bởi con trai của Phúc Khôi là Kiến Hầu, sau đó lại được sửa đổi bởi con của Kiến Hầu là Triệu Thanh (tự là Đăng Phủ, 1883 - 1936), sau đó hình thành nên phái Thái Cực Quyền nhà họ Dương mà hiện nay đang được lưu truyền tương đối rộng rãi.

Thái Cực Quyền nhà họ Võ bắt nguồn từ Võ Vũ Tương (1812 - 1880). Ông cũng là người Vĩnh Niên ở Hà Bắc, xuất thân là một tú tài, đã từng học Thái Cực Quyền từ Dương Phúc Khôi học đại giá Thái Cực Quyền (còn gọi là lão giá), về sau bái Trần Thanh Bình là đời thứ 15 của nhà họ Trần làm thầy, học tiểu giá Thái Cực Quyền. Về sau, ông kết hợp đại giá của nhà họ Dương với tiểu giá của nhà họ Trần, từ đó mà xuất hiện phái Thái Cực Quyền nhà họ Võ.



Ảnh chụp Trần Vi Minh năm 1947. Trần Vi Minh (1881 - 1958) là đệ tử của Dương Đăng Phủ, đã từng sáng lập Chí nhu quyền xã ở Thượng Hải, tác phẩm nổi tiếng là "Thái Cực Quyền thuật".

Thái Cực Quyền nhà họ Tôn bắt nguồn từ Tôn Lộc Đường (1861 - 1932). Ông là người huyện Hoàn thuộc tỉnh Hà Bắc, những năm còn trẻ là người nổi tiếng về võ hình ý và bát quái, vì thế mà có tên gọi "Hoạt hầu" ở Bắc Kinh. Về sau ông bái Hác Vi Chân, là đệ tử của Võ Vũ Tương làm thầy, dung hợp cả phái hình ý, bát quái và Thái Cực Quyền thành nhất thể, từ đó sáng lập ra phái Thái Cực Quyền nhà họ Tôn với đặc điểm ra đòn cao, linh hoạt, các đòn khép mở rất phóng khoáng.

Thái Cực Quyền phái nhà họ Ngô bắt nguồn từ Ngô Giám Tuyền (1870 - 1942). Ông là người Bắc Kinh, dân tộc Mãn, về sau đổi họ thành họ Ngô. Cha ông là Toàn Hữu Tăng đã lần lượt học võ của cha con nhà Dương Phúc Khôi và Dương Ban Hầu, Ngô Giám Tuyền được cha truyền lại võ nghệ. Sau này, Ngô Giám Tuyền đã cải tiến sửa đổi trên cơ sở quyền giá của cha con nhà họ Dương, khiến cho môn võ này trở nên mềm mại hơn, từ đó mà hình thành nên phái Thái Cực Quyền nhà họ Ngô.





Đến những năm đầu của thời kỳ Dân Quốc (1911 - 1949), các phái võ phái sinh từ phái võ nhà họ Trần như võ thuật nhà họ Dương, võ thuật nhà họ Vũ, võ thuật nhà họ Tôn, võ thuật nhà họ Ngô lại hình thành nên từng phái riêng biệt, từ đó tạo nên xu thế các phái võ cùng tranh đua thể hiện, và phái Thái Cực Quyền tên tuổi lẫy lừng mới được coi là chính thức hình thành. Đây là phái võ hình thành tương đối muộn trong rất nhiều phái võ lớn của Trung Quốc, nhưng cũng chính vì vậy, nó cũng trở thành phái võ giàu sức sống nhất trong rất nhiều phái võ nổi tiếng của Trung Quốc.

Bắt đầu từ Trần Vương Đình, người trong gia tộc nhà họ Trần luôn vun trồng cho di sản của họ, giữ được truyền thống văn võ song toàn tốt đẹp, không chỉ có rất nhiều cao thủ võ thuật trong lịch sử, mà còn xuất hiện rất nhiều nhà lý luận võ thuật rất nổi tiếng. Truyền thống này của dòng Thái Cực Quyền nhà họ Trần cũng đã ảnh hưởng đến bốn phái Thái Cực Quyền khác. Vì thế, mãi cho đến thời điểm hiện tại, trong rất nhiều phái võ của Trung Quốc, Thái Cực Quyền luôn có ưu thế rõ ràng về mặt trình độ văn hóa. Các tác phẩm nghiên cứu về Thái Cực Quyền không chỉ nhiều về số lượng mà còn có mức độ lý luận sâu sắc, về phương diện công pháp và kỹ kích ít mang tính bảo thủ hơn. Hơn thế, do Thái Cực Quyền dung hòa võ nghệ và dưỡng sinh thành một, phù hợp cho mọi lứa tuổi, vì thế mà chỉ trong vòng mấy chục năm ngắn ngủi, nó đã được phổ biến trên toàn quốc, trở thành phái võ phát triển mạnh mẽ nhất.

PHÁI HÌNH Ý QUYỀN

Hình Ý Quyền còn gọi là Tâm Ý Quyền hoặc Tâm Ý Lục Hợp Quyền, được xếp vào bốn phái nội gia quyền lớn cùng với Võ Đang, Thái Cực và Bát Quái. Thế nhưng, phong cách của Hình Ý Quyền lại là những đòn cứng và mạnh, như những tia chớp lóe lên rất nhanh, vì thế mà nó cũng trở nên độc đáo trong nội gia quyền. Hình Ý Quyền xuất hiện vào thời kỳ cuối nhà Minh đầu nhà Thanh, được sáng lập bởi Cơ Tế Khả (1602 - 1680), ông là người Bồ Châu (nay là Vinh Tế) tỉnh Sơn Tây. Tương truyền rằng Cơ Tế Khả những năm còn trẻ đã từng đến học võ nghệ mười năm trời ở chùa Thiếu Lâm trên núi Tung tại Hà Nam và thương thuật vô cùng tinh nghệ. Về sau, ông đổi thương thành quyền, lấy ý nghĩa là “đầu tiên là ý, kết thúc là hình”, sáng tạo ra phái Hình Ý Quyền dũng mãnh. Sau khi được truyền bá ra ngoài, Hình Ý Quyền dần dần hình thành nên ba phái lớn, nội dung cũng không ngừng được phát triển phong phú thêm. Phái thứ nhất là phái Sơn Tây, nhân vật tiêu biểu là Đới Long Bang (1713 - 1802), ông đã từng viết tác phẩm “Ngũ hành quyền”. Thứ hai là phái Hà Bắc, nhân vật tiêu biểu là Lý Lạc Năng (1803 - 1888). Lý Lạc Năng là người huyện Thâm thuộc tỉnh Hà Bắc, nghề nghiệp chủ yếu là buôn bán, báỉ con thứ của Đới Long Bang là Đới Văn Hùng (1769 - 1861) làm thầy,



Hình của Lô Tung Cao - bậc thầy của phái Hình Ý Quyền. Lô Tung Cao (1873 - 1961), là người dân tộc Hối, là truyền nhân Tâm ý quyền pháp đời thứ bảy của Mã Học Lễ ở Hà Nam, là người sáng lập nên Tâm ý quyền ở Thượng Hải.

học võ nghệ mười năm, người đời gọi là “thần quyền lý”. Lý Lạc Năng sáng lập nên “tam thể thức”, sau khi về lại Hà Bắc ông đã truyền thụ cho không ít đệ tử, hình thành nên phái Hà Bắc. Phái thứ ba là phái Hà Nam, nhân vật tiêu biểu là huynh đệ của Đới Long Bang là Mã Học Lễ (1714 - 1790). Mã Học Lễ là người Lạc Dương, dân tộc Hối, phần nhiều đều truyền thụ cho người dân tộc Hối ở Hà Nam, hình thành nên phái Hà Nam. Những năm đầu thời kỳ Dân Quốc, hai phái Hà Bắc và Hà Nam thuộc Hình Ý Quyền đã lần lượt truyền bá về phía Nam, đến các tỉnh như Tứ Xuyên, An Huy, Thượng Hải..., sau đó lại truyền bá ra nước ngoài. Còn phái Sơn Tây cho đến nay vẫn không được truyền bá rộng rãi. Sự hình thành cuối cùng của Hình Ý Quyền có lẽ là vào cuối đời nhà Thanh.

Hình Ý Quyền về cơ bản thuộc tượng hình quyền, sáo lộ chủ yếu của nó là mô phỏng những động tác bắt mồi và động tác tự vệ của một số loài động vật rồi từ đó mà tạo thành, do đó mà được gọi là “lấy ý từ tượng hình”, các loài động vật thường là rồng, hổ, khỉ, ngựa, đà (một loài như cá sấu, dài hơn hai trượng, bốn chân, da nó dùng để bưng trống), gà, diều hâu, yến, rắn, chim, chim ưng, gấu... Hai phái Sơn Tây và Hà Bắc chủ yếu là thập nhị hình, phái Hà Nam chủ yếu là thập hình. Trong chiến đấu thực tế, hai phái Sơn Tây và Hà Bắc dùng nhiều đến đòn tay (quyển chưởng), phái Hà Nam lại chú

trọng đến việc phát huy tác dụng của đốt giữa và đốt gốc, phát huy đầu gối và khuỷu tay để tấn công đối thủ. Hình Ý Quyền mạnh mẽ mà mộc mạc, động tác đơn giản thực dụng, sáo lộ hoàn chỉnh, coi trọng việc ra đòn ngắn nhưng tốc độ rất nhanh. Trong nguyên tắc ra đòn, Hình Ý Quyền chủ trương khống chế đối thủ, chủ động tấn công, nắm bắt vị trí trung tâm, tấn công bằng đòn mạnh, “gặp kẻ

“Tai” trong Hình ý thập nhị hình

“Tai” còn gọi là “thổ hốt”, là một loại chim ưng có đuôi ngắn, mọi người gọi loài này là “chim ưng cụt đuôi”, chúng nổi tiếng nhờ tài săn mồi, khi còn nhỏ thường mài vuốt (vì vuốt móng của chúng quá sắc nên khi bắt mồi thường bắt thỏ làm cho thỏ bị cào xước), chúng thường ăn thịt thỏ hoang. Những con chim ưng hoang đã thường đậu trên cành cây cao, đầu cúi xuống, đuôi dựng ngược (tức là đuôi dựng đứng) để mai phục bắt thỏ và các loài chim khác. Trong quyền pháp tấn công, vì con người dùng hai cánh tay dùng như một dạng đuôi ở phía trước là để hỗ trợ cho phần lực ở bụng, hình thành nên cách ra đòn tập trung lực ở phía trước để phát ra lực ở dọc theo hai tay, vì thế mà gọi đó là “đòn trợ bụng”. Vốn dĩ trước đây, khi kỹ pháp của Hình Ý Quyền đạt đến cảnh giới cao siêu, dụng vào bất cứ bộ phận nào trên cơ thể cũng có thể ra đòn, duy chỉ có phần bụng của con người là không thể phát ra đòn để phản công, vì vậy mà nó được Lý Lạc Năng bổ sung thêm vào phần này làm cho kỹ pháp của Hình Ý Quyền càng toàn diện hơn.





Tranh tết: Nhạc Phi thu phục Hà Nguyên Khánh vào cuối đời nhà Thanh tại Thiên Tân. Nhạc Phi (1103 - 1142), là danh tướng chống quân Kim của thời nhà Tống. Hà Nguyên Khánh chiếm núi kháng cự với Nhạc Phi, cả hai lần bị bắt nhưng đều được thả ra. Hà Nguyên Khánh cảm thấy hổ thẹn nên đã dẫn quân đầu hàng cùng đánh lại quân nhà Kim. Hai nhân vật trong hình là Hà Nguyên Khánh đang giao chiến cùng Nhạc Phi. Truyện được viết trong "thuyết nhạc toàn truyện". Xưa đây tương truyền rằng, Hình Ý Quyền là do Nhạc Phi sáng lập nên, nhưng không có căn cứ chứng minh.

địch như có lửa thiêu thân, tấn công nhanh mạnh không gì có thể ngăn cản", "đòn lên như gió, đòn hạ như mũi tên" (ý nói Hình Ý Quyền yêu cầu giải quyết trận chiến trong thời gian rất ngắn), "bất chiêu bất giá, chỉ thị nhất hạ" (ý nói khi có địch tấn công, không cần phải dùng chiêu sách này nọ, chỉ cần phản công thật nhanh là có thể chiến thắng).

Hình Ý Quyền cũng thuộc phái Đạo gia, coi trọng nội công luyện pháp, khi đối ứng với đối phương yêu cầu phải dựa vào ý mà điều động tiềm năng lớn nhất từ bên trong cơ thể, lấy ý hành khí, dùng khí đẩy lực, ra đòn chỉ trong tích tắc, hơn thế còn đòi hỏi phần khuỷu tay không được duỗi thẳng, rút ngắn khoảng cách ra đòn, làm cho những đòn tấn công có một lực xuyên suốt khá mạnh mẽ, như thế hoàn toàn có thể làm cho nội tạng của đối thủ bị tổn thương.

Vào thập niên 20 của thế kỷ XX, Vương Hương Trai (đệ tử của Quách Vân Thâm, 1885 - 1963) là người ở huyện Thâm, tỉnh Hà Bắc lại dựa trên nền tảng của Hình Ý Quyền mà tiến hành bỏ hình lấy quyền, sáng lập nên phái Ý quyền (đã từng



Hình của Vương Hương Trai

được gọi là “Đại thành quyền”). Sự xuất hiện của Ý quyền đã đánh dấu một cuộc cách mạng trong võ thuật của Trung Quốc. Vương Hương Trai đã mạnh dạn từ bỏ tất cả những sáo lộ truyền thống và chiêu pháp cố định, trở về với bản chất giản dị chân thực, đưa phái võ này lên vị trí đầu bảng. Ý quyền không có sáo lộ, không có chiêu thức cố định, chỉ có cách tùy cơ ứng thế, phản ứng nhanh nhạy. Vương Hương Trai đã từng nhiều lần ứng chiến với các cao thủ nước ngoài và đều chỉ cần một chiêu đã đánh bại đối thủ. Động tác của Hình Ý Quyền rất đơn giản, thực dụng trong chiến đấu thực tế, thuận với trào lưu phát triển của võ thuật, vì thế mà nó được truyền bá rất rộng rãi và nhanh chóng. Ngoài ra, truyền nhân trong lịch sử của phái võ này ít có tính bảo thủ, đồng thời giành nhiều thời gian cho nghiên cứu lý luận. Cũng giống như phái Thái Cực Quyền, cả hai đều sử dụng ưu thế gần với văn hóa khu vực tiềm tàng của mình mà thể hiện một sức sống mãnh liệt.

PHÁI BÁT QUÁI

Bát Quái Quyền cũng chính là Bát Quái Chưởng, được Đồng Hải Xuyên (1796 - 1882) lưu truyền ở Bắc Kinh vào cuối đời nhà Thanh. Đồng Hải Xuyên là người Văn An, tỉnh Hà Bắc, những năm còn nhỏ đã tinh thông La hán quyền (thuộc phái võ Thiếu Lâm), sau đó đi chu du tứ phương và gặp một đạo sĩ ở núi Thâm tại Giang Hoán rồi học được Bát Quái Quyền, võ công càng trở nên thâm hậu hơn. Đến tuổi trung niên về sau, Đồng Hải Xuyên định cư ở Bắc Kinh, truyền võ cho gần một ngàn đệ tử, các đệ tử học được rất nhiều món võ nghệ từ ông, sau đó tiếp tục phái sinh ra nhiều phái võ khác nhau. Các phái võ chủ yếu gồm có:

Bát quái chưởng kiểu họ Doãn, do Doãn Phúc (1840 - 1909) truyền bá. Võ sư là nghề của Doãn Phúc;

Bát quái chưởng kiểu họ Trình, do Trình Đình Hoa (1848 - 1900) truyền bá. Trình Đình Hoa mở lò võ Nhân Kính ở Bắc Kinh, mọi người gọi là “Nhân kính trình”, khi Liên quân tám nước tiến vào Trung Quốc, ông bị quân Đức giết hại;

Bát quái chưởng kiểu họ Tống thứ nhất, do Tống Trường Vinh truyền bá;

Bát quái chưởng kiểu họ Tống thứ hai, do Tống Vĩnh Tường truyền bá;

Bát quái chưởng kiểu họ Lương, do Lương Chấn Bồ (1863 - 1934) truyền bá. Năm 14 tuổi ông bái Đồng Hải Xuyên làm sư phụ, sau khi học được võ nghệ, ông đã từng mở lò võ “Đức thắng phiêu cục” ở nhiều nơi như huyện Ký, tỉnh Hà Bắc.



Hình của Đồng Hải Xuyên





Võ thuật Trung Quốc

Từ đó có thể thấy, khi Bát quái chưởng được truyền tới đời thứ hai, nó đã được chia làm năm phái võ như phái Doãn, phái Trình, hai phái họ Tống và phái Lương, về sau, vào cuối đời nhà Thanh đầu thời kỳ Dân Quốc, Bát quái chưởng đã bước đầu hình thành nên phái Bát Quái với Bắc Kinh là trung tâm.

Vào khoảng những năm đầu thời kỳ Quang Tự đời nhà Thanh, bậc thầy của phái võ Hình Ý - Quách Văn Thâm (1855 - 1932) đã đến Bắc Kinh gặp gỡ Đồng Hải Xuyên, hai người bàn bạc và quyết định kết hợp võ Hình ý cùng với Bát quái thành một. Về sau, Trương Chiếm Khôi (1864 - 1948) vừa học được võ Bát quái từ Đồng Hải Xuyên, cũng vừa học được võ của phái Hình ý từ Lưu Kỳ Lan ở Hà Bắc, sau đó dần dần hình thành hai môn võ này thành một, sáng lập ra "hình ý bát quái chưởng", hiện nay môn võ này vẫn còn đang được lưu truyền ở Tứ Xuyên, Thượng Hải...

Võ bát quái dùng chưởng thay cho quyền, bước đi thành hình tròn, bứt phá khỏi quyền pháp truyền thống là chủ yếu dùng quyền, bước đi thành đường thẳng, từ đó mở ra một hướng đi mới cho võ thuật của Trung Quốc. Các bước đi của thể võ chủ yếu là nâng lên, đạp xuống, mở ra, thu lại, xoay vòng qua trái qua phải, liên tục không gián đoạn. Võ bát quái coi trọng nhất là bước chân, đòi hỏi phải nhẹ nhàng như cờ bay, lãng đãng như mây trôi, "cổn toàn tranh khóa"⁽¹⁾, đòn động và đòn tĩnh đều theo hình tròn, cương nhu tương tế, kỳ chính tương sinh⁽²⁾. Đòn đánh tựa như rỗng bay, thấy đầu mà không thấy đuôi; chưởng như gió thổi, thấy ảnh mà không thấy hình. Ứng phó với địch thủ kiểu như vậy tức là tị thực kích hư⁽³⁾, tay đánh vai đụng, cũng vừa có thể làm chủ bằng ý nghĩ.

1 Cổn, toàn, tranh, khóa: Bốn pháp lực cơ bản trong vận động bát quái chưởng, chi phối lực khi di chuyển sang trái qua phải và cách ra đòn ra vào theo hình vòng tròn của tứ chi. Cổn là động tác theo hình tròn của cánh tay, toàn đòi hỏi động tác của cánh tay vừa phải chuyển động, vừa phải mở ra thành hình tròn hướng về phía trước, tranh là mở ra bên ngoài, khóa là khóa vào bên trong.

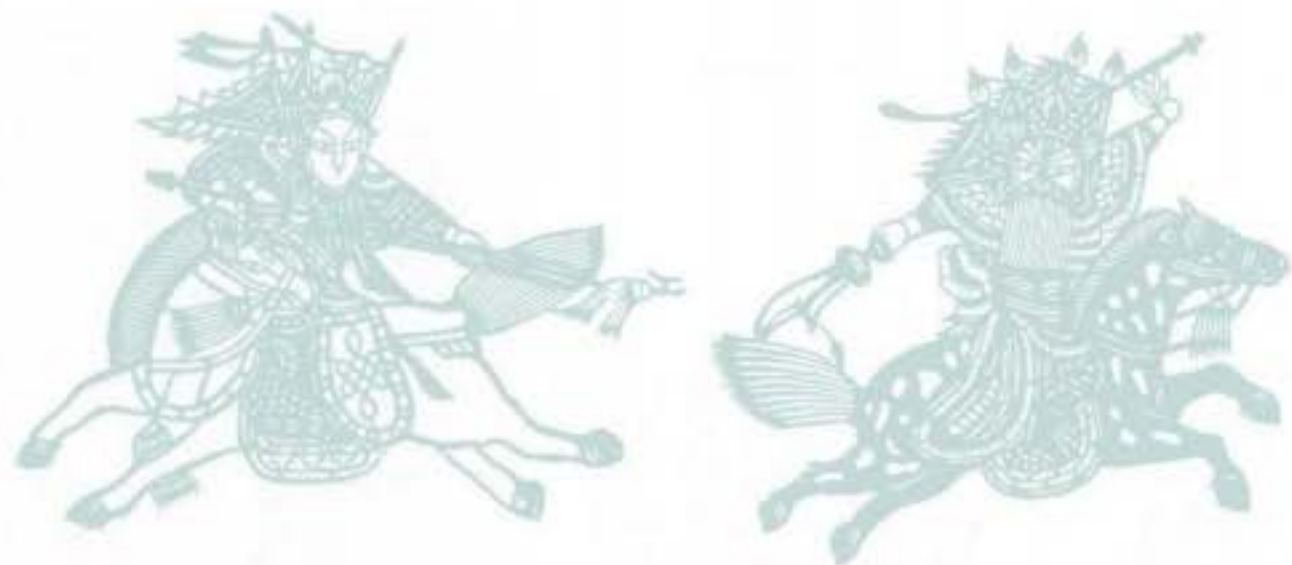
2 Kỳ chính tương sinh: Kỳ tức là lạ, chính tức là bình thường, thông thường. Ý nói những cái kỳ lạ và thông thường cùng tương hỗ, cùng biến hóa.

3 Tị thực kích hư là tránh thực đánh hư. Ý nói đánh vào chỗ tưởng như không đánh.



Bậc thầy võ nghệ Phó Chấn Tung tay cầm thanh đao bát quái rất lớn. Ảnh chụp năm 1929. Phó Chấn Tung (1881 - 1953), thời niên thiếu học võ từ Giả Kỳ Sơn - học trò giỏi của Đồng Hải Xuyên, năm 1928 ông được Viện võ thuật trung ương Trung Quốc mời làm thầy giáo trong bộ môn Bát Quái Chưởng. Ông tiếp thu học hỏi những người đi trước và sáng lập nên môn Thái Cực Quyền kiểu họ Phó, không chỉ là một môn võ nghệ độc đáo và nổi tiếng trong nước, mà còn được lưu truyền rộng rãi sang các nước như Mỹ, Canada, Brazil và các nước ở khu vực Đông Nam Á.

BINH KHÍ

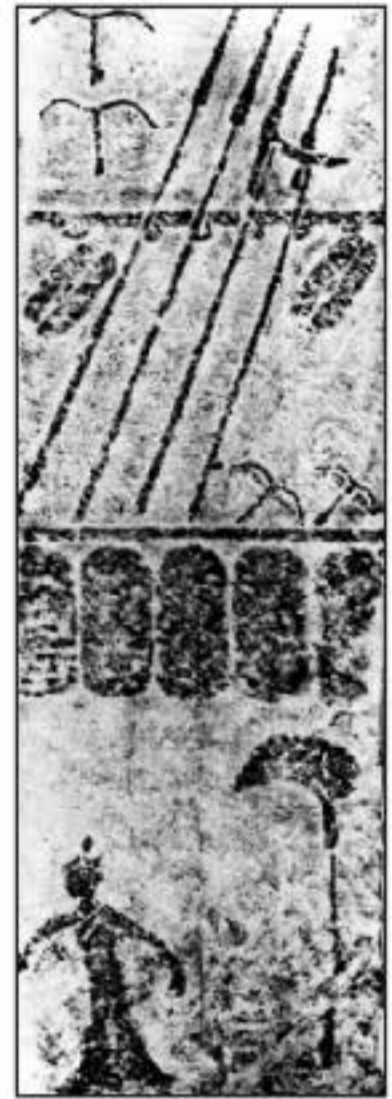




Trung Quốc thời cổ đại từng có cách nói rằng: “Thập bát ban võ nghệ” (mười tám ban võ nghệ), thực ra đó chính là nói đến cách sử dụng của 18 loại binh khí. Rốt cuộc là 18 loại binh khí nào? Trong lịch sử từ xưa đến nay đều chưa có sự thống nhất, nhưng thông thường là nói đến cung, nỏ, thương, côn, đao, kiếm, mao (giáo), thuẫn (khiên), rìu, việt (một loại vũ khí thời xưa, giống cái búa lớn, làm bằng kim loại, thường dùng trong lễ nghi, tượng trưng cho uy quyền của đế vương), kích, thù (một thứ vũ khí dài một trượng hai thước, không có mũi nhọn), tiên (một thứ binh khí thời xưa, rèn bằng sắt), giản (một thứ vũ khí, giống roi, có bốn cạnh mà không có mũi nhọn), chùy (binh khí thời xưa, có cán dài, một đầu gắn khối tròn bằng kim loại), xoa (một thứ vũ khí giống như đinh ba), ba (tên một vũ khí, giống như cái bừa cào, có cán), qua (mác).

Trong thực tế, binh khí thời cổ đại của Trung Quốc chắc chắn không chỉ có 18 loại kể trên, hơn thế các loại binh khí mà những người trong giới võ lâm sử dụng có sự khác biệt rất lớn so với các loại binh khí mà quân binh sử dụng trong đánh trận. Người trong võ lâm coi trọng việc chiến đấu độc lập, còn trong quân đội lại coi trọng việc tác chiến tập thể, hiệu lệnh thống nhất, vì vậy mà có sự khác biệt rất lớn trong việc sử dụng các loại binh khí.

Trong giới võ lâm, có rất nhiều binh khí kỳ lạ, ngoài ra còn có các loại ám khí đủ kiểu đủ dạng, tổng số có thể lên đến hàng trăm, trong đó không ít loại binh khí đã thất truyền, và còn có một số loại đang đứng trước nguy cơ thất truyền. Những năm gần đây, trong giới võ lâm, 5 loại binh khí thường sử dụng nhiều nhất là đao, kiếm, thương, côn và tiên.



Kho binh khí. Tranh vẽ trên đá vào thời nhà Hán, được khai quật ở Nam Dương, tỉnh Hà Nam. Trong kho binh khí có treo các loại binh khí như giáo, kích, cung, khiên... phía dưới là người giữ kho.



Một chiếc búa (việt) bằng đồng từ thời Chiến quốc. Búa là một loại binh khí, phần đầu được làm bằng đồng xanh, có cán dài. Phần đầu của búa nhọn sắc, mỏng, sức chém chặt rất mạnh. Kiểu dáng của búa tương tự như rìu, nhưng to hơn rìu.



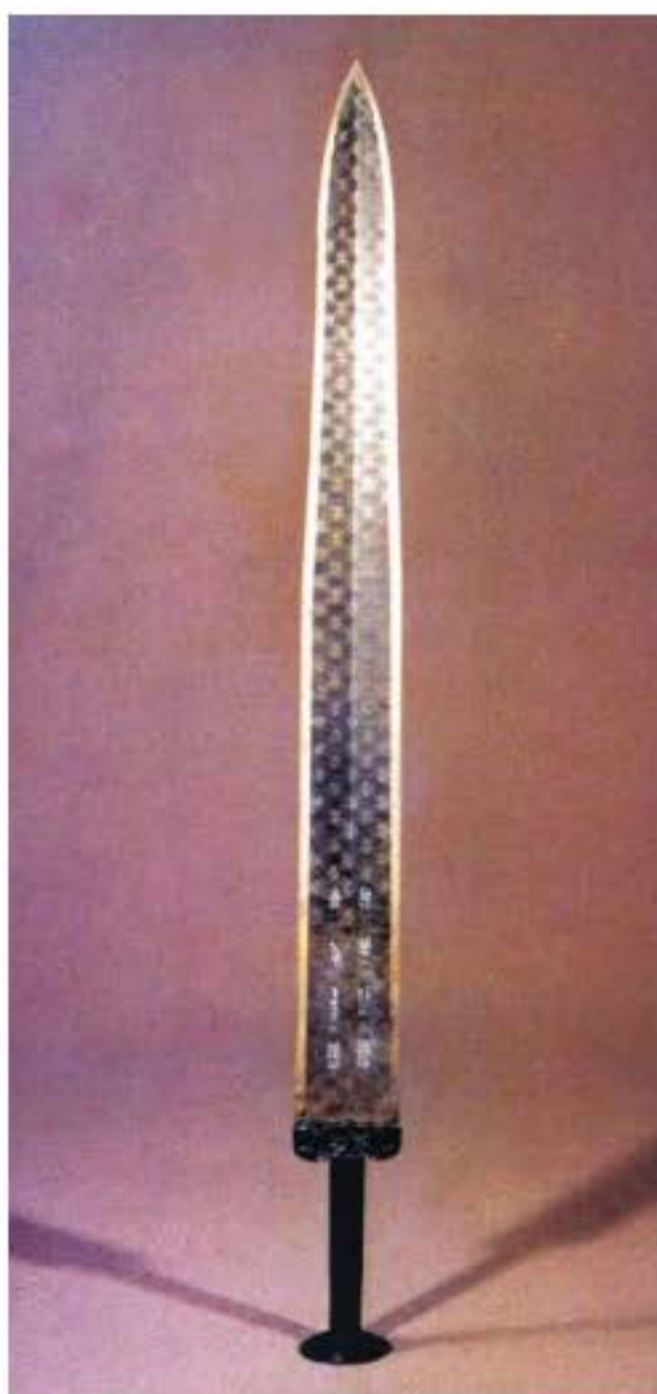
Mác

Mác là một loại vũ khí đặc biệt có tay cầm của Trung Quốc thời cổ đại có thể dùng móc, bổ, cắt... Mác có lưỡi sắc nằm ngang, mũi nhọn dẹt trước, cán cầm thẳng đứng. Lưỡi bên trong có thể dùng để móc, cắt; lưỡi bên ngoài có thể dùng để chọc xỉa, còn mũi nhọn phía trước có thể dùng để bổ đối phương. Vào thời cổ đại, mác và cán được gọi hợp thành “cán mác”, là tên gọi chung của các loại binh khí.

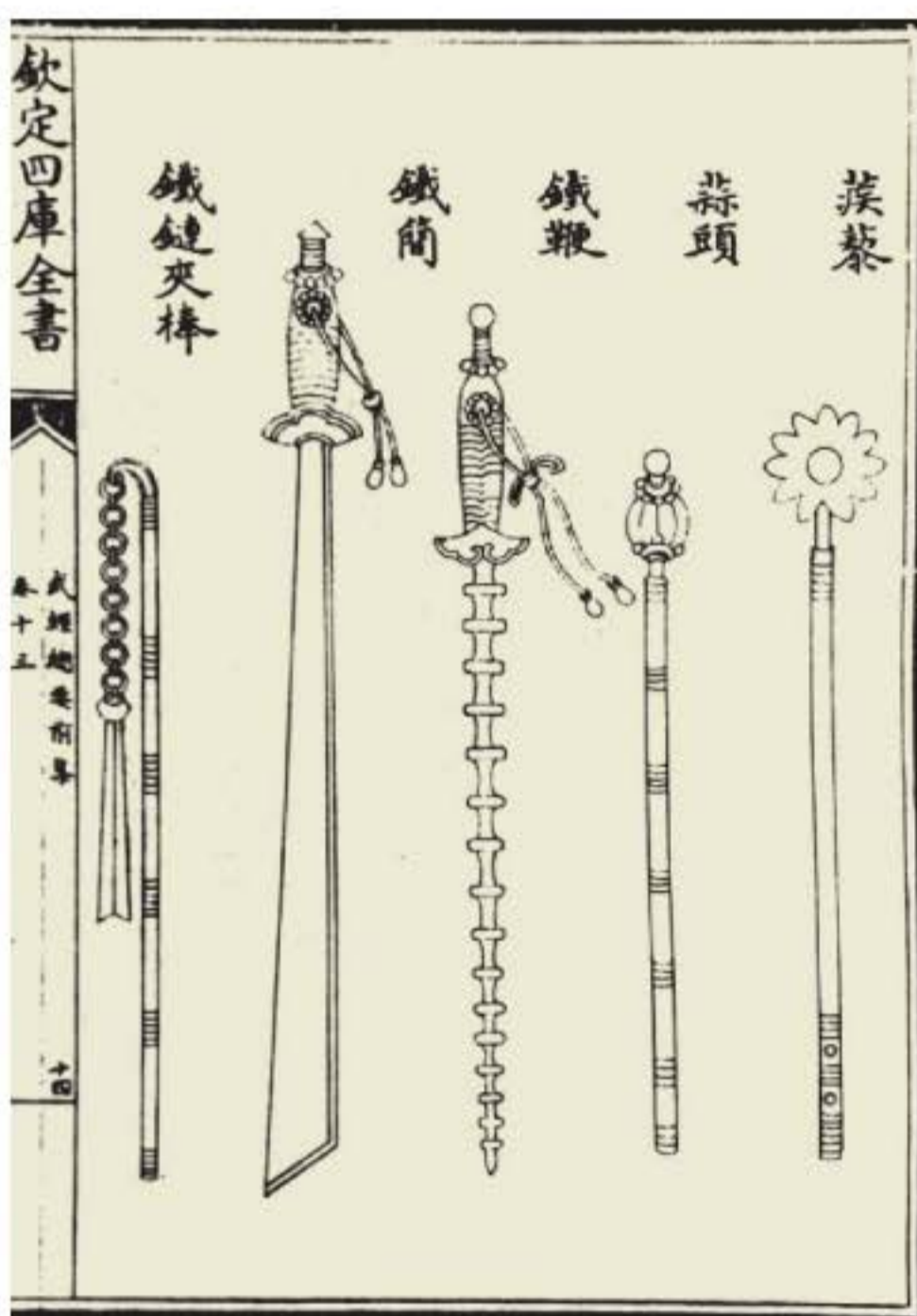
CÁC LOẠI BINH KHÍ NGẮN

Binh khí ngắn tức là những loại binh khí có độ dài thông thường không dài quá khoảng cách giữa chân tới lông mày của một người bình thường, trọng lượng khá nhẹ, khi sử dụng thường cầm một tay. Loại binh khí ngắn thường thấy nhất là đao và kiếm.

Sáo lộ của đao gồm có hai loại là đơn đao và song đao, công dụng chính đều là chặt chém. Đơn đao đòi hỏi phải có sức mạnh và tốc độ nhanh, có nhiều dạng động tác ra đòn. Song đao giàu tính thường ngoạn, những cao thủ khi múa song đao rất điệu nghệ, đạt đến trình độ chỉ thấy đường đao mà không thấy bóng người.



Thanh kiếm của Việt vương Câu Tiễn vào cuối thời kỳ Xuân Thu, được khai quật ở Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc. Thanh kiếm này có chiều dài 55.6cm, rộng 4.6cm. Trên thanh kiếm có khắc dòng chữ "Thanh kiếm Việt vương Câu Tiễn tự làm và sử dụng", lưỡi kiếm vẫn rất sắc bén và sáng bóng, là binh khí tiêu biểu của những thanh kiếm Ngô Việt nổi tiếng.



Các loại binh khí ngắn thời nhà Tống.





Võ thuật Trung Quốc

Kiếm là loại binh khí có hai lưỡi, công dụng chủ yếu là đâm chém, được chia làm hai loại đơn kiếm và song kiếm, nhưng số lượng đơn kiếm chiếm phần nhiều. Có những thanh kiếm có tua trên cán cầm (còn gọi là bào kiếm), xưa nay gọi là “văn kiếm”. Những loại tay cầm không có tua xưa nay gọi là “võ kiếm”.

Rìu ngày nay cũng được coi là một loại binh khí ngắn. Những chiếc rìu dùng trong tác chiến vào thời cổ đại phần nhiều đều có cán dài, xưa nay gọi là “rìu lớn”, thuộc binh khí dài. Còn một loại khác nữa là loại rìu cán ngắn, tục gọi là “rìu bản”.

Roi có hai loại mềm và cứng. Roi cứng được làm từ sắt thép, có 13 khúc, tục gọi là “roi thép đốt tre”, đoạn đuôi sắc nhọn, chủ yếu dùng để chẻ, đập, cũng có thể dùng để đâm. Roi mềm tục gọi là “roi chín khúc”, do chín khúc gậy bằng thép nhỏ hoặc bằng đồng nhỏ nối thành sợi, độ dài ngắn hơn chiều cao của người bình thường một chút, động tác ra đòn chủ yếu là cuốn và vung roi.

Giản là loại binh khí làm bằng sắt thép có kiểu dáng dài, thường là có bốn cạnh, không có lưỡi, đoạn đầu cũng không nhọn, chiều dài khoảng 0.8m, cũng thuộc loại binh khí để nện, đập. Ngoài ra còn có loại song giản, dài khoảng từ 0.6 - 0.7m.

Móc (câu) là loại binh khí có nhiều lưỡi, trên phần thân có lưỡi, phần đuôi có hình móc câu, chỗ tay cầm làm thành hình lưỡi liềm, có đầu nhọn và có lưỡi.

Quải là một loại binh khí làm bằng gỗ, có hai loại là quải ngắn và quải dài, quải ngắn dài khoảng 0.7m, quải dài dài khoảng 1.3m. Đặc điểm của quải là ở gần ngay phần đầu của thân gậy bằng gỗ có gắn một cán ngang thành hình chữ “丁” (đinh). Quải có thể dùng để đâm, đập, cũng có thể dùng để móc khóa lại binh khí của đối phương.

Trượng và quải gần giống nhau, nhưng phần cán ngang nằm ở tận trên đầu của cây gậy, cũng tạo thành hình chữ “丁” (đinh). Trượng dài



Kiếm và Ngô móc thời nhà Tấn, khai quật tại Lâm Đồng, tỉnh Thiểm Tây. Cây kiếm mỏng như chiếc lá, sắc bén vô cùng, một lần có thể xén đứt mười tám lớp giấy. Khi khai quật được vẫn còn sáng bóng, kiểu dáng mạnh mẽ cứng cáp. Qua hóa nghiệm cho thấy, bề mặt của kiếm có lớp hợp chất crôm giữ cho kiếm không bị han gỉ.

khoảng 1.2m, có thể sử dụng bằng một tay, cũng có thể sử dụng bằng cả hai tay. Các đòn tấn công gồm có móc, bới, điểm, cào, bốc, đâm, xẻ...

Tiên can là một loại gậy ngắn làm bằng gỗ, dài khoảng 1.3m, phần thân khá nhỏ, tương truyền rằng nó được hình thành từ loại roi da đánh ngựa. Tiên can ngắn và không có lưỡi, mang theo bên mình rất tiện lợi, sử dụng cũng thuận tiện, sử dụng phổ biến ở khu vực Tây Bắc.

Thời cổ đại còn có một loại binh khí tên là “thiết xích”, dài khoảng 0.6m, nhỏ dài mà thân dẹp, không có đầu nhọn, không có lưỡi, công dụng chủ yếu là đập, đè. Thiết xích khá phổ biến vào cuối thời nhà Thanh, nhưng hiện nay đã trở nên khá hiếm.

Móc có chiều dài 66cm, hai bên lưỡi đối diện, phần đầu không nhọn, có thể đẩy, móc. Vào thời nhà Đường, Lý Hạ có thơ rằng: “Nam nhi hà bất



Từ Ninh dạy thương pháp câu liêm, hình trong “Thủy hử truyện” hồi thứ 56. Thương câu liêm là loại thương dài, trên đầu lưỡi sắc của cây thương có thêm một loại móc ngược. Trong “Thủy hử truyện”, Lương Sơn Bạc dựa vào loại thương câu liêm do Thang Long chế tạo ra rồi cùng với Từ Ninh huấn luyện ra các binh sĩ, nhờ đó mới có thể phá được trận liên hoàn mã của quân Tống.

đới Ngô câu, Thu thủ quan sơn thập ngũ châu” (Tại sao nam nhi không mang theo chiếc móc Ngô, Để thu về cả năm châu bốn bể). Chiếc móc này được khai quật đã giúp cho những ghi chép về lịch sử có liên quan được kiểm chứng.

BINH KHÍ DÀI

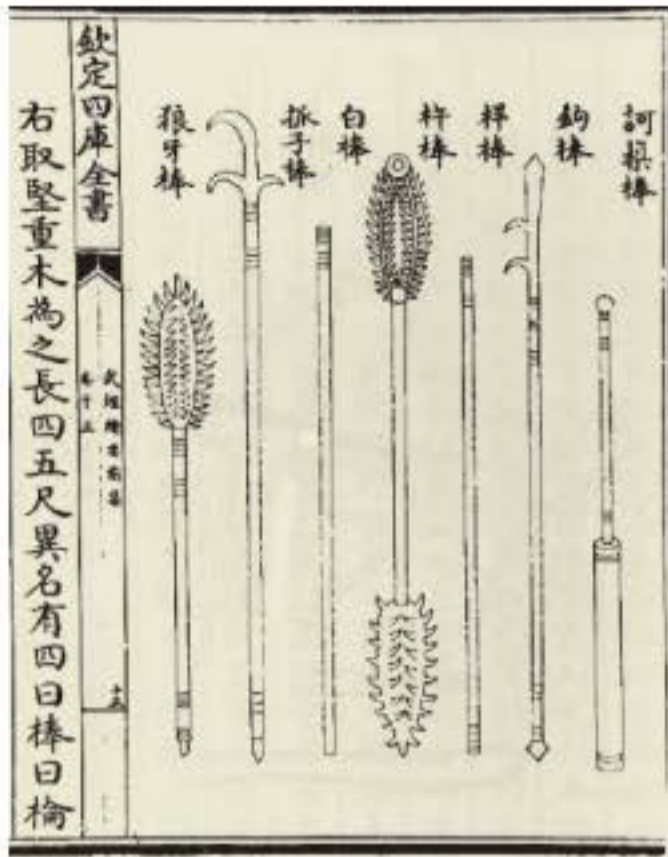
Trong giới võ lâm, ba loại binh khí dài thường thấy nhất là thương, côn, và đao lớn.

Thương được giới võ lâm đặt cho một cái tên nổi tiếng là “bách khí chi vương” (vua của trăm loại binh khí). Theo cách nói trong tục ngữ thì “thương trát nhất điều tuyền”⁽¹⁾, đòi hỏi khi đâm phải thành một đường thẳng, cũng chính cách nói “chiếc thương bằng và thẳng là loại thương thượng hạng, dùng thương này tấn công thì đối phương khó mà chống đỡ”. Trong thương pháp, đòn tấn công chủ yếu là chặn, cầm và đâm, đồng thời cũng có các dạng đòn khác như chẻ, xốc, bới, ngoáy, kéo, cuộn, quây, đỡ...

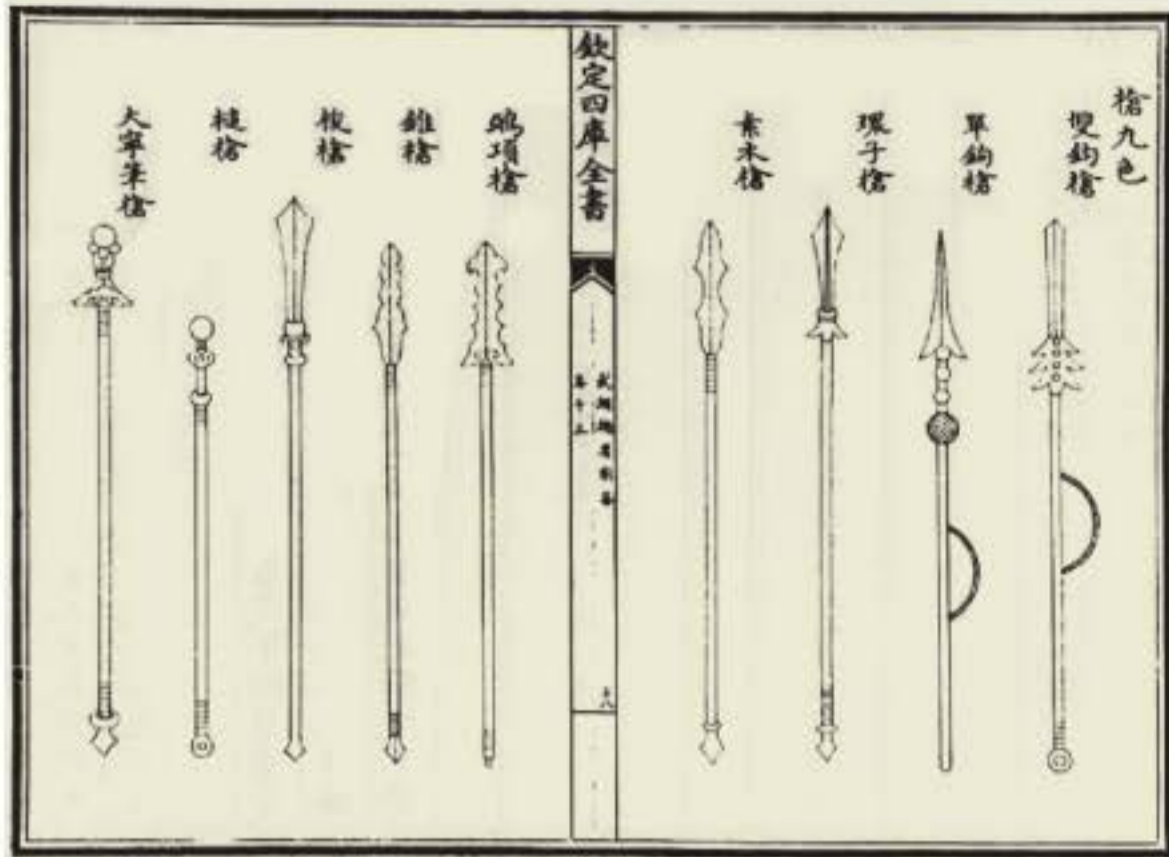
Côn là loại binh khí dài có lịch sử lâu đời nhất, thời xưa được gọi là “thù” (những chiếc thù thời cổ đại có cạnh nhọn nhưng không có lưỡi). Côn có rất nhiều

1 Điểm tấn công của thương chỉ là một điểm ở đầu nhọn, vì vậy khi tấn công, phải biết vận dụng tốt đầu nhọn này mới có thể phát huy được uy lực của cây thương. Do vậy khi dùng thương, cần chú trọng thủ pháp vận hành của đầu thương, ra đòn thành một đường thẳng thì lực tấn công mới có thể phát huy được ở mức độ lớn nhất.





Các loại côn thời nhà Tống.



Các loại thương dài thời nhà Tống.

loại, nếu phân chia từ kiểu dáng thì có côn dài, côn tế mi, côn tiêu tử...; nếu phân chia từ chất liệu thì có mộc côn, thiết côn, đốn côn..., trong đó mộc côn là loại thường thấy nhất. Côn pháp nổi tiếng từ sự uy mãnh và tốc độ, có nhiều động tác quét và xoay vòng, không gian tấn công tương đối rộng, vì thế mà có cách nói là "côn đả nhất đại phiến" (đánh bằng côn có thể đánh trong một khoảng không gian rộng).

Côn ba khúc tức là dùng vòng thép nối liền ba khúc mộc côn cứng và ngăn lại với nhau, có thể thu lại hoặc duỗi thẳng hay điều chỉnh thành các kiểu dáng. Côn tiêu tử tức là ở phía đuôi của côn dùng vòng thép nối với một khúc mộc côn ngắn, có thể gạt hái được hiệu quả rất cao.

Đao lớn là loại đao phía thân sau có một cán dài, còn gọi là "Xuân thu đại đao", "Yển nguyệt đao" (cây đao lưỡi cong hình trăng khuyết), "trường đao". Vào thời nhà Đường (618 - 907), chiều dài của một cây đại đao là 3m, nặng 7.5kg, hai bên lưỡi, gọi là "mạch đao". Ngày nay đại đao được sử dụng trong giới võ lâm đều là loại một bên có lưỡi. Một loại khác gọi là bịch đao, tức là loại đao có cán ngắn hơn một chút so với cán của đại đao, thân đao dài nhỏ, cũng sử dụng bằng hai tay.

Kích hình kiếm từ cuối thời kỳ Chiến Quốc, hiện được bảo tồn tại Bảo tàng thành phố Nam Dương. Chiếc kích này có kiểu dáng đặc biệt, là loại binh khí hiếm thấy.



Ngoài ra, binh khí dài còn mấy loại khác. Trước thời Nam Bắc Triều (420 - 589), kích là một loại binh khí rất phổ biến, có hai



Những người tùy tùng của các quan chức Trung Quốc, vào cuối thời kỳ nhà Thanh. Họ cầm trong tay gậy tre, xoa ba chạc và đao lớn.

Loại là đơn kích cán dài và song kích cán ngắn. Song kích cán ngắn thuộc binh khí ngắn. Đơn kích cán dài lại chia làm hai loại khác nhau: Loại ở phía đuôi có gắn hai cái lưỡi liềm ở hai bên trái phải gọi là “phương thiên kích”, còn lưỡi liềm chỉ có ở một bên thì gọi là “thanh long kích”.

Xoa (vũ khí giống như đinh ba) là loại binh khí thường thấy, thời cổ đại phần nhiều dùng làm dụng cụ săn bắt. Phía đầu có hai chạc gọi là “ngưu cước xoa”; phía đầu có ba chạc gọi là “tam đầu xoa” hoặc “tam cước xoa”, còn được gọi là “hổ xoa”. Các đòn tấn công của xoa vốn dĩ bắt nguồn từ thương pháp, đặt trọng tâm ở một thế cân bằng, cũng có thể dùng để khóa binh khí của đối phương.

Sản (cái xẻng) là loại binh khí ít thấy, ban đầu nó là công cụ đào cỏ của nông dân. Phía trước và sau cán xẻng có lưỡi, phần đầu là xẻng hình cong cong, bên trong gồ lên, phần lưỡi liềm hướng ra phía ngoài; phần đuôi là một chiếc cán xẻng hình chiếc riêu, phía đầu có lưỡi. Tương truyền rằng xẻng mới đầu là binh khí của Phật môn, còn có tên gọi là “xẻng thuận tiện” hoặc “xẻng lưỡi liềm”, khi diễn tập, đòn ra nhẹ nhàng mà khác biệt, có các đòn tấn công như đẩy, ép, đập, xẻ, lăn, xúc...

Ba (bừa, cào) vốn dĩ cũng là một loại nông cụ, sau được dùng làm binh khí. Những chiếc bừa ở phần đầu có chín răng thép, răng nhọn hoắt như những chiếc đinh. Ba dài khoảng 2.4m, nặng khoảng 2.5kg, có thể đánh, đâm, cũng có thể dùng để phòng vệ.





Đẳng (loại binh khí có từ thời nhà Minh) thuộc loại binh khí hiếm thấy. Kiểu dáng của đẳng giống như xoa, ở chính giữa phần đầu có mũi nhọn gọi là chính phong, dài khoảng 0.5m. Phần sau của chính phong có một lưỡi liềm bắt ngang, trên lưỡi liềm có khảm một hàng dao sắc. Cán của đẳng dài đến 2.5m, phần đuôi có đầu sắt bịt lại gọi là "tổn".

ÁM KHÍ

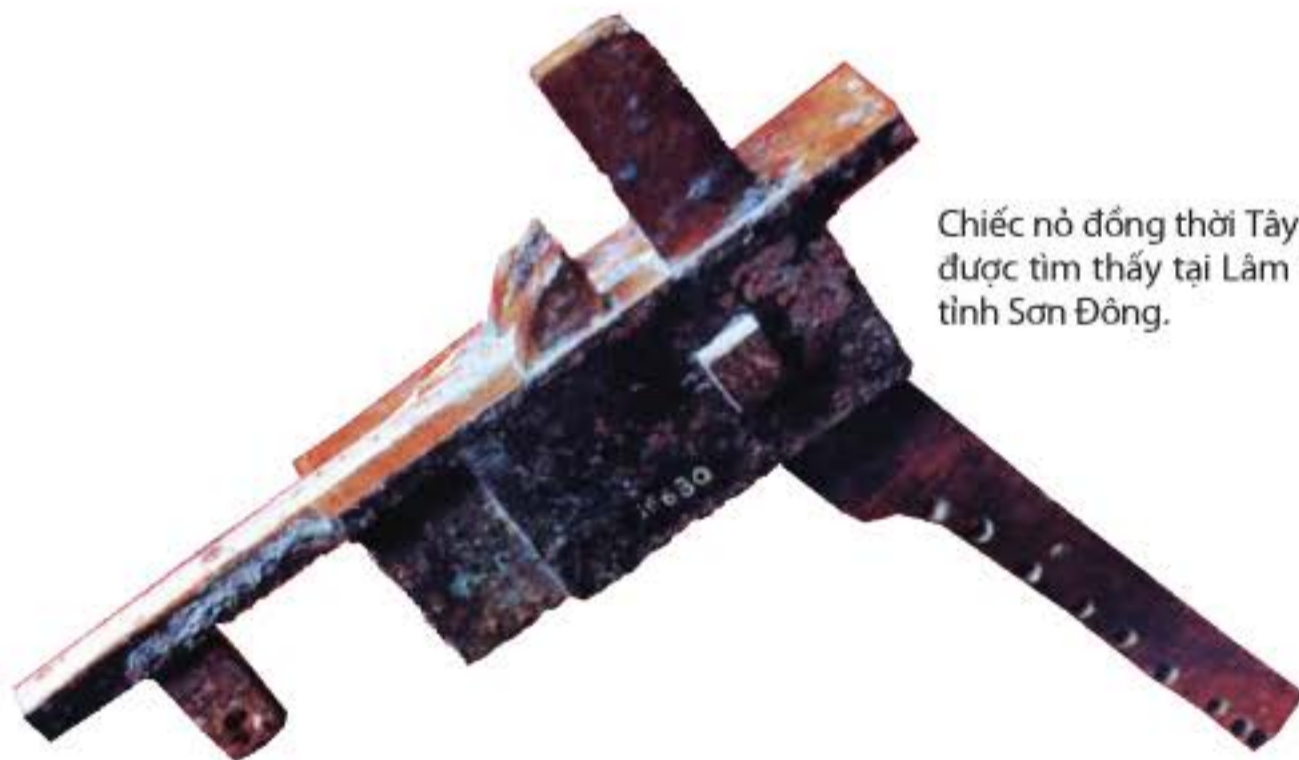
Ám khí, tức là những loại binh khí thuận tiện sử dụng trong bóng tối để thực hiện tấn công đột ngột. Ám khí trong giới võ lâm Trung Quốc đến đời nhà Thanh có sự phát triển mạnh mẽ và đạt đến đỉnh điểm. Sau khi hỏa khí thịnh hành vào cuối đời nhà Thanh, ám khí bắt đầu bị lãng quên, thế nhưng cho đến nay, trong giới võ lâm Trung Quốc vẫn có người tập luyện kỹ pháp này.

Ám khí có thể chia làm bốn loại lớn, đó là thủ trịch, tác kích, cơ xạ, dược phún, mỗi một loại lớn này lại bao gồm những loại khác.

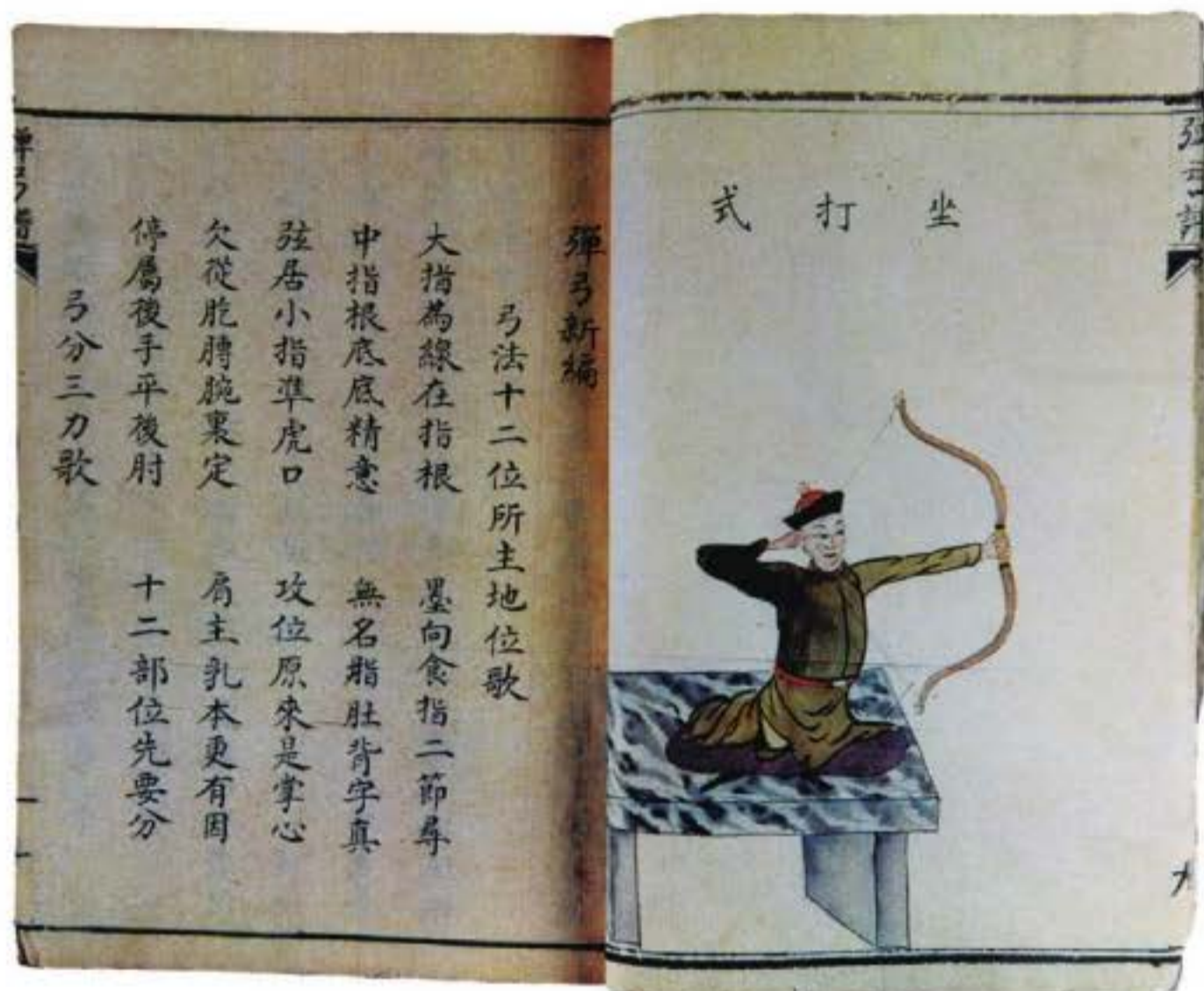
Loại ám khí thủ trịch có tiêu thương, kim tiễn phiêu, phi phiêu, trịch tiễn (súy thủ tiễn), phi xoa, phi nao, phi thích (bao gồm tam lăng thích, Nga Mi thích), phi kiếm, phi đao, phi hoàng thạch, nga noãn thạch, thiết cảm lâm (tảo hạch tiễn), như ý châu, càn khôn khuyên, thiết uyên ương, thiết thiểm thừ, mai hoa châm, phiêu đao (ba nhọn hai lưỡi)...

Ám khí loại tác kích có những loại như thẳng phiêu, lưu tinh chùy, lang nha chùy, long tu câu, phi trào, nhuyễn tiên, miên sáo tác, thiết liên hoa...

Loại ám khí cơ xạ có tỵ tiễn, đàn cung, nỏ tiễn, nỏ trang trí hoa, nỏ đập, dùi lôi công...



Chiếc nỏ đồng thời Tây Hán, được tìm thấy tại Lâm Truy, tỉnh Sơn Đông.



Bài vẽ bắn cung, xuất bản vào năm thứ mười vua Hàm Phong đời nhà Thanh (1860), hiện bảo tồn tại Thư viện Thủ đô Bắc Kinh.

Loại ám khí dược phún gồm có tụt pháo, ống phún, súng điều chùy⁽¹⁾...

Còn có một số loại ám khí rất khó để quy về bốn loại lớn kể trên như mũi tên thổi, kiếm ngón tay, vòng cương chỉ, thủ khô, chùy thủ, thủ chùy...

Trong tất cả các loại ám khí, loại ám khí thủ trích được ứng dụng rộng rãi nhất, kiểu dáng cũng đa dạng nhất, dưới đây chọn ra một vài loại để giới thiệu.

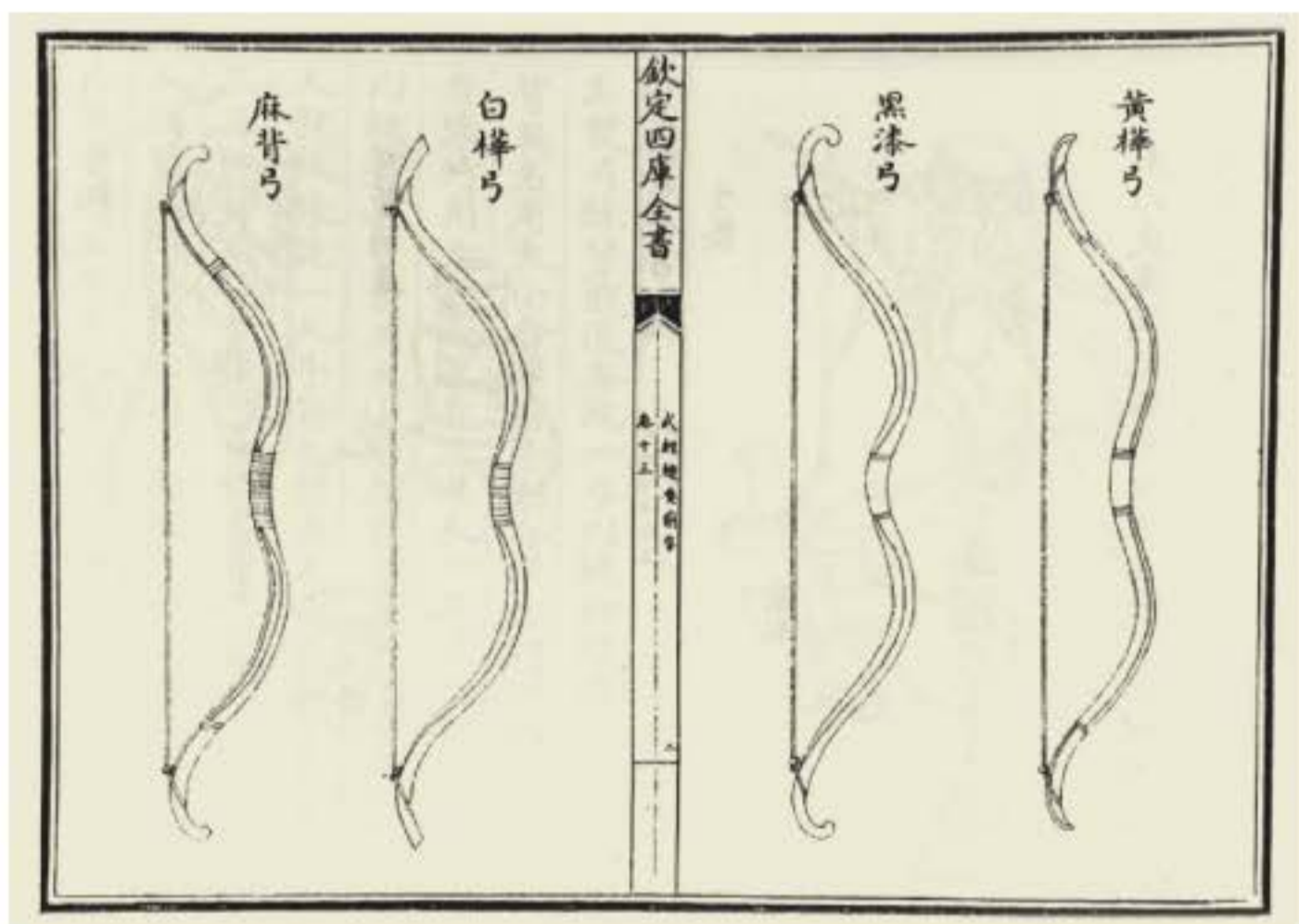
Phi phiêu, còn gọi là "thoát thủ phiêu", có các hình dạng như ba góc, năm góc hoặc trục tròn..., phía trước đều có đầu nhọn. Phiêu có độ dài khoảng 10cm, nặng khoảng 0.2kg. Đầu đuôi của phiêu có vải lụa màu đỏ xanh gọi là "phiêu y", dài khoảng 8cm, bộ phận này giúp cho phiêu bay ổn định hơn.

Kim tiền phiêu, tức là dùng những đồng tiền có lỗ vuông đúc từ thời cổ đại để dùng như một loại phiêu. Những kim tiền phiêu thông thường phần nhiều đều được mài cho xung quanh vô cùng sắc bén, tựa như lưỡi dao, khi ném ra nó sẽ xoay tròn và bay về phía trước, cạnh sắc của nó sẽ làm đối thủ bị thương.

Trích tiễn còn có tên là "súy thủ tiễn" hoặc "suất thủ tiễn", vì khi ném phải vung cánh tay nên có tên như vậy. Trích tiễn được làm hoàn toàn từ

¹ Vũ khí dùng thuốc nổ thời nhà Minh, đúc thành ống đồng hay sắt, trên có hình chim kiêu làm chuẩn để nhắm bắn.





Các loại cung vào thời nhà Tống.

thân tre mảnh, cán của tiễn vững vàng, phần đầu vót nhọn, phía sau không thêm lông, nhìn chẳng khác gì một chiếc đũa tre vót nhọn.

Phi hoàng thạch là loại đá cứng có hình dạng nhỏ dài và có góc cạnh, nhìn hình dạng giống như hoàng trùng (loại châu chấu ăn hại lúa), vì vậy mà có tên gọi là "phi hoàng thạch". Nga noãn thạch chính là đá viên có hình bầu dục ở các ven sông. Phi hoàng thạch và nga noãn thạch đều là những thứ dễ tìm dễ thấy, vì vậy mà chúng cũng vô cùng phổ biến trong giới võ lâm.

Phi xoa được đúc từ sắt, đoạn trước phần nhiều chia làm ba chạc, chạc chính giữa dài. Đoạn ba chạc đầu đều có hình dạng đầu thương nhọn sắc, hai chạc nhỏ ở hai bên phải trái cũng được mài sắc phần lưỡi. Phi xoa dài 27cm, nặng khoảng 0.25 đến 0.5kg, cán của xoa nhỏ dần từ sau đến trước, phần đuôi là phần thô nhất.

Nao vốn là một loại nhạc khí hình tròn được đúc bằng đồng, về sau được người trong giới võ lâm đổi thành một loại ám khí. Phi nao chia làm hai loại, loại to và loại nhỏ, đại phi nao có đường kính khoảng 35cm, tiểu phi nao có đường kính khoảng 17cm, còn có tên gọi là "phi bạt". Giữa lòng của đại phi nao có dây nối, có thể giữ, buộc hoặc xoay vòng, thuộc loại ám khí tác kích. Tiểu phi nao không có dây, còn gọi là "thoát thủ nao".

Phi thích cũng có nhiều loại. Một loại có ba cạnh, hai đầu nhọn sắc, đoạn giữa khá thô, ở giữa có vòng, có thể xỏ vào ngón tay. Một cặp phi thích có ba cạnh nặng khoảng 1.5kg, mỗi thanh phi thích ba cạnh dài khoảng

40cm. Loại phi thích khác có tên là Nga Mi thích, kích thước phần nhiều giống với thích ba cạnh, nhưng thân tròn và không có cạnh, ở giữa cũng có vòng, thuận tiện dùng trong thủy chiến. Phi thích dùng để phi, ném lại là một loại khác, kiểu dáng to nhỏ của nó giống như ống bút, hai đầu nhọn sắc, phần giữa hơi nhô lên, toàn bộ chiều dài khoảng 20cm, nặng khoảng 0.2kg.

Thiết cảm lăm còn có tên là “tảo hạch đinh”, “tảo hạch tiễn”, “hạch tử đinh”, dài khoảng 2cm, nặng khoảng 15g, được làm bằng thép nguyên chất.

Mai hoa châm cũng là một loại ám khí hiếm thấy. Cấu tạo của nó là năm chiếc kim sắt ở phần chân nối liền với nhau, khi tấn công phía sau đối thủ sẽ đâm vào 5 chỗ, hình dáng giống như bông hoa mai năm cánh. Độ dài của kim khoảng 3cm.

Càn khôn quyển là một loại khuyên hình tròn làm bằng thép, có đường kính khoảng 15cm, mé trong và mé ngoài đều là dạng lưới, khi ném ra sẽ xoay tít và làm đối phương bị thương.

Như ý châu (ngọc như ý) là viên bi làm bằng sắt hoặc ngọc mà mọi người luôn cầm chơi trên tay, cũng có thể là những quả đào trên núi.

Trong loại ám khí tác kích, bốn loại thường thấy nhất là thẳng phiêu, lưu tinh chùy, phi thảo, nhuyễn tiên.

Đẳng phiêu là buộc một sợi dây thừng dài ở phần đuôi của phi tiêu bằng sắt. Phi tiêu bằng sắt to hơn một chút so với những phi tiêu thông thường, dài khoảng 0.2m, nặng khoảng 0.3kg, phần đầu nhọn, phần đuôi to và có hình tròn, còn có một vòng sắt dùng để buộc dây thừng. Dây thừng dài khoảng từ 6.7 đến 10m.



Thị thốc (tên để bản cung) bằng đồng thời Chiến quốc, hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Bảo Thành, Thiên Tân.





Võ thuật Trung Quốc

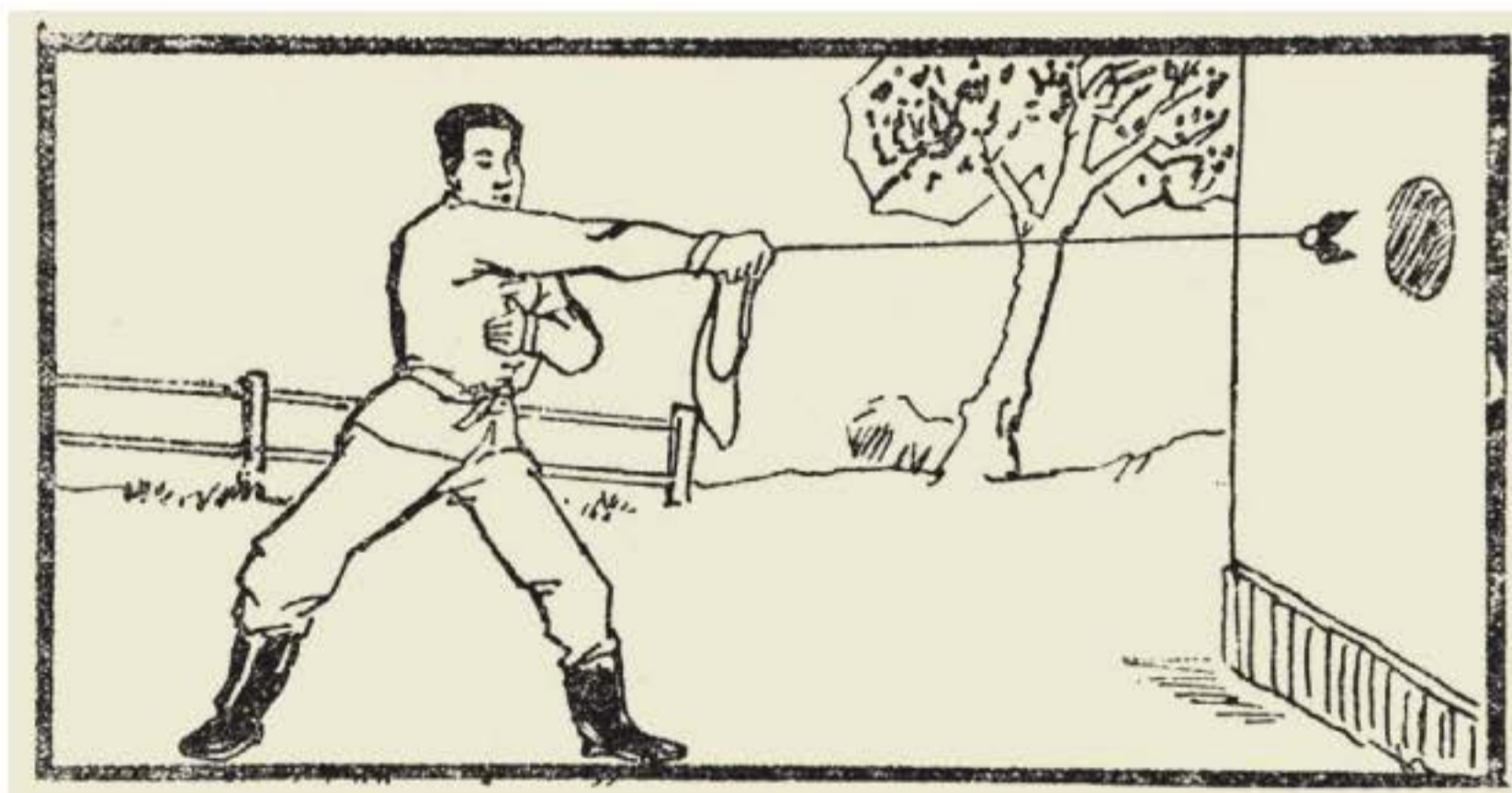
Lưu tinh chùy là dùng một sợi dây thừng dài buộc lên một quả chùy bằng sắt, khi quăng vào đối phương sẽ làm đối phương bị thương. Hình dáng phía ngoài của quả chùy có thể là tròn trịa, cũng có thể là hình bầu dục hoặc có thể là có góc cạnh. Một quả chùy nặng từ 1.5 đến 2.5kg, những quả chùy nặng nhất có thể lên đến 4.5kg.

Phi trảo là một loại ám khí vô cùng lợi hại, trảo được làm từ sắt, nhìn bề ngoài có nét giống như một bàn tay, có năm móc bằng sắt, mỗi một móc chia thành ba đốt, có thể mở ra hoặc gấp lại. Đoạn trên cùng của đốt đầu tiên nhọn sắc, nhìn như vuốt móng của con gà. Trong lòng của phi trảo bằng sắt có các kết cấu, có thể kiểm soát từng móc một. Phần đuôi của phi trảo có một sợi dây dài gắn với kết cấu này.

Nhuyễn tiên (roi mềm) có hai loại là loại dài và loại ngắn. Một chiếc nhuyễn tiên dài có tổng chiều dài vào khoảng 3m, có một cán gỗ to, cán gỗ dài khoảng 30cm; chiều dài của một chiếc nhuyễn tiên ngắn vào khoảng 1.2m, cũng có một cán gỗ ngắn. Nhuyễn tiên thường được làm bằng da thú loại tốt và chia thành ba đoạn, đoạn càng về gần đầu roi thì càng nhỏ. Sợi roi được cố định trên cán gỗ, tay cầm vào phần cán là có thể sử dụng roi mềm một cách linh hoạt.

Thiết liên hoa là loại ám khí hiếm thấy, nó là một dạng ám khí có hình cánh hoa được làm bằng thép mỏng, sau đó những cánh hoa được gắn lại với nhau, nhìn giống như một bông hoa sen, phần phía sau có buộc dây.

Trong loại ám khí cơ xạ (ám khí dạng bắn) thì tụ tiễn là loại thường gặp nhất. Tụ tiễn có hai loại, đó là loại tụ tiễn ống đơn và tụ tiễn hoa mai.





Làm nỏ. Hình trong “Thiên công khai vật”.

“Thiên công khai vật” là một tác phẩm nổi tiếng về khoa học kỹ thuật mang tính tổng hợp của Trung Quốc thời cổ đại, tác giả là Tống Ứng Tinh (1587 - 1661) - nhà khoa học nổi tiếng thời nhà Minh. Trong tác phẩm đã ghi chép lại kỹ thuật chế tác của rất nhiều loại binh khí.

Hai loại tụ tiễn này đều buộc ống tiễn vào cánh tay, phần đoạn trước của ống giáp với mu bàn tay. Trong ống tiễn có lò so, trên ống có gắn kết cấu bắn. Ống tiễn đơn mỗi lần chỉ có thể bỏ một mũi tên vào trong. Ống tiễn hoa mai thì một lần có thể bỏ vào đó 6 mũi tên nhỏ, một mũi tên ở chính giữa và 5 mũi tên khác ở xung quanh, xếp thành hình giống như một bông hoa mai, có thể bắn ra liên tục. Phần thân của tụ tiễn dùng tre trúc vót thành, dài khoảng 20cm, đoạn trước có gắn đầu mũi tên bằng sắt. Ống đựng mũi tên của dạng tụ tiễn ống đơn dài khoảng 24cm, được đúc bằng đồng, sắt. Trên phần đỉnh của ống có lỗ, là nơi để cho mũi tên vào. Phía trước ống cũng có lỗ, là nơi để mũi tên bay ra. Ống đựng mũi tên của tụ tiễn hoa mai hơi to, đường kính khoảng 3.5cm, độ dài cũng khoảng 24cm.

Nỏ là loại thường thấy khác trong loại ám khí cơ xạ.





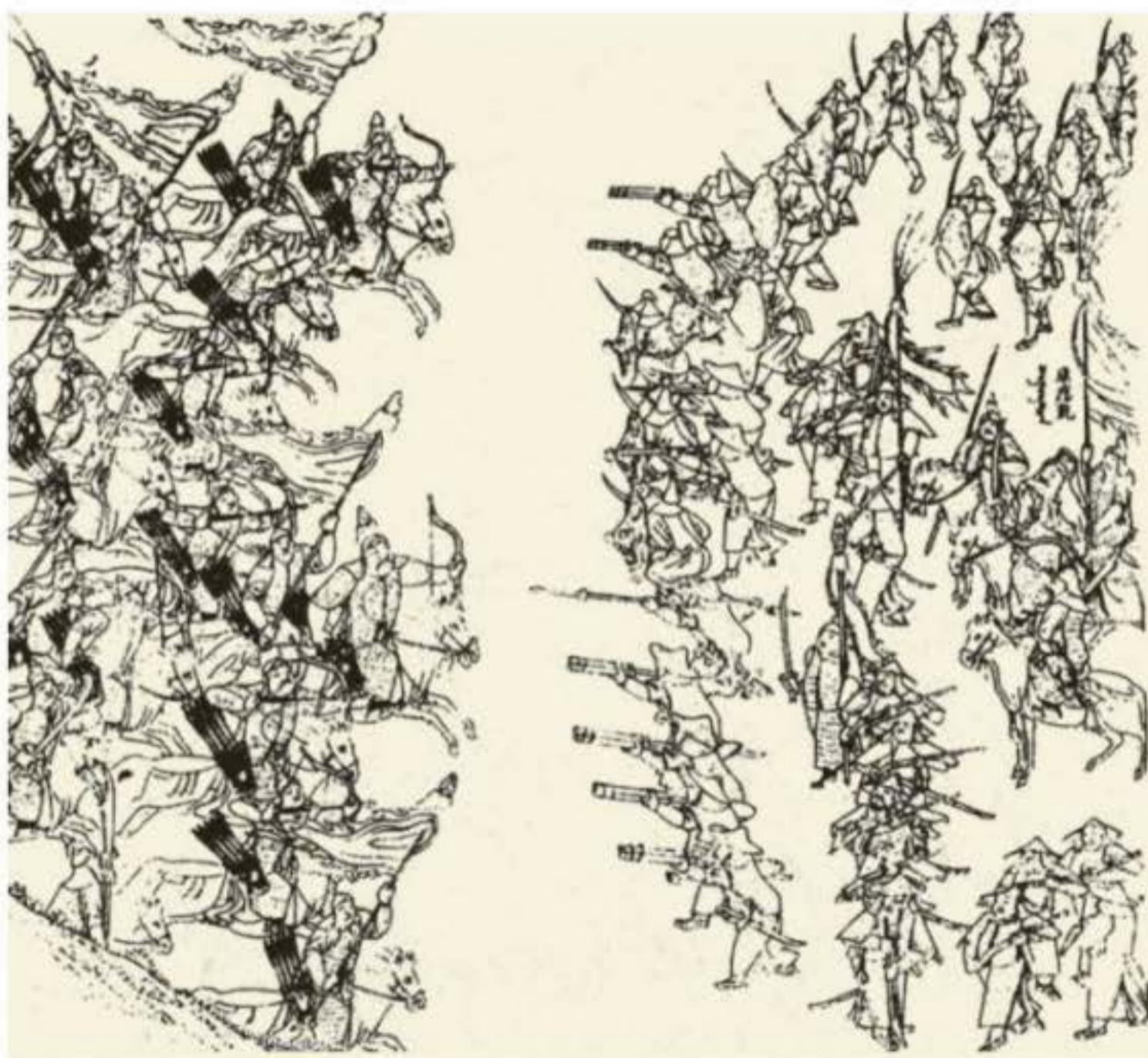
Võ thuật Trung Quốc

Nỏ được làm bằng gỗ cứng, ở giữa lõm vào là nơi để cán mũi tên. Phần sau của nỏ có hình vòng cung, dùng dây để kiểm soát. Nỏ có kiểu dáng nhỏ, thường chỉ dài khoảng 33cm.

Trong các loại ám khí dược phún (thuốc phun) thì tុ pháo là loại được sử dụng rộng rãi nhất.

Tុ pháo (pháo bỏ túi) là loại ám khí đặc biệt dùng hỗn hợp thuốc súng. Nó được biến tấu từ thuốc súng Tiến Đường từ thời cổ đại, trên thực tế, nó là một loại máy phát lửa dạng mi ni, vì kiểu dáng nhỏ bé nên mới được gọi là "tុ pháo".

Tុ pháo được làm bởi ống tre có độ to nhỏ khác nhau, chiều dài khoảng 40cm, bên ngoài ống trúc gắn thêm ba cái vành bằng sắt. Đoạn đầu của ống tre là miệng pháo, xung quanh được bao bọc bởi một lớp sắt mỏng; đoạn sau của ống tre là nơi bỏ thuốc, cũng được bao bọc bởi một lớp sắt mỏng.



Hình ảnh trận đánh giáp lá cà của quân đội nhà Minh và quân đội nhà Kim trong "Thanh thực lục". Trong ảnh, phía bên phải là binh sĩ hàng tiên phong của quân đội nhà Minh, dùng hỏa khí kết hợp với đao dài, đao ngắn và thương dài để dàn trận, còn quân đội nhà Kim ở bên trái vẫn dùng nỏ để tác chiến.

BA GIAI ĐOẠN LUYỆN VÕ





Võ thuật Trung Quốc

Võ thuật của Trung Quốc tuy có rất nhiều môn phái, công pháp, kỹ pháp nhiều không kể xiết và mỗi loại đều có những nét riêng biệt, thế nhưng, võ thuật là một môn học vẫn nên các quy luật tập võ, luyện võ của các môn phái trong giới võ thuật lại có những nét giống nhau cơ bản. Theo như quy luật thông thường của võ học Trung Quốc, có thể chia quá trình luyện tập võ nghệ thành ba giai đoạn, cũng có thể gọi đó là ba cảnh giới, đó là luyện tinh hóa khí (lực nổi); luyện khí hóa thần (lực chìm) và luyện thần hoàn hư (lực biến đổi). Luyện tập tinh hóa khí là giai đoạn đầu tiên, tập trung vấn đề huấn luyện công phu cơ bản, loại bỏ những động tác vụng về để luyện thành nên khí lực dũng mãnh. Luyện khí hóa thần là giai đoạn giữa, tập trung vấn đề loại bỏ sức mạnh cứng nhắc, dần dần chuyển sang sức mạnh trong sự mềm mại uyển chuyển, dùng ý để xuất quyền, nội lực thâm hậu. Luyện thần hoàn hư là giai đoạn cao nhất, tập trung vấn đề luyện tập sức mạnh mềm dẻo, khéo léo, toàn bộ xung quanh và bên trong cơ thể đều được vận dụng dựa vào chân ý, đạt đến cảnh giới cao nhất gọi là quyền đạo hợp nhất.

Trong giai đoạn luyện tinh hóa khí, người luyện võ cần phải thông qua việc tập luyện lặp đi lặp lại nhiều lần đối với các loại công pháp cơ bản, để cho toàn bộ sức lực vụng về thô thiển của cơ thể được tiêu trừ hoàn toàn, thay vào đó là sức mạnh cương nhu tổng hợp. Công pháp cơ bản là những công phu nhập môn của võ thuật, đại khái bao gồm những công pháp như thung công (lực trụ cột), thối công (lực chân), tí công (lực cánh tay), yêu công (lực phần bụng), chỉ công (lực ngón tay) và nhãn công (lực từ mắt)... Nắm bắt được những công pháp cơ bản trong công phu nhập môn kể trên, thì mới có thể bắt đầu luyện tập võ nghệ. Lúc này mới là lúc bắt đầu thực sự của giai đoạn luyện tập tinh hóa khí, luyện tập công phu nhập môn chỉ là một quá trình chuẩn bị cho giai đoạn này mà thôi.

Mục đích luyện tinh hóa khí chính là để "hoán lực" (đổi sức mạnh). Tất cả những người chưa từng luyện tập võ nghệ, khi đọ sức với người khác đều là dựa vào sức lực vốn có của bản thân, tức là sức lực cường tráng của ngoại hình, còn gọi đó là man lực (sức mạnh thô thiển) hay chuyết lực (sức mạnh vụng về). Những kiểu sức lực thô thiển vụng về này sẽ dần dần mai một và mất đi cùng với sự già yếu của các cơ chế sinh lý trong cơ thể con người, đó không phải là sức mạnh mà võ thuật đòi hỏi phải có. Sức mạnh của võ thuật



Bia luyện công đời nhà Thanh trên núi Việt Tú, tỉnh Quảng Châu.



Quyển kinh. Quyển “Ký hiệu tân thư” thứ 14 của Thích Kế Quang, đời nhà Minh. Đây là bài kinh do chính tay Thích Kế Quang viết, phủ định hoa pháp, coi trọng thực dụng.

là sức mạnh mềm dẻo nhưng có sức công phá và có thể xuất lực chỉ trong nháy mắt, nó cần phải dựa vào sự điều tiết phối hợp toàn thân, lấy phần bụng làm trụ, lấy tâm ý dẫn dắt mọi động tác. Sức mạnh đó, tốc độ đó rất lạnh lùng, như tiếng sấm dội bên tai, như tia chớp xẹt lên chỉ trong một tích tắc nhưng hoàn toàn có thể khiến đối phương phải khuất phục.

Sức mạnh mềm dẻo chủ yếu dựa vào sức mạnh xuất ra từ các bộ phận trên cơ thể như vai, cánh tay, mu bàn tay, đùi, đầu gối... Dù là lực xuất ra từ bất cứ bộ phận nào thì nó cũng đều là hợp lực của toàn bộ cơ thể, cần phải dựa vào sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trên cơ thể, từ đó sức mạnh mới có thể dễ dàng xuất ra, và chỉ cần một động tác nhẹ nhàng là sức mạnh đã được thể hiện. Luyện sức nổi đến một trình độ nhất định nào đó, có thể phát huy sức mạnh mà không cần phải tiên liệu trước biên độ của sức tụ hợp, tức là trong một không gian rất nhỏ, chỉ dựa vào động tác của một bộ phận cũng có thể phát ra một sức mạnh với sức công phá không nhỏ, xưa nay gọi đó là “thốn kính” (sức mạnh trong gang tấc).

Trong giai đoạn luyện tập tinh hóa khí, còn phải giải quyết một vấn đề, đó là phải học được sách quyển. Sở dĩ gọi là sách quyển tức là từng bước từng bước giải ra được những động tác tấn công phòng thủ trong sáo lộ của võ thuật, tìm hiểu và nghiên cứu ý nghĩa trong thực chiến. Học được sách quyển là vấn đề then chốt trong luyện tập kỹ pháp của võ thuật.





Học được những công pháp cơ bản, và cũng đã học được một vài sáo lộ, tiếp theo đó học được sách quyển, tập luyện thành thạo một vài chiêu thức, thủ, nhãn, thân, pháp, bộ đều đã có một nền tảng nhất định. Đồng thời, còn có thể làm cho lực phân tán xung quanh cơ thể tập trung lại một điểm, sức mạnh vụng về thô thiển được loại bỏ dần, sức mạnh thực lực tăng lên. Đợi đến thời điểm khi sức mạnh vụng về hoàn toàn được loại bỏ, sức mạnh thực sự đã đầy đủ thì khi ấy nhãn thần như điện, uy khí thể hiện ra bên ngoài, thể lực kiên cường, bước đi vững chãi, tức là đã luyện được cái gọi là lực nổi, hoàn thành dị cốt công phu (công phu cốt yếu của võ thuật), có thể nói là đã đạt đến cảnh giới của việc luyện tập tinh hóa khí.

Những người đã luyện được tinh hóa khí thường có cơ thể cường tráng khỏe mạnh, ánh mắt thể hiện rõ uy lực, có những lúc vẻ bề ngoài thể hiện sự dữ tợn, hơn thế tính tình tương đối bộc trực, khi gặp chuyện gì thường ít giữ được vẻ điềm tĩnh, là người có chí khí nhưng nhiều khi hay dựa vào tài võ nghệ mà kiêu ngạo. Nếu họ tiếp tục luyện tập sâu rộng hơn nữa, họ cố gắng hơn nữa để đạt đến cảnh giới cao, thì sẽ đến một lúc tính cách này của họ sẽ thay đổi.

Luyện tập khí hóa thần là giai đoạn thứ hai. Trong giai đoạn này, người luyện võ cần phải hoàn thành dịch cân công phu, luyện thành lực chìm. Lực chìm chính là nhu lực. Thế nhưng, “nhu” trong võ học không phải là nhu nhược, mà là lực đạo đặc biệt có tính mạnh mẽ mềm dẻo, hình đoạn ý bất đoạn, liên tục không hề bị gián đoạn. Lực chìm là cái lực của sự cương nhu tương tế, trong cương có nhu, trong nhu cũng lại có cương. Quá trình luyện khí hóa thần chính là quá trình tiêu trừ sức lực mạnh mẽ, mà dần dần tập luyện sức mềm dẻo, đây là sự “hoán lực” lần thứ hai trong võ học.

Điều then chốt của luyện khí hóa thần chính là luyện khí. Thực ra, ngay từ giai đoạn luyện tinh hóa khí, những người tập võ đã cần học được cách tập trung toàn bộ sức lực phân tán trên cơ thể vào một điểm nào đó, chỉ có điều là thời điểm ấy vẫn chưa đạt được mức độ chân khí xoay vòng trên cơ thể và lực xuất lực thu chưa được nhanh nhẹn tự nhiên mà thôi.

Trải qua nhiều năm luyện tập khí công qua việc tĩnh tâm dưỡng khí, cùng với việc tiêu trừ sức mạnh vụng về, sức mạnh mềm dẻo ngày càng tăng lên, nguyên khí cũng vượng hơn trong cơ thể, người luyện được lực chìm phần nhiều đều có tinh thần sáng khoái, sức lực sung mãn, chí khí mãnh liệt dần dần trở nên điềm đạm hơn, chí khí nhu hòa dần dần trở nên đầy đủ hơn. Một khi gặp chuyện gì đó, họ sẽ có thái độ bình tĩnh hơn, không dễ gì đụng độ với người khác.

Những người đã luyện được sức chìm, trải qua nhiều năm tập luyện gian khổ, họ càng lĩnh hội được sâu sắc hơn đối với cái đạo lý rộng lớn uyên thâm, vô cùng vô tận của võ thuật, vì vậy, phần nhiều họ đều đối



Lý Cảnh Lâm - Viện Phó Viện Võ thuật trung ương Trung Quốc đang biểu diễn kiếm thái cực vào năm 1930.

xử với người khác bằng một thái độ rất hòa nhã, không hề có ý vênh váo cao ngạo, cũng không bao giờ khoe khoang phô diễn, dựa vào võ nghệ mà ức hiếp người khác. Cùng lúc với việc hoàn thành dịch cân công phu, thể hình và thần thái của người học võ có thể cũng xảy ra một số thay đổi: Một là thể hình dần dần gầy hơn nhưng rắn rỏi hơn, không còn tình trạng quá mập mập phương phi nữa; hai là bước đi của họ nhanh nhẹn mà chắc chắn, ít khi mắc bệnh bước đi lê lét; ba là ánh mắt của họ sáng mà hiền từ, khi đứng trước đối thủ uy thần xuất ra, ánh mắt như dòng điện, ít khi nào thể hiện vẻ hung bạo dữ tợn. Đạt đến trình độ này, có thể nói là đã đạt đến cảnh giới của luyện khí hóa thần một cách cơ bản.

Luyện thần hoàn hư là giai đoạn cao nhất của võ học, cũng là giai đoạn cao nhất của nội công. Trong giai đoạn này, cần phải hoàn thành được dịch tùy công phu, luyện thành hóa khí. Luyện lực chìm sao cho đạt đến trình độ mềm dẻo nhanh nhạy, đó chính là cái lực biến hóa. Đương nhiên, nó không hề bác bỏ các chiêu thức kỹ pháp khác trong tấn công phòng thủ, nhưng nói một cách tương đối thì chiêu thức kỹ pháp đã bị đẩy lùi sang vị trí thứ yếu rồi.

Luyện thần hoàn hư là sự tập luyện cao cấp đối với hệ thần kinh trung ương và năng lực phản ứng của cơ thể con người. Theo lý luận khí công truyền thống của Trung Quốc, luyện thần hoàn hư thì điểm cuối cùng nên được hoàn thành ở đan điền (Tên gọi huyết đạo theo Đạo gia, chỉ phần bụng ở phía dưới rốn khoảng một tấc rưỡi đến ba tấc), luyện khí hóa thần thì điểm hoàn thành nên dừng lại ở trung đan điền (khu vực hình cầu ở phía sau các huyết trung oản và cứu vĩ), luyện tinh hóa khí thì điểm hoàn thành nên dừng lại ở hạ đan điền (khu vực hình cầu ở phía sâu trong rốn), từ dưới lên trên, tuần tự từ thấp đến cao. Bí quyết luyện thần hoàn hư là hai chữ "hư tĩnh". "Hư" tức là chỉ trong lòng hư không như dòng suối, "tĩnh" là chỉ trong lòng lúc nào cũng vô vi trong sáng. Lão Tử nói: "Chí hư cực, thủ tĩnh đốc" (Đạt tới cực độ của hư không, kiên định giữ sự yên tĩnh). Yêu





Võ thuật Trung Quốc

cầu tâm cảnh phải đạt đến trạng thái trong sáng, hư không, yên bình đến cực độ, như thế mới có thể quy căn phục mệnh (trở về cội rễ trường cửu). Thuật dưỡng sinh của Đạo gia cho rằng: “Bất nhận bất tri, vô thanh vô xú, danh viết hi vi, chỉ giá cá tiện thị toàn chân diệu bản nhân năng thấu đắc, tức khắc tri cơ” (“Trung hòa tập” quyển 6, đăng trên phần thứ 45 “Chính thống đạo tạng”). Ở đây muốn nói đến việc cần phải giữ được một tâm thái hoàn toàn thờ ơ với bất cứ sự tác động, phiền nhiễu nào của ngoại cảnh, trong lòng không tồn tại bất cứ sự ác cảm hay hận thù nào cả, cũng không hề có sự cản trở nào, không nghe thấy bất cứ âm thanh nào, không ngửi thấy bất cứ mùi vị nào, tinh thần vô cùng tập trung, không hề ngơi nghỉ, như thế mới có thể thấu ngộ được sự huyền diệu trong đó. Những nhà võ thuật đã đạt đến cảnh giới cao trong luyện thân hoàn hư, phần nhiều tính cách khoáng đạt, lòng dạ rộng mở, đối xử với người khác khiêm nhường và ôn tồn, không tranh giành hay ganh đua với người khác. Những người đã luyện thành công mới có thể thực sự gọi bậc thầy võ thuật. Trong số họ đa phần đều là người thanh lịch tao nhã, mang đậm phong cách của những bậc thần tiên. Ánh mắt của họ trong sáng, thần thái hiển từ dễ gần, bước đi thanh thoát vững chãi, giữa hai lông mày ẩn hiện ánh sáng màu đỏ mà trong quyển kinh gọi là “nhất điểm linh quang chiếu tại mi”, còn gọi là “quang tụ thiên tâm”. Thế nhưng, để đạt đến được cảnh giới này quả thật không dễ dàng chút nào.

Nếu một người nào đó bắt đầu luyện tập võ nghệ từ năm lên mười tuổi và lại là người thông minh vốn sẵn tính trời, ngộ tính rất cao, lại được danh sư chỉ bảo, thêm vào đó là môi trường thích hợp với bản thân cùng với tiền đề không ngừng luyện tập võ nghệ thì cũng phải mất khoảng hai mươi năm họ mới có thể đi đến hết con đường dài dằng dặc để luyện từ lực nổi cho đến lực biến hóa thay đổi. Chờ cho đến khi họ thực sự trở thành bậc thầy trong làng võ thuật, thì e rằng độ tuổi của họ cũng đã ngoài ba mươi, nhưng trên thực tế, thời gian để hoàn thành được quá trình này đều dài hơn nhiều, sự tu luyện nội công có rất nhiều mối quan hệ với tuổi tác, trải nghiệm và trình độ văn hóa, thông thường con người đều phải bước sang tuổi trung niên mới có thể ngộ được chân lý này, và hoàn thành quá trình tập luyện từ nông đến sâu, từ vụng về đến tinh tế. Vì vậy, những người thực sự có thành tựu lớn trong làng võ thuật phần nhiều đều đã bốn mươi tuổi trở lên.



Tác giả của tác phẩm “Nhất lộ hoa quyển” tự chép tay bài về “Nhất lộ hoa quyển” vào năm 1971 tại thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam.

ĐẶC ĐIỂM CỦA VÕ THUẬT





Võ thuật Trung Quốc

Võ thuật Trung Quốc là di sản trong lịch sử văn hóa của dân tộc Trung Hoa, trong đó thấm thấu những đặc trưng và khí chất tâm lý của cả dân tộc, so với các thể loại võ thuật khác của nước ngoài, võ thuật Trung Quốc mang trong mình những đặc điểm dân tộc một cách rõ nét và riêng biệt.

TÍNH HỆ THỐNG

Trong di sản văn hóa lịch sử của dân tộc Trung Hoa, võ thuật là một hệ thống rộng lớn và hoàn chỉnh. So sánh với những di sản văn hóa khác, thì võ thuật có tính độc lập tương đối.

Các môn phái võ thuật của Trung Quốc vô cùng nhiều, nhưng tất cả các môn phái đều có một điểm chung là lấy học thuyết âm dương làm nền tảng triết học, cũng đều coi “hình thần hợp nhất”, “quyển đạo hợp nhất” làm điểm cao nhất trong cảnh giới của võ thuật. Về mặt lý luận của võ thuật, thường xuất hiện dưới hình thức nho, thích, đạo (đạo Nho, đạo Phật, Đạo giáo) cùng bổ sung cho nhau. Còn về mặt tập luyện nội công, phần nhiều dựa vào y học cổ đại của Trung Quốc cũng như thuật dưỡng sinh của Đạo gia. Vì vậy, trên thực tế, võ thuật Trung Quốc đã tập trung lại toàn bộ các mặt như triết học, y học, chiến thuật, tấn công và thuật dưỡng sinh của Trung Quốc cổ đại, từ đó hình thành nên một hệ thống lý luận vô cùng phong phú và rộng lớn, trở nên độc nhất vô nhị trong giới võ thuật trên thế giới.

Các thuật tấn công khác lưu hành trên thế giới dù là môn phái nào cũng luôn có đặc điểm là sức mạnh và tốc độ nhanh. Tuy các phái võ này cũng đều có lý luận của riêng mình, thế nhưng họ luôn coi trọng các hình thức bên



Các võ tăng của chùa Thiếu Lâm đang luyện công trên núi.

ngoài của động tác tấn công phòng thủ, còn những nghiên cứu về nội hàm của thuật tấn công thì lại khá ít. Có những thuật tấn công chỉ là những chiêu thức đơn giản, như Thái quyền (võ của Thái Lan) chẳng hạn, không hề có một sáo lộ nào cả, mà chỉ theo đuổi tốc độ và sự hung hãn. Thái quyền không có gì đáng gọi là lý luận cao sâu, nó phản ánh đặc điểm tâm lý nhiệt huyết nhưng nóng vội của các dân tộc sống ở những vùng nhiệt đới. Karate (không thủ đạo) của Nhật Bản được phái sinh chính từ võ Thiếu Lâm của Trung Quốc, thể hiện tính cách ngoan cường nhẫn nại nhưng hiếu thắng, dũng mãnh hung hãn và đặc trưng tính cách giữ đúng kỷ luật của dân tộc Nhật Bản. Các môn đấm bốc thì phản ánh đặc điểm tâm lý thích sôi nổi, ghét sự tĩnh lặng, theo đuổi sự phấn khích của dân tộc các nước phương Tây. Nếu tiến hành so sánh thì võ thuật của Trung Quốc thể hiện sự uyên thâm hài hòa, kết hợp hoàn hảo trạng thái động tĩnh, cương nhu tương tế. Những đặc điểm này không thể nào tách khỏi các đặc trưng tâm lý của dân tộc Trung Hoa.

TÍNH TRẬT TỰ

Trong võ thuật Trung Quốc, cho dù là môn phái nào đi nữa thì trình tự luyện công cũng đều có những quy định vô cùng nghiêm ngặt, người luyện võ cần phải tuân thủ theo các trình tự nhất định, từng bước từng bước đi vào con đường khổ luyện thực tế chứ không thể tìm thấy một hình thức nhanh chóng nào khác. Phần nhiều các môn phái đều tuân thủ theo con đường bắt đầu từ nội công pháp cơ bản - sáo lộ khí giới - nội công, từ ngoài vào trong, từ rộng lớn đến nhỏ hẹp; rồi lại từ trong ra ngoài, từ nhỏ hẹp đến rộng lớn, tiến thẳng đến trình độ không có sự khác biệt trong ngoài, hình thần hợp nhất.

Tính trình tự nghiêm ngặt của võ thuật Trung Quốc được xây dựng trên nền tảng kết hợp giữa thuật giao đấu thời cổ đại và thuật dưỡng sinh của Đạo gia. Đây cũng là trình tự độc nhất vô nhị trên thế giới. Thái quyền và đấm bốc đều lấy nền tảng là sức lực, cái sức lực này về tổng thể tương đương với cái gọi là sức mạnh trong võ thuật của Trung Quốc, chính là lực bùng nổ của tốc độ sức mạnh nhất thời. Trong quá trình luyện tập Karate của Nhật Bản, tuy cũng có nội dung về nội công, nhưng chủ yếu vẫn là sức mạnh cứng cỏi rắn chắc. Sự tập luyện của những phái này hoàn toàn coi thực chiến là mục tiêu, còn thua xa so với sự chặt chẽ của võ thuật Trung Quốc.

TÍNH TIỆM TIẾN

Đây là một đặc tính khác của những quy định trong tính hệ thống và tính trật tự. Học võ thuật Trung Quốc cần phải có sự nhẫn nại và sức chịu





Võ thuật Trung Quốc

đựng rất lớn, chỉ có thể tiến bộ dần dần chứ không thể nào bứt phá nhanh chóng, đó là bởi vì võ thuật Trung Quốc có yêu cầu rất cao đối với công pháp cơ bản, nhấn mạnh việc xây dựng nền tảng vững chắc, vì vậy rất ít khi truyền thụ kỹ thuật thực chiến đối với người mới học võ; cũng do võ thuật Trung Quốc coi nội công là nền tảng, coi trọng vai trò của dưỡng sinh và tu dưỡng đạo đức, tức là cần phải dưỡng khí, lập đức chứ không bao giờ đặt vai trò tấn công lên hàng đầu. Tư tưởng chỉ đạo này có sự khác biệt rất lớn so với các môn võ tấn công của nước ngoài.

Karate Nhật Bản, Thái quyền và đấm bốc đều coi việc tấn công đối phương là mục đích. Tuy những thuật tấn công này cũng đều có sự luyện tập công pháp cơ bản, nhưng quá trình tập luyện công pháp cơ bản diễn ra không lâu là đã bước sang giai đoạn luyện tập thực chiến, vì thế người học có thể nắm bắt một số kỹ năng thực chiến một cách nhanh chóng. Những người luyện Thái quyền trải qua ba giai đoạn, đó là tập luyện công pháp cơ bản, tập luyện các chiêu thức một mình và tập luyện mô phỏng thực chiến, ngay sau đó là có thể tham gia thực chiến, thời gian chỉ cần khoảng năm năm. Đối với võ thuật Trung Quốc mà nói, thời gian năm năm nhiều nhất cũng chỉ có thể luyện xong phần sức mạnh, vẫn chỉ là giai đoạn sơ cấp của quá trình luyện võ. Nếu như một võ sư Thái quyền đã học trong năm năm cùng giao đấu với một người học võ thuật Trung Quốc cũng trong năm năm, thì hẳn nhiên người học võ thuật Trung Quốc sẽ không chống đỡ nổi sức tấn công mạnh mẽ hung tợn của người học Thái quyền. Nhưng nếu năm năm sau lại để họ cùng giao đấu với nhau, thì chưa chắc người học võ thuật Trung Quốc đã thua người học Thái quyền. Và nếu sau năm năm nữa họ lại giao đấu, thì chắc chắn phần thắng sẽ nằm trong tay người học võ thuật Trung Quốc. Bởi vì thuật tấn công của các môn phái nước ngoài phần nhiều đều dựa vào sức mạnh, chỉ muốn nhanh chóng và coi trọng hiệu quả thực chiến. Những võ sư lại thường dựa vào việc dạy võ để kiếm tiền, vì vậy mà chỉ cần qua ba mươi tuổi là sức lực sẽ suy kiệt rất nhanh, sức mạnh vận động cũng sẽ kết thúc rất sớm. Đồng thời, do phần nhiều thuật tấn công của các môn phái nước ngoài đều không coi trọng nội công, tập luyện quá mạnh bạo, vì vậy mà trong thực chiến rất dễ bị thương, rất nhiều võ sư đã để lại thương tật khó bề chữa trị. Các cao thủ đấm bốc của phương Tây rất ít người có thể sống thọ, còn tuổi thọ của các võ sư Thái quyền lại càng ngắn hơn. Các tuyển thủ Karate của Nhật Bản chỉ có tuổi thọ trung bình là hơn bốn mươi tuổi, cũng tương đương với tuổi thọ trung bình của các võ sư Thái quyền.

Đặc điểm của tính tiệm tiến trong võ thuật Trung Quốc một mặt giúp cho kỹ năng thực chiến của những người mới bắt đầu học võ thuật tiến triển tương đối chậm, đồng thời cũng do bởi nó phù hợp với cái đạo trong dưỡng sinh, nên tập luyện võ nghệ có lợi cho việc kéo dài tuổi thọ, hơn thế

Chỉ cần kiên trì lập luyện võ nghệ nhiều năm thì cuối cùng chắc chắn cũng sẽ nắm bắt được một cách đầy đủ những kỹ năng trong thực chiến. Tính tiệm tiến này thể hiện vô cùng rõ nét trên bề mặt tăng tự của tuổi tác, các cao thủ võ thuật của nước ngoài đa số đều vào độ tuổi từ hai mươi đến ba mươi, chỉ cần bước qua tuổi ba mươi là hầu hết đều giải nghệ lui khỏi đấu trường. Các cao thủ võ lâm của Trung Quốc phần nhiều lại chỉ nắm bắt thành thạo vào độ tuổi sau ba mươi, có không ít người bước sang độ tuổi trước và sau bốn mươi thậm chí còn lớn hơn thế nữa mới đạt đến đỉnh cao nhất, tuyệt chiêu thành danh của họ luôn giữ được đến lúc họ sáu mươi hay bảy mươi tuổi thậm chí còn hơn thế nữa.

TÍNH ĐẠO ĐỨC

Võ thuật Trung Quốc lấy nền tảng là tu tâm dưỡng tính, chủ trương dưỡng khí hợp đạo, xử lý mọi việc theo hướng văn minh nho nhã, còn võ

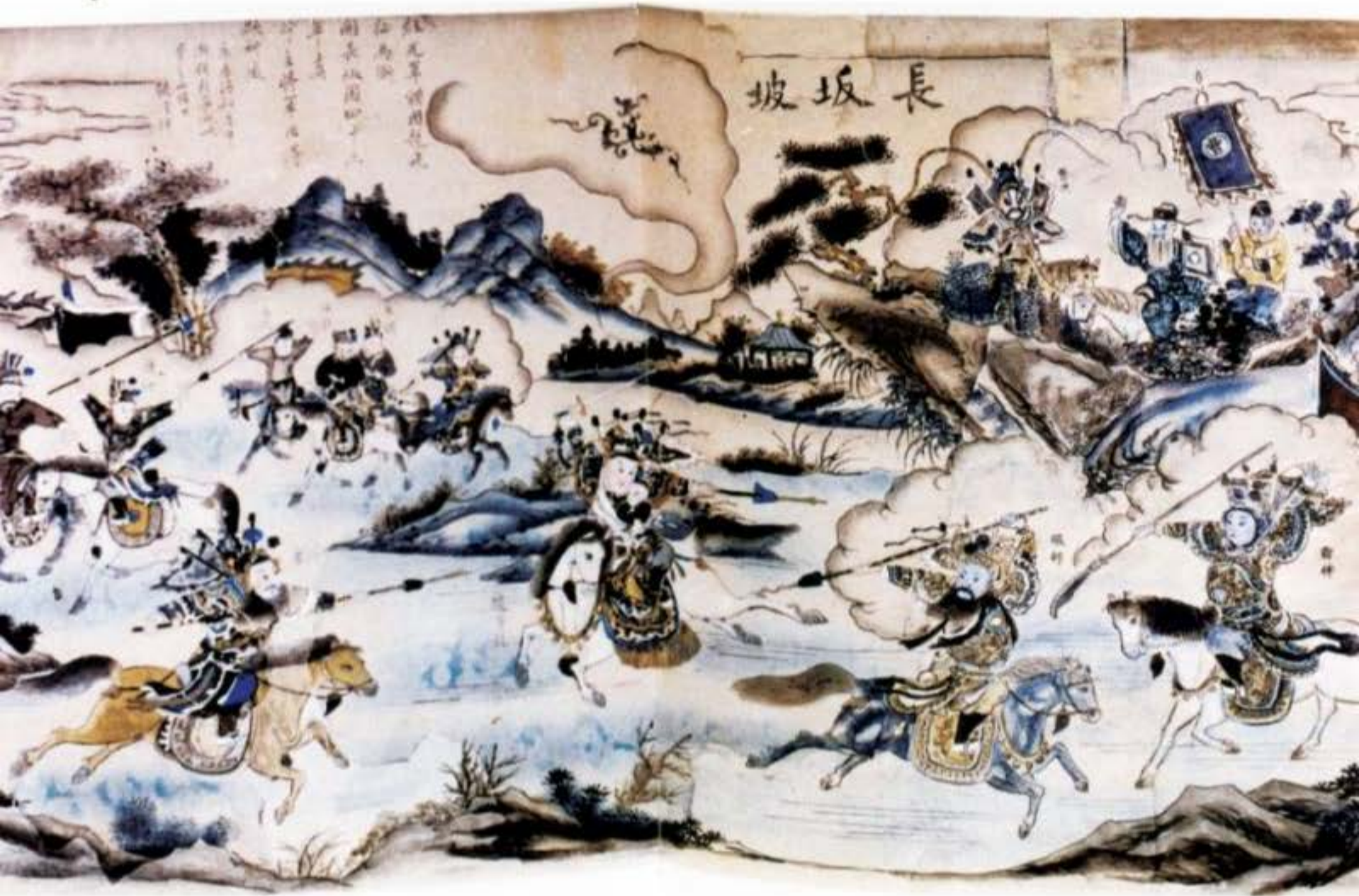
thuật chỉ là để phòng vệ, từ xưa đến nay luôn phản đối tính hiếu thắng hung hãn, tàn bạo thiếu nhân tính. Trong mắt của rất nhiều võ sư, luyện võ chỉ là một biện pháp để tu tâm dưỡng tính và giúp cho cơ thể khỏe mạnh chứ không phải là mục đích để giao chiến. Trong giới võ thuật Trung Quốc tự cổ chí kim luôn coi võ đức (đạo đức của võ thuật) là việc lớn hàng đầu, các môn phái đều lập ra "môn quy" vô cùng nghiêm khắc. Một người nào đó, dẫu rằng anh ta có võ nghệ cao cường đến đâu, nhưng một khi đã nhúng tay vào những việc gian tà hiểm ác, thì cũng luôn bị những người trong giới võ lâm khinh mạn. Đồng thời, các môn phái trong võ lâm cũng đều dạy bảo các đệ tử trong môn phái của mình rằng, đừng tùy tiện mà giao tranh, gây hấn với người khác mà gây chuyện không hay, lại càng không được phép dựa vào võ nghệ mà ức hiếp những người không biết võ nghệ, nhưng các môn phái lại đều kêu gọi xả thân vì nghĩa, loại bỏ hung tàn, giúp đỡ kẻ yếu.

Võ thuật Trung Quốc coi nội công là nền tảng, nội công lại coi dưỡng khí là căn cơ, dưỡng khí coi thái hòa là tôn chỉ, không



Nghĩa dũng Vũ An Vương, bản in chỉ đen thời kỳ nhà Tống tại Bình Dương tỉnh Thiểm Tây, hiện lưu giữ tại Bảo tàng mĩ thuật quốc gia Saint Petersburg, nước Nga. Danh tướng Quan Vũ thời Tam Quốc là hóa thân của nhân, nghĩa, thần, dũng. Vào năm Tuyên Hòa thứ 5 thời Bắc Tống (1123), ông được phong làm "Nghĩa dũng Vũ An Vương".





Tranh tét: Triệu Vân đại chiến đốc Trường Bản. Tác phẩm của Dương Liễu Thanh ở Thiên Tân vẽ vào giữa thời kỳ nhà Thanh.

Triệu Vân là danh tướng của nước Thục trong thời kỳ Tam Quốc. Trong tranh vẽ cảnh Triệu Vân ôm vị quân chủ còn ít tuổi bị bao vây xung quanh và đang phải chiến đấu cực khổ với các tướng lĩnh của quân Tào. Bức tranh được vẽ bằng màu xanh đen.

ngiêng ngả về bên nào, không cương không nhu, mà lại vừa cương vừa nhu. Cái khí của thái hòa ngược lại hoàn toàn với suy nghĩ tranh giành hiếu thắng. Khí hợp với lý, võ hợp với đạo, khí càng phải tràn đầy và lòng hiếu thắng tranh giành lại càng phải xóa bỏ. Vì vậy, những người luyện võ công phu càng cao thì tính cách càng tốt hơn, lòng dạ càng phóng khoáng hơn, rất ít khi cạnh tranh ẩu đả với người khác để thể hiện sức mạnh nhất thời. Tư tưởng chỉ đạo lấy lập đức dưỡng khí làm nền tảng này cũng là nét độc đáo của võ thuật Trung Quốc.

TÍNH THƯỜNG NGOẠN

Hầu hết các động tác trong sáo lộ của võ thuật Trung Quốc đều có những giá trị thường ngoạn nhất định nào đó. Võ thuật nằm trên ranh giới

giữa sự cường tráng của cơ thể và những động tác tấn công phòng thủ, việc biên đạo sáo lộ coi trọng sự kết hợp giữa trạng thái động và tĩnh, lên xuống biến hóa, có một giai điệu tiết tấu và những nét đẹp âm luật rất độc đáo. Với sức tương đối mạnh và tốc độ tương đối nhanh, võ thuật tái hiện lại sự tổ hợp, biến hóa của những động tác tấn công, phòng thủ trong một điều kiện không gian và thời gian nhất định, đồng thời cũng có một độ khó nhất định, có thể thể hiện một cách đầy đủ khí chất tinh thần giàu chí tiến thủ, khí phách hùng hồn của con người. Phong cách mỹ thuật của võ thuật Trung Quốc lại rất đa dạng, các sáo lộ như phách quuyến, bát cực quuyến, tra quuyến, hoa quuyến đều có tiết tấu nhanh và rõ, động tác phóng khoáng, giàu vẻ đẹp nam tính; sáo lộ của xà quuyến thì ngoắt ngoéo uyển chuyển, phần phần nhiều lực xuất từ ngón và bàn tay, mang nét đẹp mềm mại; sáo lộ của Bát Quái Quuyến, Thái Cực Quuyến thì cương nhu tương tế, động tác mạnh nhưng vẫn mềm dẻo, đòn xuất liên tục không dứt, dương cương âm nhu hợp thành nhất thể. Tính đa dạng và giá trị thường ngoạn cao độ của phong cách mỹ học này, trên thế giới ít có thuật tấn công nào có thể so sánh cùng.



Minh tinh màn bạc Lô Thủy Lan biểu diễn múa kiếm trong buổi biểu diễn văn nghệ ở Đông Chấn, Nam Kinh.





Võ thuật Trung Quốc

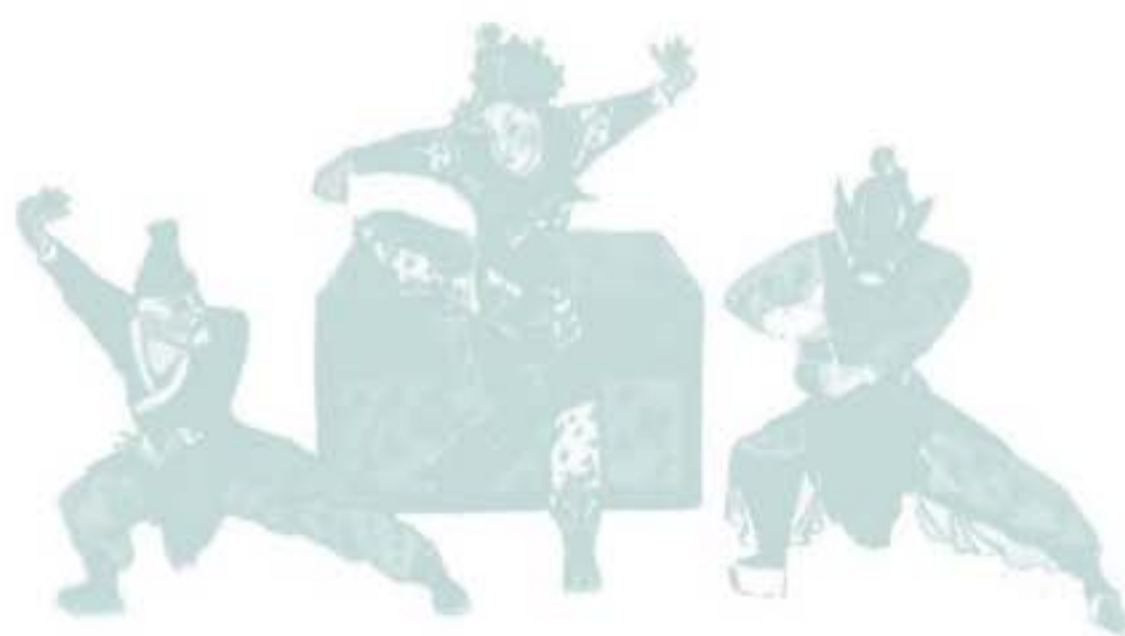
Nói một cách căn bản thì giữa giá trị thường ngoạn của võ thuật và chức năng tấn công của nó luôn tồn tại một mâu thuẫn nhất định, bởi trong võ thuật có nhiều chiêu thức chiến đấu không hề đẹp mắt chút nào. Tổng quan về lịch sử phát triển của võ thuật Trung Quốc, hơn hai ngàn năm nay, võ thuật Trung Quốc đã trải qua một con đường nhiều gập ghềnh khúc khuỷu từ đơn giản đến phức tạp rồi lại từ phức tạp đến đơn giản. Võ thuật thời kỳ đầu của Trung Quốc chắc chắn là khá đơn giản, và cũng không có nhiều môn phái, quyền lộ. Vào các đời Tống, Nguyên, Minh, các phái võ cạnh tranh nhau, phong phú và đa dạng, cho đến đầu thời kỳ nhà Thanh thì đã lên đến đỉnh điểm. Nhưng cũng vào khoảng cuối đời nhà Minh trở lại đây, các phái võ nội gia như Thái Cực Quyền, Hình Ý Quyền, Bát Quái Quyền... lần lượt xuất hiện, những môn phái này lấy ít thắng nhiều, bỏ đi cái phức tạp giữ lại cái đơn giản, nội dung càng trở nên mộc mạc hơn, súc tích hơn và thực dụng hơn, sáo lộ cũng càng ngày càng gọn gàng hơn, có không ít môn phái thuộc ngoại gia quyền cũng xuất hiện khuynh hướng này. Điều đó đã phản ánh một quy luật phát triển của võ thuật Trung Quốc, tức là chức năng tấn công luôn đứng đầu trong sự phát triển của võ thuật, nó quyết định phương hướng phát triển của võ thuật, còn giá trị thường ngoạn luôn có vai trò thứ yếu, nó đứng ở vị trí phụ thuộc.

Tóm lại, võ thuật của Trung Quốc vô cùng độc đáo, nó là một trong những hình thái vốn có của văn hóa truyền thống Trung Quốc. Đây là điều mà bất cứ nền võ thuật nào của nước ngoài cũng không thể thay thế được. Bằng thuật tấn công và đạo luyện công độc đáo của riêng mình, chắc chắn võ thuật Trung Quốc sẽ bước lên vũ đài võ thuật của thế giới.

Loan Tú Vân ở Thanh Đảo biểu diễn múa kiếm, năm 1934.



VÕ THUẬT VÀ VĂN HÓA TRUNG QUỐC





Võ thuật Trung Quốc

Võ thuật Trung Quốc là sự kết tinh trí tuệ của dân tộc Trung Hoa từ hàng ngàn năm, là sự thể hiện của văn hóa truyền thống dân tộc trong võ nghệ, cũng là sự phản ánh hợp lý của cá tính tâm lý dân tộc trong lĩnh vực luyện tập sức khỏe và tự vệ.

Trọng tâm triết học trong võ thuật Trung Quốc là học thuyết trung hòa dưỡng khí của Nho gia, đồng thời cũng dung hợp rất nhiều các lý luận khác nữa như thủ tịnh chí nhu của Đạo gia và thiển định tham ngộ của đạo Phật, thể hiện một diện mạo văn hóa tam giáo hợp nhất, mang đậm văn hóa phương Đông trong sự hợp nhất của con người và đất trời, từ đó cấu thành nên một hệ thống võ học rộng lớn và uyên thâm, trở thành “văn hóa võ thuật” độc nhất vô nhị trên thế giới.

Trong rất nhiều hình thái văn hóa của dân tộc Trung Hoa, võ thuật là một hệ thống văn hóa tương đối khép kín. Ngoài Phật giáo truyền vào từ thời kỳ Hán Ngụy (206 TCN - 265 SCN), võ thuật Trung Quốc gần như không bị ảnh hưởng bởi bất cứ nhân tố ngoại lai nào. Về cơ bản, võ thuật lại xuất phát từ tầng lớp thấp trong xã hội, phản ánh nhiều hơn nữa tính cách khí phách của tầng lớp nhân dân Trung Quốc thời cổ đại cũng như phương thức tư duy và phương thức hành động của họ, thế nên võ thuật mang đậm sắc thái bình dân. Chính bởi vậy nên võ thuật thuộc vào hình thái văn hóa dân gian khá thuần túy. Nếu so sánh với những hình thức văn hóa được gọi là “văn hóa tao nhã” như cầm kỳ thi họa, thơ văn kim thạch..., võ thuật có vẻ như khá cứng rắn và thô thiển. Võ thuật Trung Quốc coi sự hoang dã trên vùng núi non là căn cơ sâu sắc, vì vậy mà võ thuật luôn giữ được diện mạo hoang dã quê mùa mộc mạc như bản thân nó ngay từ đầu, giàu nét đẹp của sự mạnh mẽ cường tráng, cho đến nay vẫn là một mảnh đất nguyên sơ trong lĩnh vực văn hóa truyền thống của Trung Quốc mà không bị mai một.

Võ thuật nảy mầm trên mảnh đất văn hóa Trung Quốc, văn hóa truyền thống Trung Quốc đã thai nghén sự hình thành của võ thuật, nuôi dưỡng võ thuật trưởng thành và thúc đẩy võ thuật không ngừng phát triển và hoàn thiện. Chính vì vậy, đương nhiên võ thuật sẽ bị ảnh hưởng và chi phối bởi văn hóa truyền thống Trung Quốc. Nhìn một cách tổng quát, võ thuật bị ảnh hưởng khá sâu sắc từ triết học, binh học, y học, thuật dưỡng sinh, tôn giáo, văn học, nghệ thuật của Trung Quốc cổ đại, ngược lại nó cũng ảnh hưởng đến những hình thái văn hóa này, giữa chúng có sự thẩm thấu, cùng dung hợp và phản chiếu nét đẹp của nhau làm cho văn hóa Trung Quốc càng rực rỡ hơn.

VÕ THUẬT VÀ DƯỠNG SINH

Võ thuật Trung Quốc coi trọng hình thần hợp nhất, luyện tập cả bên trong và bên ngoài. Bên trong luyện tập tu dưỡng tính cách và ý chí; bên ngoài luyện tập gân cốt, tay chân khỏe mạnh, từ xưa đến nay luôn được mọi người coi là đạo của dưỡng sinh. Chức năng rèn luyện cơ thể, loại bỏ bệnh tật của võ thuật luôn được mọi người công nhận, nó còn phát huy được tác dụng kéo dài tuổi thọ. Thế nhưng, có phải cứ luyện võ là nhất định sẽ sống lâu hay không? Phải chăng võ nghệ càng cao thì tuổi thọ càng dài? Đây cũng là một vấn đề đáng để tìm hiểu.

Cơ thể khỏe mạnh và tuổi thọ cao không phải là cùng một khái niệm, tuy nhiên giữa hai khái niệm này có mối liên quan nhất định, và giữa chúng không tồn tại mối quan hệ tương đồng. Có rất nhiều ví dụ thực tế đã chứng minh, trường thọ là một vấn đề vô cùng phức tạp, nó đề cập đến rất nhiều nhân tố, không thể chỉ coi việc có luyện võ hoặc luyện khí công hay không làm điều kiện duy nhất, đương nhiên cũng không thể dựa vào những lý lẽ này mà đưa ra những phán đoán phiến diện.



Chân dung Nhan Nguyên - học giả nổi tiếng đầu thời kỳ nhà Thanh. Nhan Nguyên (1635 - 1704) là một người văn võ song toàn hiếm thấy. Ông kêu gọi thực học, phản đối lý thuyết suông, mở ra học phái Nhan (Nguyên) Lý (Cung). Ông còn tinh thông võ nghệ, nội công thâm hậu. Bức ảnh này được phát hiện ở Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây vào năm đầu thời kỳ Dân Quốc.

1. Chức năng rèn luyện sức khỏe của võ thuật

Võ thuật có thể giúp cho gân cốt khỏe mạnh, đây là chân lý ai ai cũng biết. Nhưng gân cốt khỏe mạnh chỉ là những biểu hiện ở bên ngoài, vai trò rèn luyện sức khỏe của võ thuật thể hiện chủ yếu là ở mặt rèn luyện hệ thống thần kinh trung ương cũng như các cơ quan nội tạng trong cơ thể con người. Thuật dưỡng sinh của Trung Quốc cổ đại cho rằng: Tinh, khí, thần là "tam bảo" của con người, là phương thức tồn tại của sinh mệnh. "Tinh" tức là chỉ nguyên tinh, phát ra từ thận, có quan hệ căn bản đối với sinh mệnh, vì thế được gọi là "mệnh môn" (không phải là mệnh môn huyết). "Khí" là chỉ nguyên khí, có ngay từ khi con người sinh ra và ẩn ở trong thận. "Thần" tức là bản tính, chân ý, tinh thần, khí phách của con người được thể hiện ra bên ngoài.

Tinh, khí, thần đều có từ khi con người sinh ra trong trời đất, rồi sau đó,





Đội võ thuật của Trường dự bị du học Âu Mỹ tỉnh Hà Nam (1912 - 1921) tại Khai Phong, Hà Nam.

thất tình lực dục của con người mới sinh ra, nguyên tinh bị phân tán, nguyên khí bị hao tổn, thần không còn giữ được nguyên bản làm cho con người vướng vào hàng trăm thứ bệnh, tinh lực lao tổn, thần thái mỗi mệ, tinh thần ủ rũ, chưa già mà đã bệnh yếu, khó mà sống đến tận thiên niên. Thuật dưỡng sinh của Đạo giáo thời cổ đại coi trọng việc dùng cái khí của sau này để nuôi dưỡng cái khí vốn có, tiếp theo đó làm cho tinh, khí, thần đều dần dần hồi phục để trở về trạng thái ban đầu của nó, đạt đến sự hài hòa thống nhất cao độ giữa con người và thiên nhiên.

Có người cho rằng, luyện Thái Cực Quyền có thể tăng cường sự điều hòa giữa bên trong và bên ngoài cơ thể, cân bằng âm dương, lưu thông khí huyết, có thể phòng chống cao huyết áp, đồng thời cũng có hiệu quả trị liệu nhất định đối với nhiều bệnh mạn tính. Cửu cung bát quái chương có chức năng phục hồi lại màng tế bào, có thể tăng cường sức đề kháng của cơ thể, có tác dụng phòng chống bệnh ung thư. Thái ấn ngũ hành quyền có thể tăng cường chức năng nội tạng, điều tiết mối quan hệ giữa các nội tạng, đồng thời có thể giảm mỡ trong máu, giúp phổi khỏe mạnh, cải thiện tuần hoàn máu, có thể phòng chữa được bệnh mạch vành. Thực ra, không chỉ những môn võ kể trên, mà tất cả quyền thuật, chỉ cần tuân thủ trình tự tiệm tiến, dựa vào phương pháp đúng đắn và kiên trì tập luyện thì đều có thể phát huy được vai trò tăng cường sức khỏe. Nếu như còn có thể kết hợp với hành khí thì càng có lợi hơn nữa cho cơ thể.



Ông Dương Đăng Phủ (1883 - 1396) - bậc thầy của môn võ Thái Cực Quyền, ảnh chụp lúc ông đang múa quyền.

Trong võ thuật Trung Quốc vẫn còn rất nhiều công pháp rèn luyện sức khỏe, trong Hình Ý Quyền có “kiến thân thung công”. Kiểu thung công này lấy “tâm hồn thanh lọc, cơ thể nhẹ nhàng” làm nguyên tắc, thông qua rất nhiều tư thế tĩnh tâm hoặc những động tác mềm mại, làm cho người luyện công có một tâm trạng yên bình, ý thức tập trung, dựa vào đó để điều hòa sự hưng phấn và quá trình ức chế trong hệ thần kinh trung ương trên cơ thể, loại bỏ những vướng mắc và mệt mỏi trong bộ não. Đồng thời, cùng với việc hệ thần kinh trung ương phát ra nhiều tín hiệu kích thích tốt cũng như hàng loạt các thao tác tập luyện công pháp, làm cho cơ chế sinh lý trong các hệ thống trên cơ thể trở nên linh hoạt hơn, tăng cường và cải thiện chức năng của các cơ quan nội

tạng, từ đó phát huy được vai trò luyện tập và trị liệu sức khỏe để có thể khỏe mạnh từ trong ra ngoài. Luyện tập thung công của Hình Ý Quyền bao gồm long hình công, hổ hình công, viên hình công, hùng hình công, điều dưỡng công..., thích hợp với đối tượng là những người tuổi cao sức yếu và những người bị bệnh mạn tính.

Một nhà võ thuật luôn chú ý rèn luyện nội ngoại song tu, võ kỹ và võ đức đều đạt đến trình độ cao thì luôn giữ được trạng thái tâm lý hư tĩnh, không bị lay chuyển bởi phú quý, không bị kích động bởi vinh nhục, không phải chạy vạy bôn ba vì quyền quý, không so đo những được mất trong cuộc sống và càng không bao giờ tùy tiện phô diễn võ nghệ, dựa vào võ nghệ mà cao ngạo khinh người. Trong con người của một nhà võ thuật như thế, thì vai trò rèn luyện sức khỏe của võ thuật sẽ được thể hiện một cách đầy đủ nhất. Do vậy, thông qua võ thuật để rèn luyện sức khỏe trước hết là sự thanh lọc tinh thần. Gân cốt khỏe mạnh cường tráng chỉ là sự cường tráng về mặt hình thức bên ngoài, tâm lý hư tĩnh, “tự thắng tự cường” mới là sự khỏe mạnh nội tại và quan trọng nhất, đây chính là chân lý của việc học võ để rèn luyện sức khỏe.





Phổ Nghi luyện quyền, ảnh chụp những năm đầu thời kỳ Dân Quốc. Hiện đang được bảo tồn tại Viện bảo tàng Cố Cung, Bắc Kinh. Người Mãn Thanh có được cả thiên hạ là từ trên lưng ngựa (ý nói người Mãn Thanh giỏi cưỡi ngựa), vì thế mà các đời vua đều chú trọng cung mã quyền giao, ngay cả người yếu đuối như Phổ Nghi (1906 - 1967) cũng đã từng luyện võ ở Cố Cung.

2. Luyện võ không có nghĩa là trường thọ

Đạo lý là sự trù tượng hóa từ vô số những sự vật khách quan. Mọi người thường thấy những người lớn tuổi cả đời tập võ, đầu tóc bạc phơ nhưng tinh thần lại vô cùng sung mãn, bước đi vững chãi khỏe khoắn, qua đó rút ra được kết luận luyện võ nhất định sẽ trường thọ. Quả thực, luyện võ có tác dụng giúp cơ thể loại bỏ bệnh tật, có lợi cho việc kéo dài tuổi thọ. Thế nhưng, trong số những người thượng thọ cả hơn trăm tuổi, thử hỏi có mấy người biết võ thuật?

Trong số những cao thủ võ lâm, những người sống trên chín mươi tuổi cũng không phải là ít, ví dụ như Dương Vũ Đình (1877 - 1982), Lưu Vạn Nghĩa (1820 - 1918) của phái Thái Cực; Mã Mai Hồ (1805 - 1924) của phái Hình Ý; Trương Chiếm Ngao (1817 - 1916), Vương Tử Bình (1881 - 1973) của phái Đàn Thối..., có thể kể ra một danh sách rất dài. Thế nhưng, sau khi người viết tra cứu về ngày sinh tháng mất của những võ sư cận đại nổi tiếng lại phát hiện ra vấn đề sau, đó là có những nhà võ thuật nổi tiếng không hề trường thọ mà chỉ là trung thọ, mặc dù cùng tập luyện

một môn võ thuật, nhưng sự khác biệt về tuổi thọ cũng rất lớn. Cụ Ngô Đổ Nam (1884 - 1989) là võ sư Thái Cực nổi tiếng hưởng thọ lên đến một trăm lẻ năm tuổi, nhưng cũng là các bậc thầy trong môn phái Thái Cực Quyền mà Dương Đăng Phổ, Lý Diệc Dư (1832 - 1892), Trần Chiêu Khuê (1928 - 1981) lại chỉ hưởng thọ khoảng năm sáu mươi tuổi. Đương nhiên, tuổi thọ dài ngắn có mối quan hệ với rất nhiều phương diện khác như nhân tố di truyền, tình hình kinh tế, điều kiện cuộc sống, tố chất tâm lý..., nó được quyết định bởi sự chi phối của nhiều nhân tố cùng lúc, nhưng từ đó có thể thấy được, tập luyện hay không tập luyện võ nghệ không phải là điều kiện duy nhất quyết định việc tuổi thọ của con người dài hay ngắn, mà dù có tập luyện võ nghệ thì chưa chắc tuổi thọ cũng đã cao.

Vì sao luyện tập võ nghệ nhưng chưa chắc đã trường thọ? Vấn đề này còn cần phải nói đến quy luật luyện võ. Mới học võ thuật, bước đầu tiên là phải tập cho tốt công pháp cơ bản, để sức lực vụng về thô thiển được đổi thành sức mạnh. Trong giai đoạn này, bất kể xuân hạ thu đông, cũng không quản mưa gió giá lạnh, mỗi ngày đều cần phải luyện võ không ngơi nghỉ, chỉ cần sơ ý một chút thôi cũng dễ dàng để lại các chứng bệnh như đau lưng, đau khớp... Khi tập Hình Ý Quyền nếu chân đặt xuống quá nặng



Đạo sĩ Ninh Giáo Khoan - 96 tuổi đang biểu diễn bản cung tại cuộc thi võ thuật Trung Quốc ở Sơn Đông năm 1934.





Võ thuật Trung Quốc

sẽ dễ để lại thương tật ở chân. Khi còn trẻ khỏe tráng kiện, khí huyết sung mãn, những căn bệnh này thường không rõ nét. Nhưng một khi đã bước sang tuổi về già là sẽ đau bệnh liên miên, bị bệnh tật dày vò mãi không thôi. Một số công pháp nào đó trong võ thuật như đạp thung công, thiết đầu công, thiết tí công..., những người mới học trẻ tuổi sức lớn, rèn luyện vội vã, mong mau chóng luyện xong, như thế rất dễ gây ra tổn thương gân cốt, để lại di chứng sau này. Chính vì vậy, trong giai đoạn luyện tập lực nổi, rất dễ để lại tổn thương bề ngoài.

Bước sang giai đoạn luyện lực chìm và lực biến hóa, chủ yếu dựa trên cơ sở là nội công, sức mạnh mẽ cường tráng dần dần bị đẩy lui. Khi luyện nội công, chỉ chủ yếu dựa vào sự nghiên cứu tìm tòi của bản thân, với sự dẫn dắt của ý niệm, khó có thể cùng với bạn đồng môn thảo luận. Thông thường các võ sư dạy võ cho đệ tử phần nhiều đều dạy quyền giới sáo lộ, rất ít người truyền thụ cho đệ tử nội công. Vì vậy, nội công của không ít người học võ đều là dựa vào sự tích lũy tìm tòi từng chút một của bản thân mà có được. Trong quá trình tìm tòi, khả năng đi sai đường và xảy ra sự thiên lệch cũng không phải là ít.

Khi tập luyện nội công, ngoài việc tập trung tinh thần còn đòi hỏi phải có môi trường xung quanh thoáng đãng thanh tịnh. Nếu khi đang vận động mà bị những hoàn cảnh đột ngột gây sợ hãi, sẽ dễ xảy ra tình trạng chân khí bị tán loạn, thậm chí còn làm tán loạn kinh lộ, người bị nhẹ sẽ ảnh hưởng đến việc luyện công, còn người bị nặng có thể dẫn đến tinh thần hoảng loạn hoặc một bộ phận nào đó của cơ thể bị tê liệt, đó chính là khái niệm "tẩu hỏa nhập ma" mà người ta hay nhắc tới. Chính vì vậy, những lúc luyện lực chìm và lực biến hóa, nếu phương pháp luyện công không hợp lý hoặc gặp phải những trường hợp bất ngờ ngoài ý muốn, thì hậu quả để lại phần nhiều đều là nội thương. Khi luyện chu thiên công mà thương khí quá mạnh, quá gấp rút, có thể dẫn đến tình trạng chóng mặt, dễ dẫn đến bệnh cao huyết áp.

Những nhà võ thuật thông thường còn có một đặc điểm nữa, đó là tính ganh đua hiếu thắng, muốn tỉ thí với người khác. Có không ít người khi võ nghệ đã thành thì tiểu ngạo giang hồ, dựa vào võ nghệ để kết bạn. Dựa vào võ nghệ kết bạn tức là dựa vào võ công của mình mà giao lưu bạn bè rộng rãi, khi gặp những người cùng môn phái thường hay thi thố võ thuật, không ai cam tâm thua người khác, vì vậy mà thường dùng toàn bộ sức lực vào việc thi thố, những việc vì thi thố mà khiến bản thân và người khác bị thương đã xuất hiện rất nhiều. Chính vì vậy, một nhà võ thuật thành danh trong cuộc đời không biết phải tỉ thí với người khác bao nhiêu lượt.

Những nhà võ thuật thông thường đều có ý thức về sự thắng thua một cách rất mạnh mẽ. Ngay từ lúc mới bắt đầu học võ, họ đã xây dựng cho mình



Tranh vẽ La hán hồng y năm 1944, Trương Đại Thiên vẽ. Trong tranh, vị La hán ngồi giữa khe núi, cạnh dòng suối bên hàng tre, ánh mắt sáng rọi, thần thái thanh thản, như đang trong trạng thái thoát ly cõi trần tục.

một niềm tin vững chãi rằng “dĩ kỹ thắng nhân” (lấy võ thuật để thắng người), với sự chi phối của ý thức thắng thua này, những nhà võ thuật thường luôn giữ trạng thái cảnh giác cao độ khi đứng trước đối thủ, dường như là luôn chuẩn bị sẵn tinh thần tỉ thí với người khác dù vào lúc nào và ở bất cứ nơi đâu, do vậy bản thân họ lúc nào và ở đâu cũng để cao cảnh giác, luôn giữ trạng thái và tinh thần giao đấu để hễ có sự thay đổi nào đó là có thể xuất chiêu ngay lập tức. Tâm lý lúc nào cũng như đứng trước trận giao đấu kiểu đó làm cho các nhà võ thuật luôn rơi vào trạng thái căng thẳng hồi hộp, mà trạng thái đó là cả mấy chục năm chứ không phải chỉ trong một ngày, rõ ràng đây cũng là một áp lực tinh thần vô hình. Y học hiện đại cho rằng, trạng thái hồi hộp căng thẳng diễn ra lâu ngày rất có hại cho sức khỏe của con người, dễ dẫn đến những căn bệnh về hệ thống tâm huyết quản, cũng dễ dẫn đến bệnh ung thư.





Tổng kết lại những điều nói trên, có thể thấy do nguyên nhân từ hai mặt cơ thể và tâm lý con người, các nhà võ thuật chưa chắc đã là những người sống thọ, luyện võ cũng không chắc chắn sẽ trường thọ. Nhìn lại những người sống trăm tuổi thì trong mười người có đến chín người không hề luyện tập võ nghệ. Phần đông họ đều sống ở vùng núi, không bị ô nhiễm, không khí trong lành. Bản thân họ là những người phóng khoáng, chẳng bao giờ có ý phải tranh chấp với đời, họ sống đơn giản, ít khi nào có những thói quen không tốt như uống rượu, hút thuốc, vì vậy mà họ sống lâu trăm tuổi.

3. Luận về khí công

Trong võ thuật Trung Quốc, khí công được gọi là “nội công”, còn gọi là “luyện công”. Danh từ “khí công” này đến tận cuối thời nhà Thanh mới xuất hiện, thời cổ đại gọi là “hành khí” hoặc “đạo dẫn”. Đó là một phương pháp luyện tập sức khỏe được thể hiện chủ yếu dưới hình thức điều hòa vận khí trên nền tảng học thuyết kinh lạc, được coi là cái đạo của dưỡng sinh truyền thống Trung Quốc.

Văn hóa truyền thống của Trung Quốc có thể gọi là sự kết hợp của ba đạo: đạo Nho, đạo Phật, Đạo giáo. Là một nhánh nhỏ của văn hóa truyền thống Trung Quốc, khí công về đại thể cũng được chia thành ba loại, đó là Nho gia, Đạo gia và Phật môn. Trong đó, khí công của hai dòng Nho và Đạo đều có khởi nguồn từ rất sớm, còn khí công của Phật môn thì du nhập vào Trung Quốc cùng với sự du nhập của Phật giáo.

Khí công của Nho gia lấy “tôn tượng” và “tọa vong” là những đặc trưng, coi tĩnh tọa là hình thức chủ yếu. Khí công của Đạo gia có khởi nguồn từ xa xưa, sách vở phong phú, mức độ ảnh hưởng rộng. Khí công của Đạo gia lấy “Chu dịch” và học thuyết âm dương ngũ hành làm chỉ đạo. “Chu dịch” vốn là điển tịch của Nho gia, vì vậy khí công của Nho gia và Đạo gia có thể nói là cùng nguồn gốc nhưng chia làm hai nhánh, cả hai đều ảnh hưởng và thẩm thấu lẫn nhau. Do Đạo gia rất tận tụy dụng công, trước tác nhiều, vì vậy mà trong quá trình phát triển, khí công của Nho gia bị Đạo gia ảnh hưởng tương đối nhiều.

Khí công Phật môn cũng có không ít môn phái, trong đó bốn phái có ảnh hưởng lớn nhất là Tịnh thổ tông, Thiền tông, Thiên đài tông và Mật tông. Từ đời Đường trở đi, trong các giáo



Hình ngồi thiền của phái Thiền tông.

Thiền tông

Thiền tông, là một trong 13 tông của Phật giáo được truyền vào Trung Quốc từ đời nhà Hán, theo truyền thuyết bắt đầu từ thời Bồ Đề Đạt Ma và thịnh hành vào thời Lục Tổ Huệ Năng. Sau thời giữa và thời kỳ cuối đời nhà Đường, nó trở thành dòng chủ lưu của Phật giáo truyền vào đời nhà Hán, cũng là một trong những biểu tượng chủ yếu nhất của Phật giáo truyền vào đời nhà Hán. Thiền tông không đòi hỏi phải có một môi trường tu hành đặc biệt nào cả, mà là tùy theo mỗi một cơ duyên nào đó, bỗng nhiên đắc đạo, đạt đến cảnh giới "vô niệm" mặc dù xung quanh thân mình là bụi trần nhưng cái tâm của mình lại ở ngoài bụi trần, mà cảnh giới của sự "vô niệm" đòi hỏi không phải là "tòng phạm nhập thánh" (từ cõi phạm bước vào cõi thánh), mà càng phải "tòng thánh nhập phạm" (từ cõi thánh đi vào cõi phạm). Thiền tông chủ trương, tu đạo không nhất thiết phải đọc sách kinh, cũng không cần phải xuất gia, cuộc sống thế tục vẫn có thể tiến hành một cách bình thường. Cuộc sống hàng ngày của người đắc đạo không khác gì so với cuộc sống của một người bình thường, chỉ có sự khác biệt là ở đời sống tinh thần. Khi tiếp xúc với những việc hàng ngày, tâm cảnh có thể không bị ảnh hưởng bởi bất cứ nhân tố ngoại cảnh nào, hay nói cách khác, người trần và Phật chỉ có một cái khác biệt là ở ý niệm. Thiền tông sáng tạo rất nhiều thiền pháp mới để tăng cường thêm "ngộ tâm", ví dụ như vân du chẳng hạn, tất cả những phương pháp này đều là khiến cho cái tâm của con người ngay lập tức có đủ sự nhạy cảm để ngộ đạo. Sự giác ngộ của Thiền tông là chỉ mọi nhân tố thời gian không gian, nhân quả, quá khứ, tương lai trong sự siêu việt, và từ đó có được cảm giác tự do tự tại trong sự giải thoát ra khỏi tất cả thế sự cũng như mọi sự ràng buộc, từ đó mà "siêu phạm nhập thánh", không còn trầm luân trong những việc của thế tục, nhưng vẫn tiến hành một cuộc sống bình thường hàng ngày.

phái của Phật giáo Trung Quốc thì Thiền tông phát triển mạnh mẽ nhất, sau đó đến Tịnh thổ tông, sau thời nhà Tống thì Thiền tông và Tịnh thổ tông hợp lưu lại gọi là "thiền tịnh song tu". Khởi nguồn của Tịnh thổ tông là ở Cực lạc tịnh thổ Tây phương, có ảnh hưởng nhiều nhất trong quần chúng nhân dân. Thiền tông coi trọng tính giác ngộ, có ảnh hưởng tương đối lớn trong tầng lớp trí thức. Khí công Thiền tông coi Thiền định, Tham ngộ là hình thức biểu hiện chủ yếu, phần nhiều là tọa công (tọa thiền - ngồi thiền). Thiên đài tông có nguồn gốc từ núi Thiên Đài ở Chiết Giang, để xứng chỉ quán pháp môn, đồng thời dùng pháp môn này để chỉ đạo tu luyện khí công, chủ yếu là tĩnh tọa, coi trọng khí cảm, kèm theo đó là có tự phát công.

Mật tông còn gọi là Yoga (Du-già mật giáo) được du nhập vào Trung Quốc từ thời Tam Quốc (220 - 280), vào thời nhà Đường đã từng được truyền bá ở những nơi như Trường An (nay là Tây An), Lạc Dương..., đồng thời còn được truyền đến cả Nhật Bản, lập nên phái Chân ngôn tông Nhật Bản. Về sau, trải qua "hội xướng pháp nan" thời cuối đời nhà Đường và chiến loạn thời Ngũ Đại mà dần dần bị thất truyền. Nhưng phái này luôn được lưu truyền ở khu vực Tây Tạng đồng thời phái sinh thành nhiều chi khác nhau. Khí công Mật tông và Yoga Ấn Độ có một mối liên hệ chặt chẽ với nhau, nhưng chỉ lưu truyền giới hạn ở khu vực Tây Tạng, còn trong những vùng lục địa thì ít người biết đến. Mãi đến những năm 30, 40 của thế kỷ XX, khí công Mật tông mới được người ở khu vực lục địa ít nhiều biết đến.

Trong quá trình lịch sử lưu truyền và biến đổi, khí công của ba phái Nho gia, Phật giáo và Đạo gia đã cùng thẩm thấu và dung hợp lẫn

n nhau, trong phái này có các nhân tố của phái kia, trong phái kia có các nhân tố của phái này.

Khí công nên trở thành một môn khoa học. Thế nhưng, do những nguyên nhân lịch sử, nó bị thấm nhuần những ý thức tôn giáo và những





Võ thuật Trung Quốc

trầm tích của văn hóa mê tín một cách không thể tránh khỏi, cái đạo của dưỡng sinh và khí công có những mối duyên không thể tách rời, mà nội công trong võ thuật lại có mối tương đồng với khí công.

Sự ra đời và phát triển của khí công dưỡng như có một mối quan hệ vô cùng chặt chẽ với ý thức tự mình chiếm lĩnh cả thế giới của nhân loại. Ngay từ thời kỳ ban sơ của nhân loại, con người đã mơ tưởng sẽ giành lấy cho mình một năng lực siêu nhiên mà không có bất kỳ sức mạnh nào có thể chế ngự để có thể hoàn toàn tự tung tự tác. Do trong quá trình thực hiện mục tiêu này, họ không lúc nào không bị các quy luật tự nhiên chi phối, lại thường xuyên phải chịu đựng sự trừng phạt tàn khốc của các quy luật tự nhiên, chính vì vậy mà mong ước của họ là làm sao có thể thoát ra khỏi cục diện mà họ luôn là những người yếu đuối hơn, bị động hơn này, rất nhiều thần thoại chính là những thử thách của con người trong thời kỳ ban sơ đối với thiên nhiên và vũ trụ.

Về sau, cùng với sự phát triển của xã hội, con người dần dần trưởng thành hơn, những hoang tưởng trong họ cũng dần dần ít đi. Thế nhưng, ý thức tự chiếm lĩnh của con người thì không hề bị mất đi, ngược lại nó càng ngày càng đậm sâu, tích tụ trong sâu thẳm tâm hồn của con người, và trở thành một ý thức tiềm tàng, rồi ý thức ấy lại được di truyền từ đời này sang đời khác.

Trên thực tế, nhân loại từ xưa đến nay chẳng bao giờ chấp nhận sự cô quạnh. Sau bao nhiêu mộng tưởng có thể thử thách chiến đấu với tự nhiên của con người đều bị lụi tàn, họ vẫn luôn tìm cho mình mục tiêu thử thách mới một cách cực kỳ thận trọng. Thế là, một mục tiêu vô cùng thực tế, vô cùng phổ biến mà lại không cần phải gánh chịu những rủi ro lớn đã được phát hiện, chính là tự thân cơ thể của mỗi người.

Con người vô cùng nhỏ bé đã cùng với thiên nhiên to lớn vô cùng uy lực, biến hóa khôn lường tạo nên một mâu thuẫn khác nhau một trời một vực về thực lực. Đối diện với đối thủ to lớn này, con người gần như là bất lực



Đạo đồ (tranh hướng dẫn) (phục nguyên) thời Tây Hán, được tìm thấy ở Trường Sa tỉnh Hồ Nam. Trong ảnh vẽ hình đàn ông, phụ nữ ở 44 tư thế khác nhau, cùng với chú thích văn tự đơn giản, nội dung bao gồm công pháp trị liệu và công pháp luyện tập sức khỏe.



“Mười ba đoạn gắm” hình thứ nhất - giải thích nội công bằng hình vẽ, in vào năm thứ 8 đời Hàm Phong nhà Thanh năm 1858.



“Dịch cân kinh” thế thứ nhất - giải thích nội công bằng hình vẽ, đăng vào năm thứ 8 đời Hàm Phong nhà Thanh năm 1858.

hoàn toàn, và thế là con người tìm đến việc thử thách với giới hạn sinh lý học của chính cơ thể mình. Ở phương Đông, thuật dưỡng sinh của người Trung Quốc dựa vào Đạo gia, thuật Yoga của người Ấn Độ dựa vào Phật giáo, ngay từ hai ngàn năm về trước đã bắt đầu nhận biết và khai phá năng lượng tự thân của cơ thể, đó chính là khí công mà chúng ta nói đến ngày nay.

Trong quá trình khai phá năng lượng tự thân trong cơ thể con người, tổ tiên của chúng ta phát hiện ra rằng, thông qua việc luyện khí công, hoàn toàn có thể khiến cho một người bình thường có được một công lực không thể tưởng tượng nào đó. Ví dụ, khí công có thể giúp cho toàn bộ cơ bắp trên cơ thể con người rắn rỏi như sắt, không sợ sự tấn công của ngoại lực, đây là công phu “kim chung trác” trong võ thuật, còn gọi là “thiết bổ san”; cũng có thể khiến cho cơ thể vô cùng mềm dẻo, uốn cong theo ý mình, đây là “đồng tử công” trong võ thuật; còn có thể làm cho khí lực của con người tăng lên rất nhiều, tay chặt vỡ gạch đá, chân đạp vỡ bia đá, đó là sức cứng trong võ thuật; còn có thể trừ bệnh, giúp cơ thể khỏe mạnh, kéo dài tuổi thọ, đây chính là khí công dưỡng sinh.

Trong cảnh giới khí công như u u mê mê, diệu kỳ, ý thức tự mình chiếm lĩnh ẩn lấp trong sâu thẳm tâm hồn của con người lại len lén vùng dậy. Con người rất muốn vượt qua chính mình, vượt qua vận mệnh, vượt





Võ thuật Trung Quốc

qua thời gian và không gian, muốn thoát ra khỏi mọi sự trói buộc. Thế là, trên cơ sở có căn cứ thực tế của khí công, những giấc mộng của con người lại được khơi dậy.

Thứ quý giá nhất của con người không gì bằng cuộc sống, người Trung Quốc linh hội về điều đó một cách vô cùng sâu sắc, chính vì vậy, người phương Tây lại càng chìm đắm trong cái đạo của dưỡng sinh. Theo lý luận khí công truyền thống của Trung Quốc, nếu muốn luyện tốt khí công, trước tiên phải làm thế nào để tâm hồn thanh tịnh, bỏ hết danh lợi, coi trọng hư không giữ gìn thanh tịnh luôn giữ tâm không vọng niệm, cần phải có sức chịu đựng vô cùng lớn, phải kiên trì ý chí và phải có ngộ tính một cách tương đối thì mới có thể gặt hái được thành công trong việc luyện khí công.

Chức năng rèn luyện sức khỏe của khí công là một thực tế tồn tại khách quan, nhưng nếu cứ khoa trương nó một cách phiến diện, thì rất có thể sẽ bước vào con đường phản diện của nó.

VÕ THUẬT VĂN HỌC VÀ PHIM ẢNH

Võ thuật là quốc hồn quốc túy của Trung Quốc, thứ luôn được gắn liền chặt chẽ với võ thuật chính là những “tình kết hiệp khách” không bao giờ có thể phai mờ của người Trung Quốc. Từ thời Tiên Tần cho đến những năm Dân Quốc, lịch sử trải hơn hai nghìn năm, sử sách nổi tiếng viết về các hiệp khách không ngừng ra đời, vì thế mà hình thành nên một hình thái văn hóa vô cùng đặc thù, đó chính là “văn hóa hiệp khách”, mà trọng tâm chính là những hành vi hành hiệp trượng nghĩa của các hiệp khách này, và những tình kết⁽¹⁾ hiệp khách là nền tảng tâm lý xã hội cho sự ra đời của văn hóa hiệp khách.

Trong lĩnh vực hình thái văn hóa, các tình kết hiệp khách được tập trung thể hiện trong sự trường thịnh bất suy của các tiểu thuyết kiếm hiệp.

Mọi người dân Trung Quốc thích đọc truyện kiếm hiệp, nhưng điều hấp dẫn họ không phải là những đường nét võ công tuyệt trần đến mức

“Tình kết hiệp khách” của người Trung Quốc

Về cơ bản, “tình kết hiệp khách” thuộc về phạm trù văn hóa dân gian, chúng là sự phản kháng trong giấc mơ của một trật tự tồn hiện trong tầng lớp nhân dân, cũng là sự ước ao của quần chúng nhân dân về nhân cách hoàn mỹ của những anh hùng trong chính giấc mộng của họ. Cái gọi là “vật bất bình tắc ô”, xã hội bất bình là nguyên nhân căn bản của “dĩ võ phạm cấm”, cũng chính là căn nguyên lịch sử của những tình kết hiệp khách của người Trung Quốc. Ví dụ trong như “Thủy hử truyện” đã nói rằng “cây gậy thiền đánh và mở ra một con đường rui ro nguy hiểm, con dao của Phật giết hết những kẻ bất công bằng”. Trong những tình kết hiệp khách của người Trung Quốc, còn hàm chứa một sự cầu nguyên tâm lý lâu dài, đó là sự hướng đến một sức mạnh nhân cách to lớn. Nghiên cứu lịch sử văn hóa sử đã chứng minh, trong quá trình lịch sử phát triển của một dân tộc, một nhân cách mang tính tập thể nào đó mà dân tộc này thiếu thốn nhất, mất mát nhất, thì nó sẽ luôn trở thành một hoài bão tinh thần mà đa số cá thể của dân tộc này luôn kiên trì theo đuổi. Và ở Trung Quốc, cái mà mọi người theo đuổi nhất chính là nhân cách toàn mỹ không hề nhuốm chút a dua nịnh hót của loại nô tài.

1 Tình kết (Tiếng Trung: 情结, tiếng Anh: Complex), là một thuật ngữ trong lĩnh vực tâm lý học, ý nói đến phức cảm vô thức, hoặc là một trạng thái tâm lý thần bí tiềm ẩn trong mỗi con người, ảnh hưởng một cách mạnh mẽ mà vô thức.



Tranh khắc gỗ "Thủy Hử Diệp Tử": Tống Giang, Sư Tiến. Tác phẩm của Trần Hồng Thụy, cuối đời nhà Minh.

khó có thể tưởng tượng, mà sức hấp dẫn chính là những nhân cách lớn mang đậm nét hào hùng thẳng thắn, dám nói dám làm, một lời đáng ngàn vàng, xả thân vì nghĩa của những nhân vật trong truyện. Dưới ngòi bút của tác giả, những hiệp khách ấy mang theo thanh kiếm đi ngao du thiên hạ, hào phóng khoáng đạt, làm việc gì cũng thần tốc, an nhàn tự tại bên ngoài thế tục, vượt lên trên mọi luật pháp, trợn mắt nhìn công hầu, thẳng thắn chửi vương bá; hoặc ẩn dật ở những ngôi chùa cổ trên núi hoang, hoặc đi đến những tửu lầu mỹ nữ,

yến tiệc linh đình, rồi vung tay ngàn bạc. Mĩ nhân và tửu lầu thường là một cặp đôi, đường dao lạnh cùng với ánh trăng vàng cùng chiếu rọi. Họ đấu tranh với nghịch cảnh một cách ngoan cường, chống chọi với vận mệnh, họ yêu thật mãnh liệt, họ hận cũng rất chân tình, họ sống cũng rất đàng hoàng, và chết cũng vô cùng bi tráng, họ thể hiện cho độc giả thấy được một cuộc đời thanh thoát thực sự, một cuộc sống huy hoàng thực sự. Cuộc sống như thế, còn gì phải tiếc nuối?

Tình kết hiệp khách cũng được phản ánh rất nhiều trong lĩnh vực thơ văn, hý khúc. Chỉ trong thơ ca đã có thể thấy rất nhiều hình ảnh như "Bạch mã biên" của Tào Thục (192 - 232), "Hiệp khách hành" của Lý Bạch (701 - 762), "Biệt Lương Hoàng" của Lý Khấn (690? - 751?), mãi cho đến "Lan Lăng nữ nhi hành" của Kim Hòa (1818 - 1885) vào cuối đời nhà Thanh, đều là những tác phẩm miêu tả võ công cao siêu và hành vi hiệp nghĩa, cho đến tận ngày nay vẫn được truyền tụng mãi không thôi. Cho đến thế kỷ XX, phim ảnh và truyền hình dần dần phát triển mạnh mẽ, các nhân vật võ hiệp lại được tái hiện trên màn ảnh.

Đương nhiên, tác phẩm võ hiệp không phải là một cuộc sống chân thực mà là một sự thực trong những giấc mộng. Đó là những giấc mộng đẹp của những người bình thường, là lời kêu gọi chân tình của nhân dân.





Ở Trung Quốc, tác phẩm kiếm hiệp hoặc sẽ trở thành thần thoại vĩnh hằng của dân tộc, với các tình tiết hiệp khách là nhân tố tinh thần đặc biệt trong đó, với nó được dung hòa vào các trầm tích lịch sử của tâm lý dân tộc từ xa xưa, hoặc sẽ trở thành những ký ức vĩnh hằng mà con người luôn muốn quay về trong lịch sử tâm tồn dân tộc Trung Hoa.

1. Từ “Du hiệp liệt truyện” đến “Bảo kiếm kim thoa”

Trong “Sử ký - Du hiệp liệt truyện”, Tư Mã Thiên (145 - 90 TCN) đã ghi chép về hơn hai mươi hiệp giả trong thời kỳ đầu thời Tây Hán, trong đó có những miêu tả về Quách Giải khá chi tiết và sinh động, sau đó là những người như Chu Gia, Điền Trọng, Kịch Mạnh..., những nhân vật còn lại thì chỉ đề cập đến tên chứ không ghi chép lại những kỳ tích trong cuộc đời của họ. Và thế là, những người như Quách Giải, Chu Gia... trở thành hình tượng hiệp khách xuất hiện dưới ngòi bút của văn nhân sớm nhất trong lịch sử Trung Quốc. Phần miêu tả Quách Giải trong “Du hiệp liệt truyện” rất giống một truyện ngắn hoàn chỉnh, đóng vai trò trở thành nền tảng cho những truyện kiếm hiệp sau này. Nhưng nói một cách nghiêm túc thì “Sử ký” thuộc loại ghi chép về lịch sử, chưa thể coi là tác phẩm văn học thuần túy. Ngoài ra, “du khách liệt truyện” tập trung vào cái đạo hiệp nghĩa của những người như Quách Giải, chứ không hề nhắc đến võ công của họ. Từ điểm này có thể thấy, “Du hiệp liệt truyện” có sự khác biệt rất lớn so với các loại tiểu thuyết kiếm hiệp sau này.

Các tiểu thuyết kiếm hiệp thực sự của Trung Quốc xuất hiện vào giai đoạn giữa và cuối thời kỳ nhà Đường, đều là những truyện ngắn, sách sử gọi là “Đường nhân truyền kỳ”, lưu truyền cho đến nay còn lại khoảng hơn mười truyện, trong đó “Hồng tuyến”, “Nhiếp ẩn nương”, “Cầu nhiệm khách truyện”, “Côn lân nô” đều được coi là những tác phẩm có giá trị. Đường nhân truyền kỳ đã cung cấp cho những tiểu thuyết kiếm hiệp sau này một mô hình sáng tác, ví dụ võ công thần kỳ xuất quỷ nhập thần, trừ gian diệt ác, các hành vi hiệp nghĩa và các phương thuật thần quái cùng kết hợp với nhau, cái đạo của hiệp nghĩa và quan niệm tận trung,



Bản vẽ: Tiêu Đình Lực thặng Hắc Toàn Phong, hình trong “Trung nghĩa Thủy hử toàn truyện” thời nhà Minh.



Tranh Tết: Đại chiến Đặng Xa, cuối đời nhà Thanh, Bắc Kinh. Lấy đề tài từ "Tam hiệp ngũ nghĩa". Đặng Xa giỏi cung sắt, người đời gọi là "Thần thủ đại thánh", tranh vẽ cảnh Đặng Xa đại chiến với Bắc hiệp Âu Dương Xuân.

ý thức luân hồi của Phật giáo và tư tưởng võ hóa của Đạo gia cùng tương hỗ kết hợp thành..., từ đó tạo nên những đặc trưng cơ bản của tiểu thuyết kiếm hiệp cổ đại ở Trung Quốc. Đến đời nhà Tống, kịch bản xuất hiện với số lượng lớn, những tác phẩm truyện ngắn cũng cực kỳ phát triển, nhưng tiểu thuyết kiếm hiệp lại không được chú ý đến nữa, có lẽ chỉ còn một truyện đáng được nhắc đến, đó là "Dương ôn lạn lộ hổ", nhưng văn phong của tác phẩm này rời rạc, hình tượng nhân vật méo mó, chưa thể gọi đó là một tác phẩm hay. Tình trạng này có liên quan đến phong cách của thời đại. Người đời Đường cao lớn mạnh mẽ, thịnh hành trào lưu thượng võ, nhưng người đời Tống lại nho nhã mềm mỏng, thích những trò tiêu khiển nhẹ nhàng. Phản ánh trong mặt văn phong thì người đời Đường mạnh mẽ cương trực, giàu nam tính; người đời Tống dịu dàng ôn hòa, mỏng manh và nhạy cảm. Tuy rằng Đường nhân truyền kỳ phần nhiều xuất hiện vào giữa và cuối đời nhà Đường, đó là thời kỳ loạn trong giặc ngoài, quốc thể đã suy, thế nhưng phong lưu của thời hưng thịnh vẫn còn lưu giữ, những nét điển hình vẫn chưa mất đi, sức mạnh hùng kiện của ngòi bút cũng không phải mang vẻ yếu đuối như hình ảnh của người đời nhà Tống.

Vào đầu đời nhà Minh, tiểu thuyết chương hồi "Thủy Hử truyện" ra đời, đánh dấu việc các tiểu thuyết kiếm hiệp của Trung Quốc bước sang thời kỳ trưởng thành. Sự kết hợp giữa hành động hiệp nghĩa và võ thuật, tiến hành miêu tả đậm nét đối với võ thuật đã trở thành một đặc sắc lớn của "Thủy hử truyện". Đề tài của "Thủy hử truyện" là "bức thượng lương sơn" (buộc phải lên Lương sơn), luôn được coi là tác phẩm tiêu biểu phản ánh chiến tranh của nông dân. Thế nhưng những miêu tả về cảnh tượng chiến tranh trong





Võ thuật Trung Quốc

tiểu thuyết lại phần nhiều đều rất bình thường không có gì đáng chú ý, thậm chí còn có không ít chỗ miêu tả rất tẻ. Nói một cách thật lòng thì “Thủy hử truyện” vẫn là một tiểu thuyết dài huy hoàng của một thời đại trong giới võ lâm Trung Quốc. Các anh hùng hảo hán Lương Sơn Bạc tất cả đều vì một chữ “nghĩa”, họ tung hoành ngang dọc, tấn công vào các châu huyện, làm nên không ít những chuyện lớn kinh thiên động địa.

“Thủy hử truyện” đã viết về nghĩa khí giang hồ của những người đàn ông và miêu tả lên đến cực điểm, điều đó đã khiến tất cả những tác giả sau này đều nhìn vào đó mà noi gương. Điểm khiến mọi người cảm động trong “Thủy hử truyện” chính là sự ngợi ca đối với nghĩa khí, và ngòi bút truyền thần phần nhiều đều miêu tả những cảnh tượng chiến đấu. “Thủy hử truyện” sở dĩ bất hủ chính là từ những điều đó. Còn chủ thể của truyện là những anh hùng hảo hán Lương Sơn Bạc thì trên thực tế lại là một nhóm người lang bạt hoặc nông dân nghèo.

Đến đầu thời kỳ nhà Thanh, các tiểu thuyết chương hồi khác như “Thủy hử hậu truyện”, “Tùy Đường diễn nghĩa”, “Thuyết nhạc toàn truyện”... lần lượt ra đời, những tiểu thuyết này đều chịu ảnh hưởng của “Thủy hử truyện” một cách rõ nét. Đến cuối đời nhà Thanh, các tiểu thuyết kiếm hiệp chương hồi lại bước vào giai đoạn phồn thịnh, những tác phẩm khá nổi tiếng gồm có “Nữ nhi anh hùng truyện”, “Tam hiệp ngũ nghĩa”, “Thất hiệp ngũ nghĩa”, “Tiểu ngũ nghĩa”, “Lục mục đơn”... Ngoài ra còn có những tiểu thuyết về công án như “Thi công án”..., trong đó phần nhiều đều miêu tả về các hiệp khách. Vào thời kỳ Minh, Thanh, những tiểu thuyết ngắn viết về đề tài kiếm hiệp cũng phát triển, ví dụ như “Lưu đông sơn khoa kỹ thuật thành môn, thập bát huynh kỳ tông thôn tửu tử” của Lăng Mông Sơ (1580 - 1644) vào cuối đời nhà Minh, hay như “Hiệp nữ” của Bồ Tùng Linh (1640 - 1715) vào đầu thời kỳ nhà Thanh đều có thể coi là những tác phẩm tiêu biểu.

Vào thời Dân Quốc, thiên hạ khắp nơi biến động rối ren, hơn ba mươi năm ròng không có lấy một ngày bình yên, thế nhưng tiểu thuyết kiếm hiệp lại vô cùng phát triển, số lượng xuất bản lên đến 665 bộ, vượt xa số lượng tiểu thuyết của bất cứ đề tài nào khác.

Các tiểu thuyết kiếm hiệp thời kỳ Dân Quốc có thể chia làm hai loại, một loại chuyên viết về quyền côn kỹ kích, không đề cập đến thế lực của thần thánh, tiên pháp hay yêu thuật, các tác phẩm tiêu biểu có thể kể đến



Tranh điêu khắc gỗ “Ba lần đánh Chúc gia trang” trong Thủy Hử, tác phẩm của Trần Gia Từ ở Quảng Châu.



Tranh tết: Mục Quế Anh đánh phá Thiên Môn Trận, đời nhà Thanh, Tô Châu, Giang Tô.
Mục Quế Anh, nhân vật trong hí khúc và tiểu thuyết "Dương Gia Tướng", là vợ của Dương Tông Bảo, là một trong những nữ tướng của Dương Môn, là nhân vật điển hình của các nữ anh hùng trong văn học cổ điển Trung Quốc.

như "Bảo kiếm kim thoa" của Vương Độ Lư (1909 - 1977) và "Thập nhị kim tiền phiêu" của Cung Bạch Vũ (1899 - 1966). Loại thứ hai là trong khi miêu tả về võ kỹ có xen vào rất nhiều cái gọi là "thần công", phần nhiều có những tình tiết hoang đường như kiếm tiên đấu pháp, kiếm quan thiên lý..., các tác phẩm tiêu biểu có thể kể đến như "Giang hồ kỳ hiệp truyện" của Bình Giang Bất Tiêu Sinh (Hương Quỳnh, 1889 - 1957) và "Thục Sơn kiếm hiệp truyện" của Hoàn Châu Lô Chủ (Lý Thọ Dân, 1902 - 1961). Thời đó, còn có sự phân chia theo kiểu "Nam phái" và "Bắc phái", các tác giả của Nam phái tiêu biểu là Hương Quỳnh, Cố Minh Đạo (1897 - 1944), phần nhiều viết theo lối hư cấu; các tác giả tiêu biểu của Bắc phái gồm có Vương Độ Lư, Cung Bạch Vũ, Lý Thọ Dân, Trịnh Chứng Nhân (1900 - 1960), văn phong của các tác giả này trong thật có hư, nhưng phần nhiều đều viết theo hướng tả thực. Khi tiểu thuyết kiếm hiệp phát triển lên đến đỉnh điểm và dần dần đi đến cuối con đường, thì có những tác giả lại kết hợp kiếm hiệp và hội đảng bí mật, từ đó xuất hiện cái gọi là "bang hội tiểu thuyết", ví dụ như "Tứ hải quán long ký" của Diêu Dân Ai (1893 - 1938).

Một điều đáng để nhắc đến là, "Ứng Trảo Vương" của Trịnh Chứng Nhân chia thành nhiều tập, độ dài lên đến 2 triệu chữ, ngoài ra ông còn viết hơn mười bộ tác phẩm với những nhân vật và tình tiết nổi liền với "Ứng Trảo Vương", tạo nên một loạt tiểu thuyết khổng lồ, mở ra dòng sông tiểu





Võ thuật Trung Quốc

thuyết kiếm hiệp. Việc miêu tả về tính cách của một số nhân vật như trong “Tục mệnh thần y” - nhân vật Vạn Liễu Đường lăm mưu mẹo, Yến Triệu song hiệp thích chu du, hay như Lục Thất nương “Nữ đồ hộ” nhẫn tâm tàn bạo, hoặc như sự miêu tả Cố Minh Đạo trong “Hoang giang nữ hiệp”... đều để lại những ảnh hưởng đối với các tiểu thuyết kiếm hiệp thuộc môn phái mới mẻ sau này.

2. Tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới

Sự xuất hiện của Kim Dung (1924 -) đã khiến cho thế giới tiểu thuyết kiếm hiệp của Trung Quốc bước sang một giai đoạn mới, phát triển vô cùng rực rỡ, văn học Trung Quốc cũng vì thế mà có thêm những chuyện tình yêu của những nam nhi mạnh mẽ và thiếu nữ dịu dàng, đánh dấu việc tiểu thuyết kiếm hiệp Trung Quốc chuyển sang một thời đại mới.

Đây có vẻ như một cơ hội của lịch sử. Bước sang nửa sau giai đoạn thập niên 50 của thế kỷ XX, do những nguyên nhân về mặt chính trị, tiểu thuyết kiếm hiệp ở Trung Quốc đại lục nhanh chóng bị mất đi chỗ đứng, những tác giả đỉnh cao đã từng một thời lừng danh như biến mất khỏi văn đàn. Thế nhưng, cũng đúng vào thời điểm này, Kim Dung bỗng nhiên nổi lên từ mảnh đất Hương Cảng và trở thành một ngọn cờ lớn trong làng văn học kiếm hiệp Trung Quốc.



Tranh Tuyên Tông săn bắn, đời nhà Minh. Tranh vẽ cảnh Tuyên Đức hoàng đế (1426 - 1435) mặc hổ phục đi ra vùng ngoại ô săn bắn. A Cửu, Cửu Nan trong tiểu thuyết “Bích huyết kiếm”, “Lộc Đình Kiếm” của Kim Dung là công chúa trong triều đại nhà Minh.

Những người trong thời đại mới này xuất hiện từ Hồng Kông, Đài Loan, ngoài Kim Dung ra còn có các nhân vật như Lương Vũ Sinh, Cổ Long, Đông Phương Bạch, Ngọa Long Sinh..., ngoài ra còn có Tiêu Dật là Hoa kiều định cư tại Hoa Kỳ, họ đã kết hợp thành một nhóm tác giả mới. Những tác phẩm của họ được coi là “tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới”.

Tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới vừa là những truyện cổ tích dành cho người trưởng thành, vừa là thần thoại đương đại. Các tiểu thuyết này kế thừa những truyền thống nghệ thuật của những tác phẩm xuất sắc như “Bảo kiếm kim thoa”, “Thập nhị kim tiền phiêu”..., tập trung vào khai thác thế giới nội tâm tinh thần của nhân vật, cố gắng dựng xây nên những hình tượng nghệ thuật giàu cá tính rõ nét và cơ thể cường tráng khỏe mạnh. Đồng thời, những tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới còn mượn phong cách lãng mạn của các tiểu thuyết trước đó như “Giang hồ kỳ hiệp truyện”, “Sở sơn kiếm hiệp truyện”..., mượn cảnh vật núi sông và những ý tưởng lạ lẫm, khiến cho không ít nhân vật trong truyện vừa có đủ thất tình lục dục của những người bình thường, lại phú cho họ các loại võ công siêu thần nhập hóa, dựng xây nên hình ảnh của họ là những hình tượng nhân vật nghệ thuật vừa là người phàm vừa là thần thánh, người và thần hợp nhất, hình thành ý hướng nghệ thuật rất gần với loại tiểu thuyết thần thoại hoang tưởng. Thế là, những tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới trở thành những tác phẩm hợp hai thành một, đó chính là cổ tích và thần thoại. Về mặt này, quả thực tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới đã thực sự bước vào một con đường hoàn toàn mới của riêng mình, không hổ danh với ba chữ “môn phái mới”.

Trên thực tế, tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới là sự kết hợp hữu cơ giữa tình cảm và võ thuật, về mặt hình thức thì là miêu tả võ thuật, nhưng cốt lõi lại là viết chuyện tình cảm. Trong tiểu thuyết cổ điển của Trung Quốc vốn dĩ đã chia ra làm hai môn phái lớn là tình cảm và võ thuật, “Hồng lâu mộng” chính là một tác phẩm nổi tiếng thuộc thể loại tình cảm, “Thủy hử truyện” lại là tác phẩm truyền đời viết về thể loại võ thuật. Đến thời kỳ Dân Quốc, một số tác giả đã dung hòa hai môn phái tình cảm và võ thuật lại thành nhất thể, giống như cốt truyện chính của “Bảo kiếm kim thoa” chính là chuyện tình cảm của hai nhân vật Lý Mộ Bạch và Du Tú Liên, rất nhiều đoạn miêu tả về võ công, hay những cảnh tượng đánh nhau chẳng qua cũng chỉ là những cành lá được sinh ra từ thân cây chính mà thôi. Lấy chuyện tình cảm là đề tài chính, lấy võ thuật kiếm hiệp là đề tài phụ, kết hợp hài hòa giữa tình cảm và võ thuật dần dần trở thành xu hướng phát triển của tiểu thuyết kiếm hiệp thời kỳ Dân Quốc, vì thế mà rất được độc giả ưa chuộng. Các tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới còn cố ý nhấn mạnh xu thế này, đồng thời mượn một số thủ pháp thể hiện của văn học và nghệ thuật điện ảnh phương Tây, miêu tả chuyện tình cảm một cách sâu





Hình ảnh vua Càn Long cùng với Hương Phi vi hành, tranh bằng nhung của Lang Thế Ninh đời nhà Thanh.

Chủ đề cũ của bức tranh là “Ngự uyển xuân đồ”. Tác giả Lang Thế Ninh (1688 - 1766) là người Ý, năm 1715 sang Trung Quốc truyền đạo và trở thành họa sĩ cung đình, những tác phẩm truyền đời của ông có khá nhiều. Trong tác phẩm “Thư kiếm ân thù lục” của Kim Dung có viết về câu chuyện của vua Càn Long và Hương Phi.

sắc hơn, miêu tả tình tiết võ thuật một cách thần bí hơn, ngòi bút nét mực càng phóng khoáng hơn, sở kiếm tình trường càng lâm ly hơn.

Rất nhiều tác giả của những tiểu thuyết kiếm hiệp môn phái mới đều có mục tiêu theo đuổi nghệ thuật của riêng mình, hình thành nên những phong cách khác nhau vô cùng rõ nét. Trong số họ, cái nền của ba tác giả là Kim Dung, Lương Vũ Sinh, Cổ Long là chặt chẽ nhất, có mức độ ảnh hưởng sâu rộng nhất, và không cần phải nghi ngờ gì, Kim Dung là bậc thầy trong số họ.

Nếu nói rằng tiểu thuyết của Kim Dung thu hút được hàng trăm triệu độc giả thì cũng chẳng khoa trương chút nào. Chỉ tính những độc giả đã từng đọc tiểu thuyết của Kim Dung ở riêng Trung Quốc đại lục e rằng đã đạt đến con số này. Trong thế giới người Hoa trên khắp trái đất, hầu như không có người nào không biết đến đại danh của Kim Dung.



Văn thiết kiếm, tháng 8 năm 2004, tại Bắc Kinh

Văn thiết tức là sắt có chứa trong văn thạch (đá rơi), xưa gọi là “huyền thiết”, thực ra là hợp kim của thiết kền. Tại Cao Thành tỉnh Hà Bắc đã từng khai quật được một loại thiết đao đồng việt được đúc từ văn thiết, thuộc giai đoạn giữa thời kỳ nhà Thương. Trong ảnh là thanh kiếm được đúc đầu thế kỷ XX, kiếm có chiều dài 100cm, nặng khoảng 4kg, kiếm sắc sáng loáng, sắc bén vô cùng, hoa văn của kiếm chính là những hoa văn có riêng trên văn thiết. Trong tác phẩm “Thần điêu hiệp lữ” của Kim Dung đã từng ngợi ca thanh “huyền thiết trọng kiếm” thuộc loại này.

Sức hấp dẫn trong những tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung một phần xuất phát từ sự tham ngộ của tác giả đối với cuộc sống, phần khác xuất phát từ nền tảng kiến thức của tác giả đối với lịch sử, phần thứ ba chính là sự sắp xếp miêu tả khéo léo trong những tình tiết của tác phẩm, và phần thứ tư chính là khả năng hiếm thấy trong việc dẫn dắt ngôn ngữ của ông.

Trong bốn nhân tố trên thì dẫn dắt ngôn ngữ, sắp xếp tình tiết là nền tảng cơ bản của các nhà văn, tất cả những ai nếu đã có nền tảng tốt về mặt này thì đều có thể viết ra được những tác phẩm có giá trị. Thế nhưng, nếu như thiếu sự tham ngộ đối với cuộc sống, thiếu sự thấu hiểu đối với lịch sử thì tác phẩm cho dù tình tiết có sắp xếp khéo léo đến đâu, ngôn ngữ có đẹp đến thế nào cũng đều sẽ khiến cho người đọc cảm thấy rằng tác phẩm thiếu đi sức mạnh của cuộc sống và thiếu đi sự sâu sắc của lịch sử, và vì vậy nên dẫu thế nào cũng sẽ không sánh được trình độ hạng nhất. Thế nhưng về hai mặt là cảm ngộ nhân sinh cũng như nhìn thấy lịch sử, Kim Dung quả thực có những điểm vô cùng độc đáo. Chính nhờ sự kết hợp của bốn nhân tố trên đã khiến cho các tác phẩm của Kim Dung luôn sáng lấp lánh, và đủ sức kiêu hãnh để bước vào hàng ngũ những tác phẩm bất hủ.

Chủ đề trong các tác phẩm của Kim Dung là sự xung đột giữa nhân cách và vận mệnh. Những nhân vật chính dưới ngòi bút của Kim Dung luôn luôn theo đuổi hai loại cảnh giới, một là chí cảnh của võ học, một là chí cảnh của nhân sinh. Không ai trong số họ khi đang theo đuổi chí cảnh của võ học mà không dần dần tham ngộ được chí cảnh của nhân sinh, mà sự huy hoàng của cuộc đời lại càng tỏa sáng rực rỡ hơn nữa dưới sự phản chiếu của một võ công trác việt. Tiểu thuyết của Kim Dung vừa là lịch sử trưởng thành của nhân cách nhân vật, vừa là lịch sử tu luyện võ công





Nam Tể Vân (Nhật Bản), do Okada Yushan và những người khác cùng vẽ nên “Đường thổ danh thẳng hội đồ”, Tạp chí Văn hóa Nhật Bản năm thứ hai (1802). Nam Tể Vân là người Đồn Khâu đời nhà Đường, giỏi kỵ xạ, trấn thủ Tuy Dương từ Trương Tuấn, chống lại quân của An Lộc Sơn và bị chết khi thành bị đánh chiếm. Trong “Đại đường du hiệp truyện” của Lương Vũ Sinh đã từng miêu tả.

của nhân vật, đồng thời lại cũng là lịch sử nguy nan trong cuộc đời của nhân vật. Kim Dung đặc biệt có tài trong việc sáng tạo những bầu không khí mang đậm sắc thái bi kịch, khiến cho các anh hùng dưới ngòi bút của ông dần dần trưởng thành trong sự che phủ của những bi kịch ấy, họ trải nghiệm qua các kiểu nguy nan trên thế gian. Tiêu Phong, Trương Vô Kỵ, Hồ Phi, Dương Quá, Trần Gia Lạc, Viên Thừa Chí, Địch Vân..., không ai trong số họ không phải chịu đựng một cảm giác thiếu hụt trong cuộc đời mà không gì có thể bù đắp được, họ đều có võ công lên đến tuyệt đỉnh nhưng ước mơ của họ đều lụi tàn, và năm tháng của họ đều bị lãng phí.

Bi kịch xuất anh hùng, đây gần như là một chân lý không gì có thể thay đổi được. Trong lịch sử của dân tộc Trung Hoa, từ khói lửa binh đao lụi tàn ảm đạm đã từng xuất hiện bao nhiêu anh hùng hào kiệt? Kim Dung đã nắm bắt được quy luật lịch sử này, rồi ông đã thu nhỏ bi kịch lịch sử thành lịch sử của các nhân vật dưới ngòi bút miêu tả của ông, cố ý bắt họ phải gánh trên vai hai gánh nặng là lịch sử và cuộc đời để đi về phía trước, vì thế mà liên tục xuất hiện những bài hát ngợi ca về nhân cách của nhân vật.

Viết về tình cảm là một ưu thế lớn của Kim Dung, cũng là nguyên nhân thực sự khiến cho các tác phẩm của ông thu hút độc giả đến vậy. Ví dụ như chuyện tình yêu sống chết có nhau của Dương Quá và Tiểu Long Nữ, hay như tình yêu thời son trẻ của Hoàng Dung và Quách Tĩnh, hoặc như tình cảm theo kiểu lúc sáng tỏ lúc mờ mịt và cứ bị trói buộc mãi của Quách Tương đối với Dương Quá, còn có thể kể thêm như tình cảm sâu đậm của Trình Linh Tố đối với Hồ Tể, hay như sự sống chết có nhau của vợ chồng Hồ Nhất Dao, toàn bộ đều là sự lấp lánh tỏa sáng giữa trời và đất, là chí tình của nhân gian, độc giả cầm cuốn sách vừa đọc đã say sưa, đọc xong mà vẫn còn ngây ngất. Hay như sự sống chết một lòng trong “Giang nam thất hiệp”, hay sự chung tay chống giặc của “Toàn chân thất tử”, rồi sự cứu trợ lẫn nhau của “Võ Đang chư hiệp”, những tình cảm bền chặt trong đó không khác gì so với chân tay cốt nhục, chiếu sáng rực rỡ, đại nghĩa như ánh hào quang, cái chí khí mạnh mẽ đường đường chính chính cũng liên tục xuất hiện từ đó, làm cho người đọc cứ thế bị mê hoặc trong sự thư thái.

Viết về tình cảm giữa cha mẹ và con cái thì dễ, nhưng viết chuyện tình cảm hiệp nghĩa thì vô cùng khó. Thế nhưng Kim Dung không chỉ viết ra hàng loạt những câu chuyện tình cảm khiến cho người đọc say sưa, mà còn viết nên những hành động hiệp nghĩa khiến người đọc rơi lệ. Trên con đường viết chuyện tình cảm của những tiểu thuyết kiếm hiệp, cùng lúc Kim Dung bước lên hai đỉnh cao, vượt lên trên tất cả so với những tác giả cùng thời đại của ông.

Võ công dưới ngòi bút của Kim Dung không chỉ “tiến hổ vu nghệ” mà còn “tiến hổ vu đạo” (không chỉ gắn với cái gọi là kỹ nghệ, mà còn gắn với cái gọi là đạo). Như bách hoa thác quyền của Trần Gia Lạc trong “Thư kiếm ân thù lục”, Đường thi kiếm pháp trong “Liên thành quyết”, thư pháp quyền lộ của Trương Tam Phong trong “Ý thiên đồ long ký”, Lạc Anh thần kiếm chưởng của Hoàng Dực Sư trong “Xạ điêu anh hùng truyện”, An nhiên tiêu hồn chưởng của Dương Quá trong “Thần điêu hiệp lữ” vân vân và vân vân, đều là đẩy võ thuật thăng hoa đến cảnh giới nghệ thuật tuyệt mỹ, nhưng vẫn không thiếu tính tư biện của triết học, mang lại cho người đọc sự thưởng thức về thẩm mỹ và dư âm khó có thể phai mờ.

Lương Vũ Sinh (1924 - 2009) viết 40 bộ tác phẩm, trong đó tác phẩm tiêu biểu có thể kể đến là “Bình Tông hiệp ảnh”, “Bạch phát ma nữ truyện” và “Đại đường du hiệp truyện”. Truyện của ông mang đậm sắc thái chương hồi, phong cách cổ điển nho nhã mà giàu âm vị, không thiếu nét đẹp của ý cảnh, có rất nhiều miêu tả về sự xuất sắc của phái nữ. Sự khiếm khuyết trong các tác phẩm của Lương Vũ Sinh có thể là viết quá chân thật, hoặc là viết một cách quá trù tượng, ông trau chuốt quá nhiều nhưng dư âm





Võ thuật Trung Quốc

động lại không sâu, có những chỗ viết một cách vô cùng đặc sắc, nhưng có những chỗ lại viết một cách quá trượt dốc.

Cổ Long (1936 - 1985) lại đi theo một con đường khác hẳn. Phần nhiều ông mượn phương pháp thể hiện của các tiểu thuyết theo lối lập luận và bùng phát của phương Tây, cũng thường mượn thủ pháp Montage (dựng phim) trong điện ảnh, nói chung là tương đối "Tây hóa", vì thế mà khá hợp gu so với độc giả trẻ tuổi. Trong những tác phẩm của Cổ Long thì những tác phẩm có ảnh hưởng nhất có thể kể đến là "Tuyệt đại song kiêu", "Đa tình kiếm khách vô tình kiếm", "Sở lưu hương", "Lục tiểu phượng truyền kỳ"... Văn phong của Cổ Long thường khá lạnh lùng, phong cách thần bí tinh quái, sắc thái lạnh thì nhiều mà sắc thái nóng thì ít, cảnh khổ sở thì nhiều, cảnh hoan hỷ thì ít. Tác phẩm của ông không thiếu sự suy tư mang tính triết lý về cuộc đời dài đằng đẵng của con người, cũng không thiếu sự khái quát thâm trầm về kinh nghiệm cuộc sống, cũng không thiếu những tình tiết đặc sắc và hình tượng sinh động những đặc điểm này xuất hiện khá ít, còn hành văn dung dị thì lại có thể thấy ở khắp nơi, dẫn đến tình trạng ngọc sáng và ngọc tối cùng tồn tại, thâm trầm sâu lắng và nông cạn hời hợt cùng đồng hành.

3. Phim kiếm hiệp

Vào đầu thế kỷ XX, ngành điện ảnh bắt đầu bước đi những bước đầu tiên trên Trung Quốc đại lục, Thượng Hải nhanh chóng trở thành đại bản doanh của ngành điện ảnh Trung Quốc. Sau một thời gian quay phim cổ trang, con mắt của các nhà làm phim đã chuyển hướng sang đề tài võ thuật. Vào tháng 5 năm 1928, Công ty Điện ảnh Minh Tinh Thượng Hải đã cho ra đời bộ phim kiếm hiệp đầu tiên với tựa đề "Hỏa thiêu hồng liên tự", do Trịnh Chính Thu (1889 - 1935) cải biên từ tác phẩm "Giang hồ kỳ hiệp truyện" của Giang Bình Bất Tiêu Sinh, Trương Thạch Xuyên (1890 - 1989) đạo diễn, các diễn viên chính là Hồ Điệp (1907 - 1989), Trịnh Tiểu Thu (1911 - 1989), Hạ Bội Trân (1908 - 1975)... Phim vừa được chiếu đã gây chấn động không nhỏ, doanh thu từ bán vé đạt mức kỷ lục. Công ty Điện ảnh Minh Tinh bước vào con đường một đi không thể rút chân lại, "Hỏa thiêu hồng liên tự" liên tục được quay, đến hơn 18 tập. Những công ty điện ảnh khác cũng thi nhau cạnh tranh, những bộ phim với nhan đề "hỏa thiêu" liên tục được ra đời, ví dụ như "Hỏa thiêu bách hoa đài", "Hỏa thiêu thanh long sơn"... tổng số lên đến cả trăm bộ phim, lịch sử điện ảnh gọi là "phong trào phim hỏa thiêu".

Thời bấy giờ, diễn viên nữ hiệp nổi tiếng nhất là Ô Lệ Châu (1910 - 1978). Bà luyện tập võ nghệ ngay từ khi còn nhỏ, đã từng được tập huấn một cách vô cùng nghiêm khắc ở Hội thể thao tinh võ, sau khi bước lên màn bạc vào năm 1925, bà chuyên nhập vai nữ võ hiệp và trở thành diễn viên cốt cán của Công ty Điện ảnh Minh Tinh Thượng Hải, các tác phẩm



Hình bìa phim "Hòa thiêu hồng liên tự" (1928 - 1930)



Ảnh của Ô Lê Châu trong phim "Quan đông đại hiệp", năm 1930.

tiêu biểu của bà có thể kể đến như "Quan đông đại hiệp" (gồm 13 tập), "Nữ phiêu sư" (gồm 6 tập), "Ác lân"... trong đó bộ phim "Ác lân" đã từng được xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Ô Lê Châu nhận được sự tôn sùng của khán giả và được mệnh danh là "Đông phương nữ hiệp". Hạ Bội Trân cũng là diễn viên chính trong phim "Hòa thiêu hồng liên tự" và trở nên nổi tiếng từ đó, thanh danh thậm chí còn có một thời hơn cả Hồ Điệp ở sau màn ảnh. Ngoài ra còn có một số diễn viên là người ở Nghi Hưng, Tô Châu là Phạm Tuyết Bằng (tên cũ là Diêu Hùng Phi, 1908 - 1974) và Từ Cẩm Phương (1907 - 1985) người Thường Châu, Giang Châu cũng là những nữ diễn viên nổi tiếng chuyên vào vai nữ hiệp. Phạm Tuyết Bằng đã tham gia vai chính trong hơn mười bộ phim kiếm hiệp của Công ty Điện ảnh Hữu Liên Thượng Hải như "Thập tam muội", "Hồng hiệp", "Giang hồ tình hiệp"... Từ Cẩm Phương thì vào vai chính trong bộ phim "Hoàng giang nữ hiệp" dài 13 tập của Công ty điện ảnh Hữu Liên, đều trở thành minh tinh nữ hiệp đỉnh cao một thời. Thời ấy còn có một nữ diễn viên tên là Hoàng Nại Sương (tên cũ là Hoàng Vân Yên, sinh năm 1912) cũng nổi tiếng trong và ngoài nước từ việc chuyên đóng vai nữ hiệp "thiên thượng phi" (bay trên trời). Bà là người Bắc Kinh, ngay từ khi mới mười lăm tuổi đã bắt đầu bước chân lên màn bạc điện ảnh, đã từng vào các vai chính trong những phim kiếm hiệp như "Hòa thiêu





Bức ảnh tập thể các diễn viên, nhân viên Công ty Minh tinh Thượng Hải. Người đầu tiên ở bên phải hàng trước là Hạ Bội Trân, người thứ ba là Hồ Điệp, người ngồi giữa hàng sau là đạo diễn Trương Thạch Xuyên.



Ảnh của Hồ Điệp sau khi đóng phim.

bình dương thành", "Nữ phiêu sư", "Giang hồ nhị thập tứ hiệp" của các Công ty Điện ảnh Xương Minh, Nguyệt Minh, Kị Nam...

Thời bấy giờ, hai diễn viên "nam hiệp" cùng nổi danh trên màn bạc điện ảnh với những nữ hiệp minh tinh kể trên đều là người Thượng Hải, lại đều là hai nhà ảo thuật, một người tên là Trương Tuệ Sung (1898 - 1962), người kia tên là Tra Thụy Long (1904 - 1972). Năm 1922, Trương Tuệ Sung bắt đầu gia nhập vào thế giới điện ảnh, chuyên vào vai võ hiệp, đã từng nhập vai chính trong các phim như "Vô danh anh hùng", "Điểm thất lang", "Sơn đông mã vĩnh chân"... của Công ty Minh Tinh, về sau tự mở Công ty Điện ảnh Tuệ Sung và tự làm đạo diễn. Đến năm 1934, Trương Tuệ Sung từ bỏ nghề điện ảnh và tập trung vào lĩnh vực ảo thuật. Tra Thụy Long học võ từ nhỏ, đã từng tham gia vào Hội nghiên cứu tổ chức võ thuật Trung Quốc, năm 1928 ông bước chân vào lĩnh vực điện ảnh, trở thành chủ



Hoàng Liễu Sương (1907 - 1961), diễn viên nữ nổi tiếng người gốc Hoa đang học võ tại Hollywood, năm 1930. Hoàng Liễu Sương quê gốc ở Đài Sơn tỉnh Quảng Đông, sinh tại Log Angeles. Trước năm 1924 bà nổi tiếng từ việc đóng vai nữ tỳ người Mông Cổ trong phim "The Thief of Baghdad" (dịch sang tiếng Trung: "Đá quý dưới ánh trăng"), bà đã từng nhiều lần đến Trung Quốc đóng phim.

nhệm của ban võ thuật Công ty điện ảnh Minh Tinh, về sau chuyển sang Công ty Nguyệt Minh và cùng vào vai chính với Ổ Lệ Châu trong các phim như “Đông quan đại hiệp”, “Nữ phiêu sư”..., từ đó ông nổi tiếng khắp trong và ngoài nước. Năm 1932, Tra Thụy Long từ bỏ phim kiếm hiệp mà cùng người khác lập ra Công ty điện ảnh Nghệ Hoa. Không bao lâu thì lại bỏ hẳn nghề điện ảnh mà gia nhập vào đoàn Áo thuật võ kỹ của Trương Tuệ Sung, đến biểu diễn ở những khu vực Nam Dương.

Trong những bộ phim kiếm hiệp thời bấy giờ, còn đan xen vào đó rất nhiều những cảnh quay thần bí kỳ quái, vì vậy mà được gọi là “phim kiếm hiệp thần quái”. Đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, chính phủ Quốc dân hạ lệnh cấm chiếu những bộ phim loại này, thế là các công ty điện ảnh tập nập chuyển hướng, những minh tinh võ hiệp cũng vì thế mà thay đổi vai diễn, có những người thậm chí rút ra khỏi màn bạc từ đó.

Sau 40 năm thâm trầm, phim kiếm hiệp lại nổi dậy và hưng thịnh ở Hồng Kông, những minh tinh màn bạc vĩ đại như Lý Tiểu Long (1940 - 1973) đã chinh phục hầu hết khán giả cả về thể hệ lẫn màu da, từ đó đã khiến cho cả thế giới biết đến “Trung Quốc công phu” (võ thuật Trung Quốc).



Hình Lý Tiểu Long trên phim “Mãnh long quá giang” năm 1973.





Võ thuật Trung Quốc

Lý Tiểu Long là một cao thủ võ lâm. Anh tên thật là Lý Chấn Phiên, Tiểu Long là nghệ danh của anh. Năm mười ba tuổi, Lý Tiểu Long trở thành môn đệ của bậc thầy thuộc phái Vịnh Xuân quyền nổi tiếng ở Hồng Kông - Diệp Vấn, sau đó lại học La Hán quyền và Đường lang quyền (con bọ ngựa) của võ sư nổi tiếng Thiệu Hán Sinh. Năm mười tám tuổi, Lý Tiểu Long đến Mỹ và vào học tại khoa Triết học đại học bang Washington, đến năm 1965 anh mở võ quán Trung Quốc đầu tiên tại Mỹ. Đến năm 1967, Lý Tiểu Long đặt tên cho quyền thuật mang tính sáng tạo độc đáo của mình là "Tiết quyền đạo", làm phong phú thêm cho các môn phái võ thuật của Trung Quốc.

Vào năm 1971, Lý Tiểu Long trở nên nổi tiếng từ việc vào vai chính trong phim "Đường sơn đại huynh" ở Hồng Kông. Sau đó, anh lại tiếp tục vào vai chính trong phim "Tinh võ môn", đồng thời tự biên, tự đạo, tự diễn phim "Mãnh long quá giang" và "Long tranh hổ đấu". Ngày 20 tháng 7 năm 1973, Lý Tiểu Long đột ngột qua đời trong khi đang quay bộ phim "Trò chơi chết chóc" ở Hồng Kông, chính quyền địa phương công bố nguyên nhân cái chết của anh là do "phù não cấp tính". Thi thể của anh được an táng tại nghĩa trang ở Seattle, Hoa Kỳ. Những vai diễn của Lý Tiểu Long đều là cao thủ võ lâm Trung Quốc danh tiếng lấy lòng vì đại nghĩa, sống chết để bảo vệ tự tôn dân tộc, trong phim, anh đã thể hiện một cách đầy đủ võ công cao siêu của bản thân mình. Đặc biệt là bộ phim "Mãnh long quá giang", có những cảnh quay đánh võ đặc sắc nhất của Lý Tiểu Long trong điện ảnh, được coi là bộ phim dạy võ đối với tiết quyền đạo, đó cũng lại là một tác phẩm điển hình để so sánh võ thuật Trung Quốc với Karate của Nhật Bản.

Sau năm năm Lý Tiểu Long qua đời thì Thành Long từ Hồng Kông phát lên.

Thành Long tên thật là Trần Cảnh Sinh, sinh năm 1954 tại Hồng Kông, quê ở Quảng Đông. Khi còn nhỏ, gia đình Thành Long rất nghèo, khi vừa



Thành Long trong phim "Phi long tái sinh" (The Medallion) năm 1982.



Quảng cáo phim "Thiếu Lâm tự", năm 1982.

lên bảy anh đã vào học kinh kịch tại lớp kịch của Vu Chiếm Nguyên, sau mười năm anh đã học được những món võ điệu nghệ, tay chân và cơ thể nhanh nhạy vô cùng. Đến năm Thành Long mười bảy tuổi, anh từng là diễn viên đóng thế trong phim của Lý Tiểu Long, về sau đổi tên là Trần Nguyên Long, đến năm 1976 mới chính thức đổi tên thành Thành Long.

Năm 1978, Thành Long vào vai chính trong phim “Xà hình điêu thủ” và “Túy quyền” đã giành được thành công lớn, hình thành nên phong cách phim kiếm hiệp mang tính hài hước của riêng mình. Đến năm 1985, Thành Long vào vai chính trong phim “Câu chuyện cảnh sát”, từ đó tiếp tục củng cố vị trí minh tinh võ thuật. Từ đó về sau, Thành Long bước vào thế giới Hollywood của Hoa Kỳ, và nổi danh từ bộ phim “Hồng phiến khu” (Đại náo phố Bronx), sau đó liên tục vào vai chính trong các phim như “Điên Phong thời khắc” (Giờ cao điểm), “Phi Long tại sinh” (Huy hiệu rồng) trở thành minh tinh người Hoa có doanh thu bán vé cao nhất trong thế giới Hollywood.

Sau khi Thành Long ở Hồng Kông nổi tiếng lẫy lừng chưa được bao lâu, thì tại Trung Quốc đại lục cũng xuất hiện một minh tinh kiếm hiệp, đó là Lý Liên Kiệt. Lý Liên Kiệt là người Bắc Kinh, từ nhỏ anh đã tham gia học võ, từ năm 1974 đến năm 1978 Lý Liên Kiệt liên tục nhận được năm giải quán quân võ thuật toàn quốc, và cũng đã nhiều lần cùng với đoàn võ đi ra nước ngoài biểu diễn. Đến năm 1982, Công ty Điện ảnh Trung Nguyên



Đạo diễn Lưu Gia Lương ở Hồng Kông đang chỉ đạo các động tác đánh võ trong khi quay phim vào thập niên 70 thế kỷ XX. Lưu Gia Lương là bậc thầy võ thuật nổi tiếng trên đất Hồng Kông, đồng thời cũng là nhà chỉ đạo võ thuật phim ảnh, đạo diễn phim võ thuật nổi tiếng. Con đường mà Lưu Gia Lương đi là con đường võ thuật thực sự của Trung Quốc sau Lý Tiểu Long, ông cũng là người đầu tiên của Hồng Kông từ vai trò là một người chỉ đạo võ thuật lên thành đạo diễn. Hình bên trái là hình ảnh ông dạy Khương Đại Vĩ (phải) đường lang quyền, hình bên phải là ông đang dạy Lưu Gia Huy (trái) côn ba khúc.





Võ thuật Trung Quốc

của Hồng Kông đưa ra bộ phim “Thiếu Lâm tự”. Bộ phim này được quay ở Trung Quốc đại lục, Lý Liên Kiệt khi ấy vừa mười chín tuổi đã vào vai chính, các diễn viên chủ yếu khác cũng đều là những cao thủ võ lâm ở các nơi trên cả nước, không thiếu những người đã từng là quán quân võ thuật cả nước. “Thiếu Lâm tự” đã thể hiện cho khán giả thấy được võ thuật Trung Quốc thực sự, vì vậy mà vừa mới ra mắt bộ phim đã gây chấn động không chỉ ở Trung Quốc mà còn trên cả thế giới. Phim “Thiếu Lâm tự” không chỉ lập kỷ lục về doanh thu bán vé đối với các phim kiếm hiệp mà cũng gây ảnh hưởng vô cùng lớn ở các nước châu Á cũng như các nước châu Âu, trực tiếp dẫn đến cao trào học võ thuật Trung Quốc trên toàn cầu. Lý Liên Kiệt cũng bước vào thế giới điện ảnh Hollywood một cách thành công, trở thành minh tinh võ thuật người Trung Quốc thứ hai sau Thành Long.

Vào năm 1983, Trung Quốc đại lục lại cho ra đời hai bộ phim kiếm hiệp là “Võ lâm chí” và “Võ Đang”. Phim “Võ lâm chí” do huấn luyện viên đội võ thuật Bắc Kinh - Ngô Bân vào vai chính, còn phim “Võ Đang” do Triệu Trường Quân - quán quân võ thuật toàn quốc vào vai chính, cả hai bộ phim đều được đón nhận nồng nhiệt.

Năm 2000, bộ phim “Ngọa hổ tàng long” do Lý An đạo diễn khi ra đời đã gây ra những chấn động quốc tế không nhỏ và dẫn đến cao trào đánh võ mới trong thế giới điện ảnh. Bộ phim này được cải biên từ tiểu thuyết cùng tên của Vương Độ Lư, Lý An đã kết hợp những tinh túy của phim kiếm hiệp với phim văn nghệ, đứng từ một góc độ hoàn toàn mới để giải thích truyền thống mỹ thuật cổ điển cũng như quan niệm tình cảm của người Trung Quốc. Bộ phim này đã giành được rất nhiều giải thưởng quốc tế đồng thời nhận được giải thưởng phim tiếng nước ngoài hay nhất trong Liên hoan phim Osa lần thứ 73, từ đó có được danh tiếng quốc tế cao nhất trong lịch sử phim kiếm hiệp của Trung Quốc. Ngoài ra, “Ngọa hổ tàng long” còn giành được thành tích trong doanh thu bán vé một cách đáng kiêu hãnh, doanh thu bán vé trên toàn thế giới lên đến 200 triệu USD, là bộ phim tiếng Trung Quốc có doanh thu bán vé cao nhất từ trước cho đến nay. Sau đó, bộ phim “Anh hùng” do Trương Nghệ Mưu đạo diễn và bộ phim “Công phu” do Châu Tinh Trì tự biên, tự đạo diễn, tự vào vai diễn cũng lần lượt gây chấn động lớn, doanh thu bán vé trên cả thế giới lên đến hơn 100 triệu USD. Về mặt phim kiếm hiệp truyền hình, Hồng Kông cũng là nơi đầu tiên sáng tạo nên. Trong số các tiểu thuyết của Kim Dung và những tác giả khác, có không ít tiểu thuyết đã được dựng thành phim dài tập, thậm chí có những truyện còn được dựng thành nhiều bản phim khác nhau. Trung Quốc lục địa cũng từ những tiểu thuyết như “Tiểu ngạo giang hồ”, “Thiên long bát bộ”... dựng thành phim và cũng đều nhận được số lượt người xem khá cao.

GIAO LƯU VÕ THUẬT GIỮA TRUNG QUỐC VÀ NƯỚC NGOÀI





Võ thuật Trung Quốc

Võ thuật Trung Quốc là từ sự đối kháng cá thể tàn khốc và kịch liệt mà dần dần có được sự phát triển và hoàn thiện, trải qua không biết bao nhiêu lần trải nghiệm và cũng phải ứng đối với những thử thách của võ thuật nước ngoài. Trong lịch sử, võ thuật Trung Quốc ít nhất đã trải qua hai lần thử thách lớn: lần thứ nhất là vào thế kỷ thứ XVI, tức là giai đoạn giữa thời kỳ nhà Minh, đối thủ chính là sự thâm nhập của võ sĩ Nhật Bản; lần thứ hai là vào đầu thế kỷ XX, đối thủ trong thời điểm này ngoài Nhật Bản ra, còn có sự gia tăng của các võ sư Âu Mỹ. Hai lần thử thách to lớn này đều được kết thúc bằng sự thắng lợi của võ thuật Trung Quốc, nhưng đồng thời cũng khiến cho giới võ thuật Trung Quốc nhìn thấy được điểm mạnh của người khác và phát hiện ra điểm yếu của chính mình.

Từ thập niên 80 của thế kỷ XX, danh tiếng của võ thuật Trung Quốc càng ngày càng nổi bật hơn trên thế giới, và đương nhiên võ thuật Trung Quốc cũng trở thành mục tiêu khiêu chiến của giới võ thuật thế giới. Nếu nói rằng lần ứng chiến đầu tiên chính là cuộc chiến chống lại sự xâm lược, thì lần ứng chiến thứ hai lại là cuộc chiến vì sự sỉ nhục có tên gọi “Đông Á bệnh phu”, vậy nên lần này là một cuộc thi đấu thể thao bình thường trong bầu không khí hữu nghị công bằng, nó đã được xóa bỏ những gánh nặng của lịch sử và được liệt vào phạm trù thi đấu thể thao.

HAI LẦN THỬ THÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ

Trong lịch sử, giới võ thuật nước ngoài tiến hành khiêu chiến ở quy mô lớn đối với võ thuật của Trung Quốc ít nhất đã từng xảy ra hai lần, một lần là vào giai đoạn giữa thời kỳ nhà Minh, lần thứ hai là vào đầu thế kỷ XX.

Vào những năm Gia Tĩnh đời nhà Minh (1522 - 1566), một loạt các võ sĩ Nhật Bản đã cùng bè lũ thâm nhập vào khu vực duyên hải Đông Nam của Trung Quốc, lịch sử gọi là “oa khấu”. Họ cấu kết với bọn cướp biển của Trung Quốc, “có đến hàng trăm liên hạm, rẽ sóng mà đến” (“Lịch sử đời nhà Minh, quyển 322). Những võ sĩ Nhật Bản này có võ nghệ thuần thực, vô cùng hung hãn và tàn nhẫn, hoặc là vài trăm người, hoặc là chia thành cả vài ngàn nhánh cùng tấn công châu này, lâm lược phủ nọ, đốt nhà giết người “tung hoành khắp nơi, như là đi vào những chỗ không người” (“Tùng giang phủ chí”, quyển 35), các tỉnh thành như Tô Châu, Chiết Giang, Mân Nam, Quảng Đông... đều bị xâm phạm. Triều đình nhà Minh điều binh khiển tướng, cũng phải mất đến hàng trăm năm mới có thể lần lượt san bằng bọn oa khấu hung hãn này.

Các võ sĩ của Nhật Bản quen sử dụng trường đao (đao dài), người ta gọi là “oa đao”, thân của đao nhỏ mà dài, trọng lượng khá nặng, phần lưng đao

thì dày còn phần lưỡi thì rất mỏng, sắc bén vô cùng, đoạn cuối của thân đao hơi cong lên, khi sử dụng hai tay cầm cán, đao lớn sức nặng, mức sát thương vô cùng lớn. Cũng có một số võ sĩ Nhật Bản giỏi dùng song đao, khi giao chiến thì múa đao vun vút mà tiến về phía trước. Trong thực chiến, Thích Kế Quang phát hiện ra rằng “nếu tiếp giáp bằng binh khí ngắn thì không đánh lại được đao pháp của oa khấu” (“Luyện binh thực kỹ tạp tập”, quyển 2, “Chư luyện thông luận”). Hay nói cách khác, thời bấy giờ đao pháp của binh sĩ Trung Quốc không bằng đao pháp của oa khấu. Và thế là Thích Kế Quang huấn luyện binh sĩ sử dụng các loại binh khí dài như lang tiễn⁽¹⁾, đinh ba, gậy lớn, thương dài..., kèm dùng bia thùng để đỡ đòn khiến cho bọn oa khấu “đao bất khả nhập” (đao đánh không tới), vì thế mà mới giành được chiến tích huy

1 Một loại binh khí thời xưa, tương truyền do Thích Kế Quang thời nhà Minh sáng chế, làm bằng tre to, gắn thêm cành ngạnh để chống lại đao thương, dùng cho quân đi tiền phong.



Chân dung Thích Kế Quang.



Đao dùng trong binh sĩ của Thích Kế Quang.





Một phần tranh vẽ Binh trận đời nhà Minh.

hoàng “trăm trận không thua một lần”. Từ đó có thể thấy, ít nhất là vào giai đoạn giữa thời kỳ nhà Minh, đao pháp của Trung Quốc không mạnh bằng đao pháp của Nhật Bản, trong thực chiến lại càng chứng tỏ được điều đó.

Nếu nói rằng những trận chiến giữa quan binh do những người như Thích Kế Quang dẫn đầu và bọn oa khẩu còn thuộc dạng đại quân chém giết lẫn nhau, thì những trận giao chiến giữa các võ tể thuộc phái Thiếu Lâm với võ sĩ Nhật Bản có thể gọi là sự đấu tranh trực tiếp của võ thuật Trung Quốc.

Theo tài liệu trong sử sách ghi lại thì vào năm Gia Tĩnh thứ 32 (1553), bọn oa khẩu hung hăng tiến vào xâm phạm Nam Hối (nay thuộc thành phố Thượng Hải), Minh Đô Tư Hàn Tử (chức quan võ cấp cao, tương đương với tư lệnh quân khu) đã chỉ huy các đường quân nhà Minh tiến lên nghênh chiến, các chiến binh là những võ tể của phái Thiếu Lâm được đứng vào hàng tiên phong. Thời đó, đại đội oa khẩu hung hãn xông tới, người đi đầu chẳng khác gì người khổng lồ, người mặc y phục màu đỏ, múa song đao ào ào tiến đến, sức gì cũng không cản nổi. Sư dẫn binh tên là Nguyệt Không đã ra lệnh cho Trí Nang đứng ra xuất chiến. Chỉ thấy lúc bấy giờ Trí Nang thần sắc ung dung, rồi đột nhiên nhắc gậy sắt lao tới bên trái của oa khẩu áo đỏ, đánh rơi đao ở tay trái, sau đó lại chuyển sang bên phải của oa khẩu áo đỏ, đánh rơi đao trên tay phải của hắn, rồi một gậy

tiếp theo đánh chết tên khoa ấu áo đỏ. Bọn oa khẩu như rắn mất đầu, đám thì quỳ gối xin tha mạng đám thì lếch thếch bỏ chạy tán loạn (“Ngô Tùng giáp ất oa biến chí”), quân Minh thừa thế xông lên đánh bại quân oa khẩu, chặt đầu cả trăm tên. Những võ tăng thuộc phái Thiếu Lâm này đến từ Sơn Đông. Sau đó, các tăng binh lại nhiều lần tham chiến, vung gậy như gió, giành được rất nhiều chiến công. Thế nhưng các tăng binh không am hiểu về binh pháp, chỉ dững cảm tiến lên, nên cũng nhiều lần bị bọn oa khẩu ám sát. Hơn ba mươi người như Liễu Tâm, Triệt Đường, Nhất Phong, Chân Nguyên... lần lượt hy sinh vì nước.

Những tăng binh thuộc phái Thiếu Lâm tự nguyện tham gia chiến tranh chống lại oa khẩu có đến hơn một trăm người, mặc dù họ không phải là chủ lực trong trận chiến tranh chống lại quân xâm lược này, mặc dù các võ tăng thuộc phái Thiếu Lâm cũng đã phải trả những cái giá rất trầm trọng, nhưng cây gậy sắt của phái Thiếu Lâm rốt cuộc cũng đã chế phục được cây đao dài của võ sĩ Nhật Bản, khiến cho các võ sĩ Nhật Bản vốn rất nổi tiếng cũng đã lĩnh giáo được sự lợi hại của võ thuật Trung Quốc, viết nên những trang sách tráng liệt huy hoàng trong lịch sử võ thuật Trung Quốc.

Sau đó hơn 300 năm, lần thử thách thứ hai giữa giới võ thuật của Trung Quốc và nước ngoài gần như toàn bộ đều là cuộc chiến không vũ trang.

Vào cuối thời kỳ nhà Thanh, đầu thời kỳ Dân Quốc, Trung Quốc rơi vào tình trạng thù trong giặc ngoài, sức mạnh của đất nước càng ngày càng suy giảm, người Trung Quốc cũng bị các nước lớn gọi là “Đông á bệnh phu”. Một số võ sư, đại lực sĩ của Âu Mỹ và Nhật Bản liên tục đến Trung Quốc để khoe khoang võ nghệ, phô trương uy thế. Giới võ thuật Trung Quốc cùng chung mối thù đã hợp sức đứng lên ứng chiến, viết nên một bản hùng ca của võ lâm Trung Quốc.

Cuộc khiêu chiến lần này của giới võ thuật thế giới bắt đầu diễn ra vào cuối thế kỷ XIX, đến thập niên 40 của thế kỷ XX mới hoàn toàn kết thúc, kéo dài đến nửa thế kỷ. Nơi diễn ra giao chiến của hai bên từ những nơi như Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải của Trung Quốc kéo đến mãi tận Tokyo của Nhật Bản. Đây là cuộc đọ sức của những cao thủ thực sự với nhau.

Theo thống kê không đầy đủ, những cuộc giao chiến thời bấy giờ chủ yếu gồm:

Quân Vinh Hồng (1833 - 1914, Hình Ý Quyền), thắng Santaro người Nhật Bản vào năm 1888 tại Thiên Tân;

Hoắc Nguyên Giáp (1869 - 1910, Mê Tông Quyền) đã làm cho đại lực sĩ người Anh Opin hỗn bay phách lạc vào năm 1910 tại Thượng Hải; một





Võ thuật Trung Quốc

lần đánh bại bốn người trong hội nhu đạo của Nhật Bản vào năm 1910 tại Thượng Hải khiến cho cả bốn đều bị gãy xương;

Hàn Mộ Hiệp (1867 - 1947, Hình Ý Quyền), thắng võ sĩ Kangtai El người Nga vào năm 1918, tại Bắc Kinh;

Vương Tử Bình (1881 - 1973, Đơn thối, Tra quyền), thắng Kangtai El vào năm 1918 tại Bắc Kinh, năm 1919 đánh thắng El Alamein người Mĩ và Golchmark người Đức tại Thanh Đảo; thắng Sato người Nhật Bản vào năm 1919 tại Tế Nam;

Trần Tử Chính (1878 - 1933, ưng trảo quyền), thắng một võ sĩ người Mĩ vào năm 1919 tại Thượng Hải; thắng một võ sĩ người Anh vào năm 1922 tại Singapore;

Tôn Lộc Đường (1861 - 1963, Thái Cực Quyền), thắng Itagaki người Nhật Bản vào năm 1922 tại Bắc Kinh, một lần thắng sáu võ sĩ Nhật Bản vào năm 1930 tại Thượng Hải;

Đông Trọng Nghĩa (1879 - 1963, Lục hợp quyền), thắng Ichiro Sanjeong người Nhật Bản vào năm 1925 tại Thượng Hải;

Dương Pháp Võ (không rõ năm sinh năm mất, Giao thuật), liên tiếp ba lần thắng cao thủ nhu đạo của Nhật Bản trong năm 1930 tại Tokyo;

Cát Vạn Sơn (1903 - ?, Thiếu Lâm quyền), thắng võ sĩ người Nga vào năm 1933 tại Cáp Nhĩ Tân;

Mã Kim Phiêu (1881 - 1973, Tra quyền), thắng Mark Leo vào thập niên 30 thế kỷ XX tại Nam Kinh;

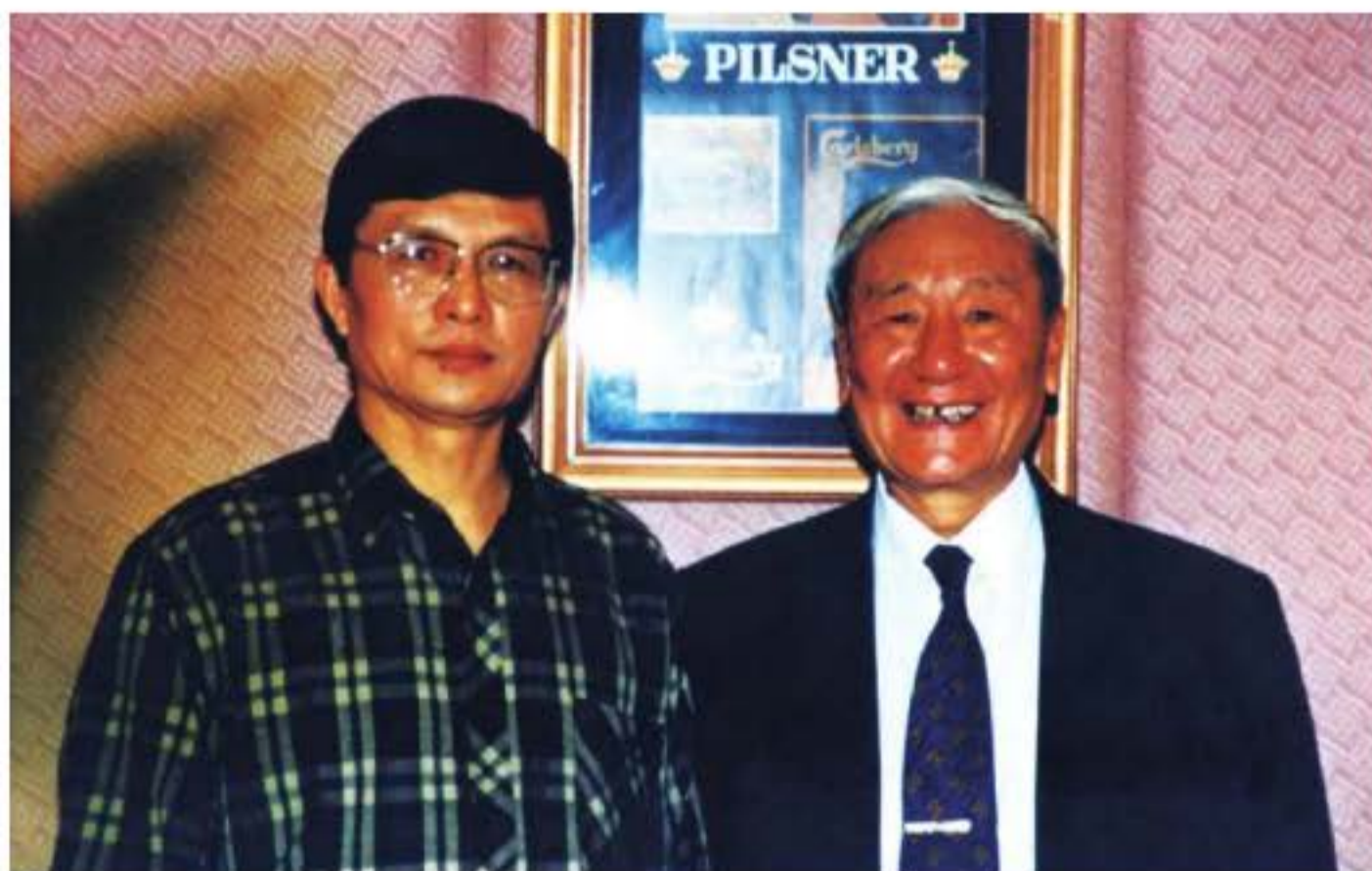
Vương Hương Trai (1885 - 1963, Ý quyền), thắng Engle người Hungary vào năm 1928 tại Thượng Hải; thắng nhiều võ sĩ người Nhật như Ichiro, Sawai Kenichi, Watanabe, Hino... vào đầu thập niên 40 của thế kỷ XX tại Bắc Kinh;

Triệu Đạo Tân (1908 - 1990, ý quyền, đệ tử của Vương Hương Trai), thắng Andeson người Na Uy vào năm 1930 tại Thượng Hải;

Lý Vinh Tông (đệ tử của Vương Hương Trai), thắng James người Italia vào thập niên 30 của thế kỷ XX tại Bắc Kinh;

Lý Nghiêu Thần (1876 - 1973, Tam hoàng pháo chùy), thắng Takeda người Nhật Bản vào cuối thập niên 30 thế kỷ XX tại Bắc Kinh; thắng một võ sĩ người Nhật Bản vào đầu thập niên 40 của thế kỷ XX tại Nam Kinh;

Thái Long Vân (1928, Hoa quyền), thắng Mazolof người Nga vào năm 1943 tại Thượng Hải, thắng Luseur người Mĩ vào năm 1946 tại Thượng Hải.



Ông Thái Long Vân (phải) cùng chụp ảnh với tác giả của cuốn sách này, ảnh chụp vào tháng 4 năm 1998 tại Bắc Kinh.

Theo những tư liệu lịch sử có được hiện nay, chúng tôi tìm hiểu được trình độ kỹ thuật và danh hiệu của ba võ sư nước ngoài mà Vương Hương Trai

đã đánh bại vào năm đó: Engle người Hungary đã giành giải quán quân võ thuật nhà nghề trọng lượng nhẹ nhất của thế giới, năm đó giữ chức huấn luyện võ thuật cho hội thanh niên

Thượng Hải; Nhu đạo của Ichiro người Nhật Bản là giai

đoạn 6, đã từng đại diện cho Nhật Bản đi tham gia thi đấu võ thuật quốc tế trong thể vận hội lần thứ 11 vào

năm 1936; võ sư Sawai Kenichi người Nhật Bản năm đó cũng là nhu đạo giai đoạn 5, kiếm đạo giai đoạn 4,

về sau học Ý quyền từ Vương Hương Trai và sáng lập nên "Thái khí quyền" ở Nhật Bản. Andeson là người Na

Uy mà Triệu Đạo Tân đánh bại năm đó là vệ sĩ của Bộ trưởng Bộ tài chính Tống Tử Văn. Ngoài ra còn có Mark

Leo là người Mĩ bị Mã Kim Phiêu đánh bại khi ấy đang là chủ nhiệm khoa thể dục Đại học Trung ương Nam

Kinh. Trong hai người Nhật Bản bị Lý Nghiêu Thần đánh bại thì Takeda là sĩ quan quân đội Nhật Bản sang xâm lược

Trung Quốc, rất giỏi nhu đạo đồng thời cũng đã từng học Bát quái chương của Trung Quốc; một võ sĩ Nhật Bản khác

là cao thủ đấu võ do phía Nhật chọn ra, chuyên đến Trung Quốc đấu võ để thị uy, nhưng không ngờ đã bị Lý

Nghiêu Thần đánh ngã khỏi võ đài chỉ bằng một đòn.



Quách Tuệ Đức đánh bại rất nhiều quyền thủ nghiệp dư, giành được giải quán quân võ thuật tại Thượng Hải vào năm 1931.





Võ thuật Trung Quốc

Những gợi mở trong lịch sử rất hữu ích. Nếu chúng ta tiến hành tổng kết một chút về lần đọ sức lớn này, chúng ta sẽ phát hiện ra rằng:

- (1) Trường đấu chủ yếu đều thuộc lãnh thổ Trung Quốc;
- (2) Những võ sư nước ngoài trước khi thi đấu không hiểu biết nhiều về võ thuật Trung Quốc, vì thế mà đánh giá quá thấp về võ thuật Trung Quốc;
- (3) Tất cả những người chiến thắng những võ sư nước ngoài hầu như đều là những cao thủ bậc nhất trong giới võ lâm Trung Quốc.

(4) Những cao thủ này đều là người Bắc Kinh, trong đó riêng tỉnh Hà Bắc đã có đến tám người, mà người Thương Châu là hai người (Vương Tử Bình, Đông Trọng Nghĩa). Trong số những cao thủ ở miền Bắc này thì dân tộc thiểu số ít nhất có đến ba người, Vương Tử Bình, Mã Kim Phiêu đều là người dân tộc Hồi, Đông Trọng Nghĩa là người dân tộc Mãn;

(5) Theo những tài liệu thống kê đối với 9 cao thủ là Xa Vĩnh Hồng, Hoắc Nguyên Giáp, Hàn Mộ Hiệp, Vương Tử Bình, Trần Tử Chính, Tôn Lục Đường, Đông Trọng Nghĩa, Cát Vạn Sơn, Vương Hương Trai..., thì lần đầu tiên họ thắng những võ sư nước ngoài đều vào độ tuổi trung bình là 47.2 tuổi, còn riêng Tôn Lục Đường một lần đánh bại 6 võ sĩ Nhật Bản tại Thượng Hải, khi ấy ông đã là ông lão 70 tuổi rồi.

(6) Võ công của 15 vị cao thủ này, có ba người thuộc phái võ Thiếu Lâm, năm người thuộc phái võ Hình ý, một người thuộc phái võ Thái Cực.

Thời đó, những võ sư nước ngoài đến Trung Quốc hầu như đều không coi ai ra gì, họ hành động lỗ mãng, kiêu ngạo, coi thường người khác. Ví dụ như vào mùa thu năm 1925, một nhóm cao thủ nhu đạo của Nhật Bản với sự lãnh đạo của Ichiro Sanjeong đã dựng võ đài ở Công viên Cô Sơn tại Hồng Khẩu, Thượng Hải, và viết đôi câu đối chữ lớn rằng "Quyển đả Đông Á vô địch thủ, Cước thích Chi Na hiển thần uy", dòng chữ ngang để rằng "Sở hướng phi mĩ", vô cùng cao ngạo khoa trương. Kết quả Đông Trọng Nghĩa chỉ dùng hai chiêu đã khiến cho Ichiro Sanjeong ngã nhoài không sao cựa quậy, võ đài bị đập tan.

Năm 1930, Quán trưởng của Võ quán Trung ương Trung Quốc Trương Chi Giang (1882 - 1966) vì bệnh hiểm nghèo phải sang Nhật để chữa trị, đi cùng với ông có những cao thủ như Dương Pháp Võ. Phía Nhật đã chọn riêng ra những cao thủ nhu đạo đến để khiêu chiến với Dương Pháp Võ, thiên hoàng của Nhật Bản cũng đến để chứng kiến trận đấu. Nhưng người Nhật Bản không hề biết đến sự lợi hại của võ thuật Trung Quốc, vì thế các cao thủ kia đều vừa bắt được tay đã bị quật nằm ngay đơ trên mặt đất, khán giả có mặt tại đó đều ngơ ngẩn. Dương Pháp

Võ thắng liên tiếp ba người, thiên hoàng Nhật Bản phải tay bỏ đi ngay khi trận đấu còn chưa kết thúc.

Hàng loạt những chiến công huy hoàng của các cao thủ võ lâm Trung Quốc thời bấy giờ đã từng khiến giới võ thuật quốc tế không khỏi ngỡ ngàng, từ đó mà có cách nói rằng “từ khi Hoắc Nguyên Giáp ra đời, người nước ngoài đều từ bỏ ý định xâm phạm Trung Quốc”, nhưng các cao thủ của Trung Quốc cũng từng vì điều đó mà bị người nước ngoài hãm hại, Hoắc Nguyên Giáp chính là một ví dụ điển hình.



Năm 1910, người Nhật Bản thành lập hội Nhu đạo ở Thượng Hải, cố ý muốn mời Hoắc Nguyên Giáp đến thăm quan. Lúc bấy giờ Hoắc Nguyên Giáp đã mắc bệnh hen suyễn, ông dẫn theo đệ tử là Lưu Chấn Thanh cùng đến. Ai ngờ người Nhật Bản đã cho rất nhiều cao thủ mai phục sẵn trong phòng hòng bao vây tấn công Hoắc Nguyên Giáp. Hoắc Nguyên Giáp cho Lưu Chấn Thanh ứng chiến và liên tiếp đánh bại hai người. Ba cao thủ Nhật Bản còn lại cứ nhắm vào Hoắc Nguyên Giáp, nhưng họ cũng bị ông hạ gục, bẻ gãy tay chân. Hội trưởng hội Nhu đạo Nhật Bản lén lút tấn công từ phía sau lên bị ngã nhào xuống cầu thang ở bên ngoài phòng và gãy cánh tay bên phải. Các võ sư Nhật Bản vội như thán phục liền mở tiệc khoản đãi. Một bác sỹ Nhật Bản tên là Akino nhân cơ hội đó đã mời Hoắc Nguyên Giáp đến bệnh viện của ông ấy mở ở Thượng Hải để khám bệnh. Hoắc Nguyên Giáp vốn tính tình thẳng thắn, không chút hoài nghi. Không thể ngờ rằng, mới ngày thứ hai sau khi uống thuốc do Akino kê đơn, Hoắc Nguyên Giáp bỗng thấy đầu lưỡi tê cứng, chân tay run rẩy, mấy ngày sau ông đột ngột qua đời, hưởng thọ mới chỉ 41 tuổi, Akino lo sợ chạy về nước.

Di ảnh của Hoắc Nguyên Giáp. Hoắc Nguyên Giáp là một võ sư yêu nước cuối thời kỳ nhà Thanh, là người sáng lập nên Tinh vũ môn. Hoắc Nguyên Giáp sinh ngày 19 tháng 1 năm 1869 tại một vùng quê nhỏ có tên là Nam Hà thuộc khu Tây Thanh thành phố Thiên Tân. Ông kế thừa tuyệt kỹ gia truyền là “Mê tông nghệ”, tại Thiên Tân và Thượng Hải, Hoắc Nguyên Giáp đã nhiều lần khiến cho những đại lực sĩ của nước ngoài khiếp sợ. Bao kỳ tích trong cuộc đời ông đã được dựng lên thành phim ảnh.





VÕ THUẬT TRUNG QUỐC BƯỚC LÊN VÕ ĐÀI QUỐC TẾ

Bắt đầu từ những thập niên 50 của thế kỷ XX, võ thuật Trung Quốc về cơ bản đã trải qua ba giai đoạn lịch sử:

1. Giai đoạn đóng cửa, thời gian từ thập niên 50 đến thập niên 60. Trong giai đoạn này, giới võ thuật Trung Quốc không có sự giao lưu nào đối với giới võ thuật quốc tế, chỉ có một số rất ít đoàn đại biểu võ thuật đã từng tháp tùng các lãnh đạo quốc gia và ra nước ngoài biểu diễn.

Năm 1960, đội võ thuật thanh niên Trung Quốc đã cùng với đoàn đại biểu thể thao Trung Quốc đến Tiệp Khắc tham gia biểu diễn tại “Đại hội hữu nghị” đại hội thể thao toàn quốc lần thứ 2 của nước này, từ đó mở ra tấm màn giao lưu đối ngoại trong lĩnh vực võ thuật. Cũng trong năm đó, đội võ thuật Trung Quốc đã cùng đoàn đại biểu hữu nghị do Chu Ân Lai dẫn đầu đến thăm hội hữu nghị đối với Mianma và biểu diễn võ thuật, và đã đón nhận sự hoan nghênh nhiệt liệt của người dân nước này.

2. Giai đoạn biểu diễn, thời gian bắt đầu từ đầu thập niên 70 đến giữa thập niên 80. Trong giai đoạn này, giới võ thuật Trung Quốc thường xuyên cử các đoàn võ thuật đến biểu diễn ở các châu lục trên thế giới, khiến cho người nước ngoài vốn dĩ đều đứng từ góc độ “vừa võ vừa múa” để nhìn nhận võ thuật Trung Quốc đã thấy được sức cuốn hút của võ thuật thực sự, từ đó mở rộng tầm ảnh hưởng của võ thuật Trung Quốc.

Vào tháng 6 năm 1974, đoàn đại biểu của đội võ thuật Trung Quốc đã nhận lời mời đến thăm và biểu diễn tại Mê-hi-cô và Hoa Kỳ. Tổng thống Hoa Kỳ Nixon đã đứng trước nhà Trắng để đón tiếp các thành viên trong đoàn đại biểu võ thuật, đồng thời xem biểu diễn võ thuật, sau đó cũng đã mang lại những ảnh hưởng quốc tế vô cùng to lớn.

Cũng vào tháng 6 năm 1974, đoàn đại biểu Thái Cực Quyền của Nhật Bản đến thăm Trung Quốc. Đến tháng 9 cùng năm, đoàn đại biểu võ thuật thiếu niên Trung Quốc sang thăm Nhật Bản.

Bắt đầu từ năm 1982, nhận lời mời của một số quốc gia và khu vực, Hiệp hội võ thuật Trung Quốc liên tục cử những vận động viên võ thuật xuất sắc cùng với các huấn luyện viên đến các nước và khu vực như Mê-hi-cô, Ca-na-đa, Mĩ, Anh, Sing-ga-po, Úc, Thái Lan, Hồng Kông, Ma Cao... để cùng hỗ trợ việc luyện và dạy võ, bồi dưỡng hàng loạt những lực lượng võ thuật cốt cán cho những nước và khu vực này.

3. Giai đoạn thực chiến, từ cuối thập niên 80 trở đi, giới võ thuật nước ngoài bắt đầu cử người đến Trung Quốc để tham gia các võ đài thi đấu

quốc tế hoặc những cuộc thi đấu đối kháng. Khi đi thăm hỏi ở nước ngoài, những võ sĩ trong võ lâm Trung Quốc cũng thường nhận được nhiều sự thử thách của các võ sư nước ngoài. Sự giao lưu võ thuật giữa Trung Quốc và các nước khác đã bước vào giai đoạn thực chiến.

Vào tháng 3 năm 1987, Đại hội thi đấu giao lưu bộ môn Thái Cực Quyền Trung Quốc - Nhật Bản được tổ chức lần đầu tiên tại Bắc Kinh. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, những cuộc thi đấu võ thuật quốc tế càng ngày càng phong phú hơn, thúc đẩy nhanh chóng sự giao lưu và truyền bá võ thuật trên phạm vi quốc tế.

Theo những giới thiệu từ các tài liệu có liên quan, khi đi thăm hỏi giao lưu ở nước ngoài, các võ sĩ Trung Quốc thường bị nhiều lần thử thách khiêu chiến, nhiều nhất là ở Nhật Bản, những người khiêu chiến chủ yếu là các cao thủ thuộc Nhu đạo hoặc Karate; sau đó là đến Mĩ, những người khiêu chiến ở Mĩ chủ yếu là các võ sĩ quyền anh. Trong số những người trực tiếp đến Trung Quốc khiêu chiến thì nhiều nhất cũng là các cao thủ của Nhật Bản. Nhìn một cách tổng quát từ các chiến tích thì bất kể là ở ngay trên mảnh đất Trung Quốc hay ở nước ngoài, ưu thế lớn hơn cả vẫn là của các võ sĩ Trung Quốc.

Hai nước Trung Quốc, Nhật Bản là hai nước láng giềng cùng chung dòng nước, sự giao lưu văn hóa giữa hai nước đã diễn ra từ mấy ngàn năm trong lịch sử. Karate, Nhu đạo của Nhật Bản đều đã từng chịu nhiều ảnh hưởng của võ thuật Trung Quốc, đây cũng là hai môn võ rất nổi tiếng trên giới võ thuật quốc tế. Ngoài ra, võ Thiếu Lâm và võ Thái Cực cũng đang được phổ cập ở Nhật Bản và đã huấn luyện được hàng loạt những võ sư có trình độ tương đối cao. Dân tộc Nhật Bản có hai đặc điểm, một là tính cách của họ vô cùng ngoan cường, không chịu khuất phục, không thiếu tinh thần xả thân; hai là họ chịu khó học hỏi, nắm bắt điểm mạnh của người khác để lấy đó bổ sung vào điểm yếu của mình. Họ không chỉ kéo nhau đến Trung Quốc học võ nghệ, chụp và quay lại những động tác biểu diễn võ nghệ của không ít võ sư nổi tiếng của Trung Quốc, mà còn dịch rất nhiều sách võ thuật của Trung Quốc sang tiếng Nhật, chăm chỉ nghiên cứu các môn phái võ thuật của Trung Quốc. Trình độ võ thuật của một võ sư Nhật Bản nào đó, đặc biệt là trình độ Thái Cực Quyền, đã có thể cùng đối kháng với danh thủ của Trung Quốc. Vì vậy, bất kể là ưu thế võ thuật truyền thống của dân tộc, hay sự hiểu biết của họ về võ thuật Trung Quốc, hoặc nói về tố chất tính cách của dân tộc, thì người Nhật Bản đều là những người khiêu chiến có tính uy hiếp cao nhất đối với võ thuật Trung Quốc. Những năm gần đây, phía Nhật Bản đã từng nhiều lần tổ chức các đội võ thuật đến Trung Quốc khiêu chiến, nhưng họ đều kết thúc bằng sự thất bại.





Ngày 22 tháng 3 năm 2006, Tổng Thống nước Nga - Putin đã đến thăm chùa Thiếu Lâm và cùng đàm đạo với các võ tăng của chùa về võ nghệ. Như chúng ta đều biết, Tổng thống Putin là cao thủ nhu đạo. Trong ảnh là phương trưởng Thích Vĩnh Tín đang cùng với Tổng thống Putin thăm quan chùa Thiếu Lâm.

Võ Thái từ xưa đến nay đều nổi tiếng từ sự hung hãn, và các võ sư người Thái đều có khả năng tấn công và chống cự rất mạnh mẽ. Có thông tin cho rằng, Lý Tiểu Long - một trong "bảy cao thủ võ lâm lớn nhất thế giới" đã từng có lần giao đấu với võ sư nhà nghề của môn võ Thái, và Lý Tiểu Long cũng không chiếm nhiều ưu thế trong cuộc giao đấu này. Những năm gần đây, phía Thái Lan cũng đã từng hai lần tổ chức nhóm võ sư đến Trung Quốc khiêu chiến nhưng đều bị đánh bại. Vào tháng 8 năm 2003, tuyển thủ Trung Quốc viễn chinh Thái Lan và đã đánh bại đội võ Thái tại Băng Cốc.

Các võ sư phương Tây đều nổi tiếng từ sức mạnh và sự to khỏe cao lớn. Cho đến nay, vẫn chưa có sự ghi chép nào về những giao đấu của các cao thủ võ lâm Trung Quốc cùng với các nhà vô địch võ thuật thế giới. Có người cho rằng, nếu nói về mặt quyền pháp thì giữa võ thuật Trung Quốc và võ thuật của phương Tây không có nhược điểm rõ nét nào, vì thế rất khó định đoán được rằng phía nào yếu phía nào mạnh.



Các cao thủ võ Thái cực của 15 nước đang biểu diễn. Vào ngày 3 tháng 11 năm 2006, nhân dịp kỷ niệm 108 năm ngày sinh của đại võ sư Thái Cực Quyền Đồng Anh Kiệt, Đồng Tăng Thần - một cao thủ Thái Cực Quyền, cháu nội của Đồng Anh Kiệt, người Hoa quốc tịch Mĩ đã dẫn hơn 60 đệ tử người nước ngoài đến Hà Bắc để tiến hành giao lưu võ thuật. Các đệ tử mà ông Đồng Tăng Thần dẫn đến lần đó đều đến từ 15 quốc gia và khu vực như như Mĩ, Anh, Canada...





Võ thuật Trung Quốc

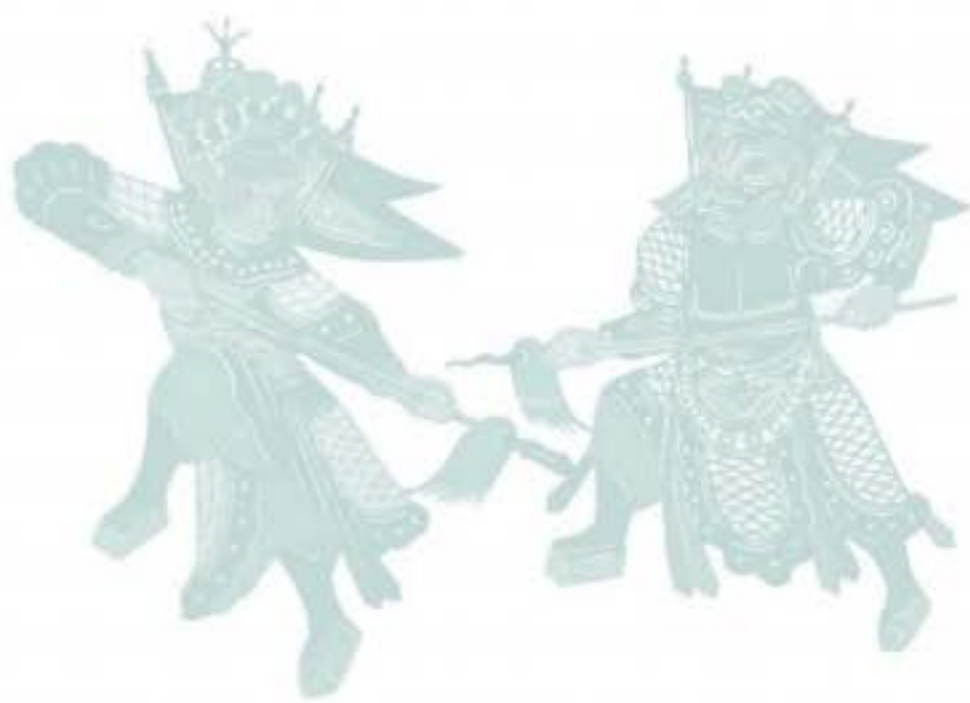
Trước đây, khi võ sư của võ lâm Trung Quốc cùng giao đấu với các võ sư của phương Tây, họ đều phải tìm cách để né tránh những đòn đấm rất mạnh, trước tiên là tận dụng sự nhanh nhạy của cơ thể để quay vòng với đối phương, phát huy những sở trường trong bước đi, sự xoay chuyển nhanh chóng của cơ thể, để tránh được những món đòn quyết liệt của đối phương, sau đó mới tấn công, rồi giành thắng lợi bằng sự khéo léo nhanh nhẹn. Còn nếu cứ hứng đòn thì e rằng phần thắng sẽ nằm trong tay các võ sư phương Tây.

Quyển anh là một môn thể thao quốc tế, trên thế giới, có nhiều quốc gia và dân tộc đều có thuật tấn công của riêng mình, ngoài các nước như Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc, có không ít các nước khác như Pháp, Hy Lạp, Nga, Brazil, Ấn Độ... cũng đều nổi tiếng từ thuật tấn công, đặc biệt là thuật tấn công bằng chân của Pháp và thuật công kích của Ấn Độ, từ lâu đã nổi tiếng trên thế giới và uy lực trong đó quả thực không thể coi nhẹ.

Những năm gần đây, giới võ thuật châu Âu lại xuất hiện thêm một xu thế mới, họ kết hợp các kỹ thuật của Nhu đạo, Karate, Đài quyền đạo, Thái quyền và võ thuật phương Tây lại với nhau một cách vô cùng sáng tạo, có khả năng thể hiện thần uy trong thực chiến.

Do võ thuật Trung Quốc đang nhanh chóng bước vào võ đài của thế giới, sự giao lưu võ thuật của Trung Quốc và nước ngoài diễn ra thường xuyên, những người nước ngoài đến Trung Quốc học võ cũng càng ngày càng nhiều, lại có thêm những cao thủ võ thuật của Trung Quốc di cư ra nước ngoài rồi thu nạp đệ tử một cách rộng rãi, vì thế mà một số sáo lộ, kỹ pháp, công pháp của võ thuật Trung Quốc đã không còn gì có thể gọi là bí mật nữa. Những vinh dự chỉ có thể nói trong quá khứ chứ không thể nói trong hiện tại, lại càng không thể nói trong tương lai. Để đón nhận những thử thách mới, giới võ thuật Trung Quốc đã và đang cần phải làm rất nhiều việc.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VÕ THUẬT TRUNG QUỐC ĐƯƠNG ĐẠI





Võ thuật Trung Quốc

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, võ thuật trở thành một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp thể dục thể thao của nhân dân, từ đó, võ thuật có những bước phát triển rất lớn.

Vào tháng 10 năm 1949, Tổng hội thể thao toàn quốc Trung Hoa do Chính vụ viện phê chuẩn trừ bị được thành lập. Đến năm 1950, Tổng hội thể thao toàn quốc Trung Hoa đã mở hội thảo công tác võ thuật tại Bắc Kinh, để xướng và kêu gọi phát triển võ thuật, đưa võ thuật vào chương trình làm việc trong công tác thể thao quốc gia. Năm 1978, Đặng Tiểu Bình còn viết một dòng chữ rằng “Thái Cực Quyền hảo” để tặng cho người bạn Nhật Bản. Những chữ này không chỉ là một lời ca ngợi đối với võ thuật của Trung Quốc, mà cũng là sự động viên khích lệ to lớn đối với những người yêu thích môn võ thuật.

Năm 1952, Ủy ban thể dục thể thao quốc gia được thành lập và đưa võ thuật vào một trong những hạng mục trọng điểm, đồng thời còn thành lập Hội nghiên cứu hình thức thể thao dân tộc, căn cứ theo phương châm “đúc kết những tinh hoa, loại bỏ sự thô thiển, trăm hoa cùng đua nở, đẩy mạnh cái cũ và đưa ra cái mới”, tiến hành công tác mở rộng, khai thác, chỉnh lý và kế thừa đối với những hình thức thể thao dân tộc như võ thuật... Năm 1955, thành lập khoa võ thuật trực thuộc Ủy ban Thể dục Thể thao quốc gia, sau đó lại đưa khoa võ thuật lên thành Sở Võ thuật, chịu trách nhiệm thực hiện quán triệt những phương châm và chính sách của nhà nước đối với võ thuật, đồng thời còn tiến hành các công tác khác như phổ cập, nâng cao và cạnh tranh võ thuật... Cùng với những nhu cầu trong phát triển sự nghiệp võ thuật, được sự phê chuẩn của Quốc vụ viện, năm 1986, Viện nghiên cứu võ thuật thuộc Ủy ban Thể dục Thể thao quốc gia đã chính thức được thành lập. Đến tháng 9 năm 1987, Sở Võ thuật sáp nhập với Viện nghiên cứu võ thuật của Ủy ban thể dục thể thao quốc gia. Đến tháng 5 năm 1994, Trung tâm quản lý thể thao võ thuật thuộc Ủy ban Thể dục Thể thao quốc gia lại được thành lập, đồng thời có chức năng quản lý một cách toàn diện đối với tất cả các hạng mục thể thao võ thuật.

Vào tháng 9 năm 1958, Hiệp hội võ thuật Trung Quốc được thành lập. Đây là tổ chức quần chúng mang tính toàn quốc của võ thuật Trung Quốc, là một trong những hiệp hội thể thao riêng lẻ dưới sự lãnh đạo của Tổng hội thể dục thể thao toàn quốc Trung Hoa. Hiệp hội võ thuật Trung Quốc có sự giao lưu và hợp tác rộng rãi với hiệp hội võ thuật của các nước trên thế giới, đồng thời trong mối quan hệ giao lưu lâu dài đã thiết lập được một mối quan hệ hợp tác sâu đậm tình hữu nghị và tốt đẹp. Từ thập niên 70 của thế kỷ XX trở đi, bước chân của đoàn đại biểu võ thuật Trung Quốc đã đi đến khắp năm châu, sự giao lưu đối ngoại của võ thuật trong những năm gần đây lại càng mạnh mẽ hơn. Đồng thời, để khai triển rộng rãi hơn

nửa môn thể thao võ thuật, Hiệp hội võ thuật Trung Quốc còn tích cực giúp đỡ những nước đang phát triển ở châu Phi, châu Á và châu Mĩ triển khai các hoạt động võ thuật, từ đó giành được rất nhiều sự tán dương.

VÕ QUÁN HIỆN ĐẠI

Võ quán (trường võ) là một nơi cung cấp nhân tài quan trọng trong sự nghiệp võ thuật hiện nay, dưới sự hỗ trợ và khuyến khích của nhà nước, tận dụng nguồn nhân lực võ thuật truyền thống trong dân gian, sau khi cải cách mở cửa, võ quán (trường võ) đã giành được những bước phát triển chưa từng có. Hiện nay, chỉ tại Trung Quốc đại lục đã có đến hơn mười hai ngàn võ quán (trường võ) các loại, phân bố nhiều nhất tại Hà Nam, Sơn Đông, Hà Bắc, An Huy, Phúc Kiến..., đây cũng là những nơi có mức độ ảnh hưởng cao nhất. Tại thành phố của võ thuật của tỉnh Hà Nam, có đến hơn 600 võ quán (trường võ), chủ yếu tập trung xung quanh chùa Thiếu Lâm ở Đãng Phong và ở nơi có tên là “Thái cực thánh địa” tại khu vực Trần Gia Câu ở huyện Ôn.

Võ quán (trường võ) hiện nay chủ yếu chia làm hai loại:

(1) Dựa vào ưu thế văn hóa võ thuật truyền thống của khu vực, kết hợp với giáo dục văn hóa kỹ thuật hiện đại, phát triển theo phương hướng quy mô hóa, hệ thống hóa và tập đoàn hóa.



Tiết mục biểu diễn Tháp làm của các võ tăng Trường võ thuật Tháp Câu tại chùa Thiếu Lâm thu hút được rất nhiều du khách.





2008 học viên của Trường võ thuật Tháp Câu biểu diễn môn võ Thái Cực vào ngày 8 tháng 8 năm 2008 tại lễ khai mạc Thế vận hội Bắc Kinh.

Không phải nghi ngờ gì, có thể nói tập đoàn giáo dục Tháp Câu Thiếu Lâm của tỉnh Hà Nam là nơi mang tính tiêu biểu nhất của Trung Quốc hiện nay. Tập đoàn giáo dục Tháp câu Thiếu Lâm Hà Nam nằm dưới chân núi Tung, trường trực thuộc gồm có năm trường võ thuật, đó là Trường võ thuật Tháp câu Thiếu Lâm Tự, Học viện võ thuật nhà nghề Thiếu Lâm, núi Tung, Trung tâm dạy học võ thuật quốc tế Thiếu Lâm, Trường trung cấp chuyên nghiệp Thiếu Lâm Đăng Phong, Trường cấp hai Thiếu Lâm.

Tập đoàn giáo dục này được phát triển từ Trường võ thuật Tháp Câu Thiếu Lâm Tự, do ông Lưu Bảo Sơn - một người xuất thân từ gia đình có truyền thống võ thuật nhiều đời sáng lập vào năm 1978. Dạy võ thuật gồm có các môn như sáo lộ, tán đả, quyền kích, đài quyền đạo, biểu diễn võ thuật..., có hơn 400 lớp học. Dạy học văn hóa đã hình thành nên một hệ thống dạy học, giáo dục hoàn chỉnh từ cấp bậc nhà trẻ, tiểu học, cấp hai, cấp ba, trung cấp

đến đại học, hiện nay trong trường có khoảng hơn 28 ngàn học sinh.

Nhiều năm nay, tập đoàn giáo dục võ thuật này luôn kiên trì tôn chỉ dạy học là “coi trọng cả văn và võ, đạo đức và võ thuật cùng phải bồi dưỡng, truyền thụ công pháp thực sự của Thiếu Lâm, bồi dưỡng nên những nhân tài mới và toàn diện”, đặc biệt coi trọng sự phát triển toàn diện của học sinh. Cho đến nay, học viên đã nhiều lần giành được các giải quán quân ở trong những cuộc thi lớn ở trong và ngoài nước.

Để có thể quảng bá cũng như truyền thụ võ thuật Thiếu Lâm một cách tốt hơn nữa, đoàn biểu diễn nghệ thuật võ thuật của tập đoàn này đã nhận lời mời đến hơn 60 quốc gia và khu vực trên thế giới để tiến hành dạy võ và biểu diễn võ thuật. Trong lễ khai mạc và bế mạc của Thế vận hội Bắc Kinh và Thế vận hội Người tàn tật, đoàn biểu diễn võ thuật của tập đoàn này đã

cống hiến cho khán giả trên toàn thế giới những màn biểu diễn võ thuật vô cùng đặc sắc.

(2) Những võ quán (trường học) nhỏ chủ yếu mang tính gia tộc, tính thầy trò thông thường chỉ truyền thụ những món võ của một phái võ nhất định nào đó. Đây là hình thức võ quán (trường võ) cổ xưa nhất, cùng với sự phát triển của xã hội, những nơi như thế này cũng đã dung hòa rất nhiều yếu tố văn hóa hiện đại. Ví dụ như hiện nay trường võ Trần Gia Câu ở huyện Ôn đang ra sức phát triển “võ quán gia đình”.

Hiện nay, Thái Cực Quyền đã được truyền đến hơn một trăm quốc gia và khu vực, để có thể học được những món võ Thái cực một cách chính tông nhất, những người yêu thích môn võ Thái cực đến từ các nơi trên thế giới đã nườm nượp kéo nhau đến bái sư học võ đối với những võ sư của Trần Gia Câu,



Trần Thiếu Long (phải) đến từ nước Mĩ và Trần Thiếu Bảo đến từ nước Anh đang học Thái Cực Quyền tại Trần Gia Câu ở huyện Ôn tỉnh Hà Nam.





Võ thuật Trung Quốc

hình thành nên một hình thức kết hợp giữa văn hóa võ thuật truyền thống và ngành du lịch hiện đại theo kiểu "du lãm cảnh đẹp của ruộng vườn, ở lại nhà của người nông dân để học võ, ăn những món rau quả tươi xanh, học món võ thái cực chính tông". Võ quán theo kiểu hình thức gia đình này là một võ quán nhỏ tập trung cả ăn, ở, học tại một gia đình. Tại những võ quán hình thức gia đình kiểu này vì có số người tương đối ít, nên học viên đều có thể nhận được sự chỉ bảo tận tâm của chính các huấn luyện viên.

Cùng với sự giao lưu hợp tác quốc tế càng ngày càng gia tăng, có không ít võ quán (trường võ) đã mở rộng ra nước ngoài, đến những quốc gia và khu vực khác trên thế giới để dạy võ, Thiếu Lâm Tự là một trong những nơi điển hình. Tại hơn năm mươi quốc gia và khu vực trên toàn cầu, Thiếu Lâm tự đều đã mở các võ quán (trường võ) chuyên nghiệp để nghiên cứu và học võ Thiếu Lâm, các đệ tử nước ngoài đã lên đến con số hơn ba triệu người, tầm ảnh hưởng vô cùng lớn. Năm 2004, Hạ nghị viện của bang California, Hoa Kỳ đã thông qua nghị quyết, quy định ngày 21 tháng 3 hàng năm là "Ngày Thiếu Lâm Tự Tung Sơn", để các cư dân của bang dù không cùng tôn giáo, không cùng chủng tộc hay bối cảnh văn hóa đều có thể thưởng thức thiền tông và văn hóa võ thuật có lịch sử lâu đời của Thiếu Lâm Tự.

GIÁO DỤC VÕ THUẬT TẠI CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐẠI HỌC

Đặc tính của văn hóa võ thuật là nguồn gốc căn bản để nó có thể lưu truyền từ ngàn xưa đến nay, mà bất cứ sự kế thừa và phát triển của một loại hình văn hóa nào cũng không thể tách rời giáo dục. Để võ thuật Trung Quốc có thể bước lên võ đài của thế giới, thì cần phải đưa võ thuật vào hệ thống giáo dục chính quy.

Năm 1954, Ủy ban Thể dục Thể thao quốc gia đã thành lập Đội võ thuật chỉ đạo thi đấu thuộc Viện Thể dục Thể thao Trung ương (nay là Đại học Thể thao Bắc Kinh). Vào tháng 8 năm 1958, Ủy ban Thể dục Thể thao quốc gia mở một hội thảo với sự tham dự của các viện trưởng Học viện thể thao trên cả nước. Sau hội thảo này, Học viện thể thao Bắc Kinh, Học viện thể thao Thượng Hải lần lượt thành lập khoa Võ thuật, võ thuật chính thức bước vào cánh cửa giáo dục cao đẳng đại học. Năm 1961, các chuyên gia của Ủy ban Thể dục Thể thao quốc gia đã soạn thảo bộ đề cương môn giảng nghĩa "Võ thuật" đầu tiên để giảng dạy trong các học viện thể thao trên cả nước. Năm 1963, Viện Thể dục Thể thao Bắc Kinh bắt đầu chiêu sinh bậc nghiên cứu sinh võ thuật, giáo dục võ thuật lại bước lên một nấc thang mới.

Từ khi cải cách mở cửa vào năm 1978 đến nay, các trường đại học thành lập khoa võ thuật càng nhiều hơn. Đồng thời, phạm vi và tầng lớp chiêu sinh

cũng không ngừng được mở rộng hơn, bao gồm các lớp và bậc như nghiên cứu sinh, cử nhân, cao đẳng, lớp hàm thụ, lớp tiến tu huấn luyện viên và các lớp huấn luyện nhân viên võ thuật trong và ngoài nước ngắn hạn..., bước đầu hình thành nên một hệ thống bồi dưỡng nhân tài võ thuật với nhiều tầng lớp, loại hình khác nhau.

Cho đến nay, đã có hơn 40 trường đại học cao đẳng có quyền đào tạo và phát bằng học vị thạc sĩ võ thuật. Vào tháng 4 năm 1996, Ủy ban học vị Quốc vụ viện đã phê chuẩn Học viện Thể thao Thượng Hải là nơi đầu tiên đào tạo và phát bằng học vị tiến sĩ võ thuật. Sau đó, các trường Đại học thể thao Bắc Kinh, Đại học sư phạm Hoa Đông và Đại học sư phạm Hoa Nam cũng lần lượt nhận được quyền đào tạo và phát bằng học vị tiến sĩ võ thuật.

Vào tháng 7 năm 1998, trong đề cương kế hoạch giáo dục hệ cử nhân mà Bộ giáo dục ban bố, có chuyên ngành thể thao truyền thống dân tộc, đây là chuyên ngành giáo dục hệ cử nhân mới được thành lập, là cấp độ 2 của khoa thể thao học. Hiện nay, khoa này chủ yếu gồm có 3 hướng nghiên cứu: Thể thao thi đấu võ thuật, văn hóa và giáo dục võ thuật, thể thao dân gian và dưỡng sinh truyền thống. Phương hướng đào tạo chủ yếu chia thành hướng sáo lộ võ thuật (nội dung dạy học chủ yếu là các sáo lộ thi đấu võ thuật) và hướng võ thuật tấn công (chủ yếu là các đòn đánh tấn công trong võ thuật).

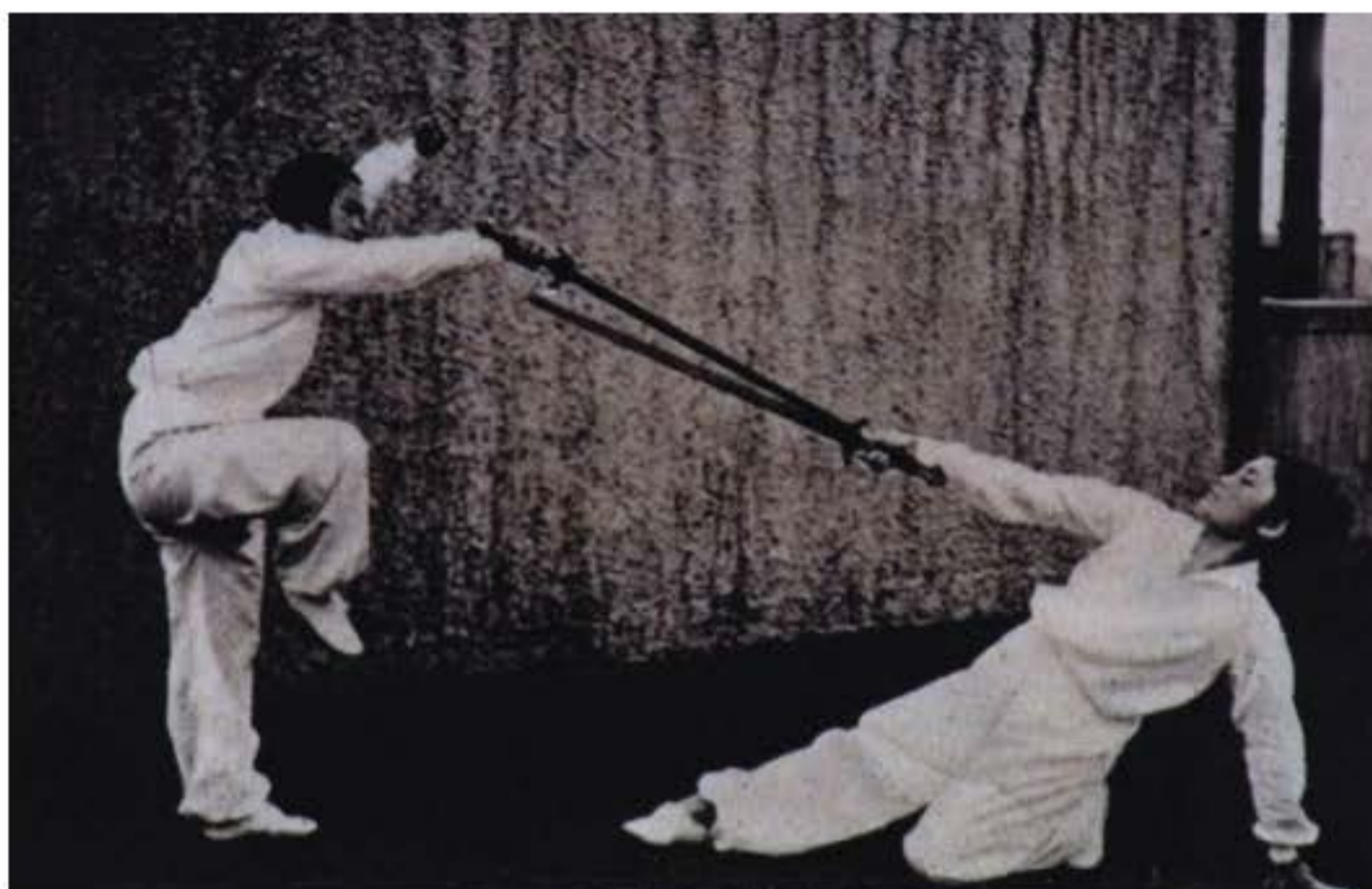
Mấy chục năm nay, chuyên ngành võ thuật ở các trường đại học đã đào tạo được lớp lớp nhân tài võ thuật chuyên ngành và những võ sư dạy võ cũng như những nhân viên nghiên cứu văn hóa võ thuật có trình độ cao, đóng góp rất lớn cho sự kế thừa và phát triển của võ thuật Trung Quốc.

Sau khi Hồng Kông trở về với Trung Quốc vào năm 1997, sự nghiệp giáo dục võ thuật cũng có những bước phát triển nhất định. Vào mùa thu năm 2003, Học viện giáo dục chuyên môn Sài Loan tại Hồng Kông đã mở chuyên ngành võ thuật, chủ yếu để dạy Thái Cực Quyền cùng với những sáo lộ võ thuật khác. Đây là lần đầu tiên võ thuật Trung Quốc chính thức bước chân vào cổng trường cao đẳng đại học tại Hồng Kông, từ đó có những ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển hơn nữa của võ thuật Trung Quốc tại Hồng Kông cũng như việc đẩy mạnh sự phát triển của võ thuật Trung Quốc tại Hồng Kông, Ma Cao và các nước Đông Nam Á.

THI ĐẤU VÕ THUẬT VÀ CÁC HẠNG MỤC BIỂU DIỄN TRONG THỂ VẬN HỘI

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, các cuộc thi đấu võ thuật ngày càng gia tăng về số lượng đã phát huy vai trò quan





Nữ tuyển thủ Phó Thục Vân (bên phải) và Lưu Ngọc Hoa tham gia biểu diễn tam hợp kiếm trong hạng mục biểu diễn võ thuật tại Thế vận hội lần thứ 11 năm 1936.

trọng trong việc khai thác và chỉnh lý các di sản võ thuật, đẩy nhanh sự phát triển của thể thao võ thuật.

Vào tháng 9 năm 1959, Đại hội thể thao toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức tại Bắc Kinh, trong đó có hạng mục thi đấu võ thuật và hạng mục biểu diễn, 172 vận động viên của 25 tỉnh thành đã tham gia thi đấu và biểu diễn.

Vào tháng 9 năm 1982, giải thi đấu hữu nghị quốc tế võ thuật Trung Quốc được tổ chức tại Nam Kinh với sự tham gia của 41 vận động viên từ năm đoàn đại biểu đến từ các nước như Mĩ, Canada, Philipine, Hồng Kông và Trung Quốc.

Vào tháng 8 năm 1985, Giải thi đấu mở rộng võ thuật quốc tế lần đầu tiên được tổ chức tại Tây An, đây là lần đầu tiên Trung Quốc chính thức tổ chức giải thi đấu mở rộng quốc tế, 89 vận động viên đến từ các đoàn đại biểu của 17 quốc gia và khu vực đã tham gia giải đấu này.

Vào tháng 10 năm 1990, Á vận hội lần thứ 11 được tổ chức tại Bắc Kinh, võ thuật được đưa vào hạng mục thi đấu chính thức, có 96 vận động viên nam nữ đến từ mười một quốc gia và khu vực đã tham gia giải đấu này.

Vào tháng 10 năm 1991, Giải vô địch võ thuật thế giới được tổ chức tại Bắc Kinh, có hơn 500 vận động viên đến từ bốn mươi quốc gia và khu vực trên thế giới đã thi đấu sáo lộ võ thuật và tấn công, cứ hai năm giải này lại được tổ chức một lần.



Môn thi đấu võ thuật tại Thế vận hội Bắc Kinh, trong trận chung kết nữ hạng 52 cân, nữ tuyển thủ Trung Quốc Tần Lực Tử (áo đỏ) đã chiến thắng tuyển thủ người Phillipine, Mary Jane Ai Esty Meyer để giành ngôi vị quán quân. Ngày 24 tháng 8 năm 2008.

Vào tháng 8 năm 1993, tại huyện Ôn tỉnh Hà Nam đã tổ chức giải thi đấu võ thuật giữa các quê hương võ thuật Trung Quốc lần đầu tiên, giải đấu này cứ hai năm lại tổ chức một lần.

Vào tháng 10 năm 1996, Đại hội thể thao nông dân toàn quốc lần thứ ba được tổ chức tại Thượng Hải, võ thuật cũng được đưa vào hạng mục thi đấu.

Vào tháng 5 năm 1999, giải thi đấu võ thuật và tuyệt kỹ truyền thống quốc tế được tổ chức tại Đài Châu tỉnh Chiết Giang.

Vào tháng 7 năm 2002, giải thi đấu võ thuật cúp thế giới lần đầu tiên tổ chức tại Thượng Hải, giải đấu này hai năm tổ chức một lần.

Vào tháng 2 năm 2006, giải đấu võ thuật tấn công quốc tế lần đầu tiên được tổ chức tại Trùng Khánh, giải đấu này hai năm tổ chức một lần.

Vào tháng 7 năm 2009, Đại hội thể thao thế giới lần thứ 8 được tổ chức tại Cao Hùng, Đài Loan, võ thuật được đưa vào hạng mục thi đấu chính thức.

Trong suốt một thời gian dài, những người yêu thích và ủng hộ võ thuật luôn cố gắng, hy vọng môn thể thao đã có mấy ngàn năm lịch sử này của Trung Quốc sẽ sớm được đưa vào đại gia đình của thể vận hội.

Ngay từ năm 1936, võ thuật Trung Quốc đã từng tỏa sáng tại Thế vận hội Berlin. Đoàn biểu diễn võ thuật Trung Quốc gồm những người





Võ thuật Trung Quốc

như Trương Văn Quảng, Ôn Kính Minh, Trịnh Hoài Hiến, Kim Thạch Sinh, Trương Nhĩ Đình, Khẩu Vận Hưng, Địch Liên Nguyên, Phó Thục Vân, Lưu Ngọc Hoa... đã có những màn biểu diễn võ thuật vô cùng đặc sắc tại các thành phố lớn của Đức như Hamburg, Frankfurt, Berlin..., những màn biểu diễn của họ đã hoàn toàn chinh phục các khán giả phương Tây.

Sau khi Nước cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949, quốc gia liên tục cử các đoàn võ thuật ra nước ngoài thăm hỏi, biểu diễn để mở rộng tầm ảnh hưởng của võ thuật trên thế giới.

Vào tháng 10 năm 1984, Hiệp hội võ thuật Trung Quốc đã mời những người đứng đầu các tổ chức võ thuật ở mười hai quốc gia và khu vực trên thế giới như Pháp, Liên bang Đức, Italia, Nhật Bản, Mĩ... đến tham gia hội thảo võ thuật quốc tế tổ chức tại Vũ Hán và tiến hành thảo luận về các vấn đề tiếp tục phát triển hơn nữa trong phạm vi thế giới, đồng thời cùng ký biên bản thỏa thuận hợp tác. Hội thảo đã cùng đi đến nhất trí việc nhanh chóng chuẩn bị thành lập tổ chức võ thuật quốc tế do Trung Quốc đứng ra tiến hành.

Vào tháng 8 năm 1985, Ủy ban trụ bị của Hội liên hiệp võ thuật quốc tế được chính thức thành lập tại Tây An. Ngay sau đó, đại biểu của năm nước ủy ban là Trung Quốc, Anh, Italia, Nhật Bản và Singapore đã tổ chức hội nghị lần đầu tiên, cử ông Từ Tài làm chủ nhiệm Ủy ban trụ bị này, trụ sở ký của Ủy ban được đặt tại Bắc Kinh, Trung Quốc. Vào tháng 10 năm 1990, Hội liên hiệp võ thuật quốc tế được thành lập tại Bắc Kinh, trụ sở chính cũng đặt tại Bắc Kinh.

Sau khi Hội liên hiệp võ thuật quốc tế được thành lập, cứ hai năm một lần giải vô địch võ thuật thế giới lại được tổ chức một lần, giải vô địch võ thuật thế giới lần thứ nhất được tổ chức tại Bắc Kinh vào tháng 10 năm 1991.

Vào tháng 10 năm 1994, tại Hội liên hiệp thể thao quốc tế lần thứ 28 được tổ chức tại Monaco, Hội liên hiệp võ thuật quốc tế được kết nạp thành hội viên chính thức của tổ chức này. Vào tháng 6 năm 1999, Hội liên hiệp võ thuật quốc tế được Ủy ban Olympic quốc tế công nhận tạm thời. Đến tháng 12 năm 2001, Hội liên hiệp võ thuật quốc tế đã ký kết hiệp định với cơ quan phản đối dùng chất doping thế giới (WADA). Tháng 2 năm 2002, hội nghị lần thứ 113 của Ủy ban Olympic quốc tế đã chính thức thông qua nghị quyết và công nhận Hội liên hiệp võ thuật quốc tế, võ thuật đồng thời cũng trở thành hạng mục thể thao được thừa nhận trong các Thế vận hội. Hiện nay, hiệp hội này đã có 120 nước thành viên và khu vực ở khắp năm châu.



Địch Liên Nguyên, nữ tuyển thủ tham gia biểu diễn võ thuật Trung Quốc tại Thế vận hội lần thứ 14.

Sau khi Bắc Kinh đăng cai thành công Thế vận hội Olympic 2008, vào tháng 12 năm 2001, Hội liên hiệp võ thuật quốc tế đã chính thức đệ trình với Ủy ban Olympic quốc tế về việc đề nghị đưa võ thuật vào Thế vận hội và được sự thấu hiểu cũng như sự ủng hộ rộng rãi của Ủy ban Olympic quốc tế. Ủy ban Olympic quốc tế đồng ý đưa võ thuật vào những hạng mục biểu diễn trong Thế vận hội 2008, tổng cộng gồm 15 hạng mục, 10 huy chương vàng cho các hạng mục sáo lộ và 5 huy chương vàng cho các hạng mục thi đấu đơn. Thi đấu được tổ chức từ ngày 21 đến ngày 24 tháng 8 tại Bắc Kinh, có tất cả 128 vận động viên nam nữ đến từ 43 quốc gia và khu vực trên thế giới tham gia thi đấu, đội Trung Quốc đã đứng đầu giải này với ưu thế là 8 huy chương vàng.

Võ thuật trở thành hạng mục biểu diễn trong Thế vận hội chỉ là một sự bắt đầu. Để trở thành một hạng mục chính thức trong Thế vận hội, võ thuật Trung Quốc còn cần phải đi qua một đoạn đường rất dài.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VÕ THUẬT DÂN GIAN

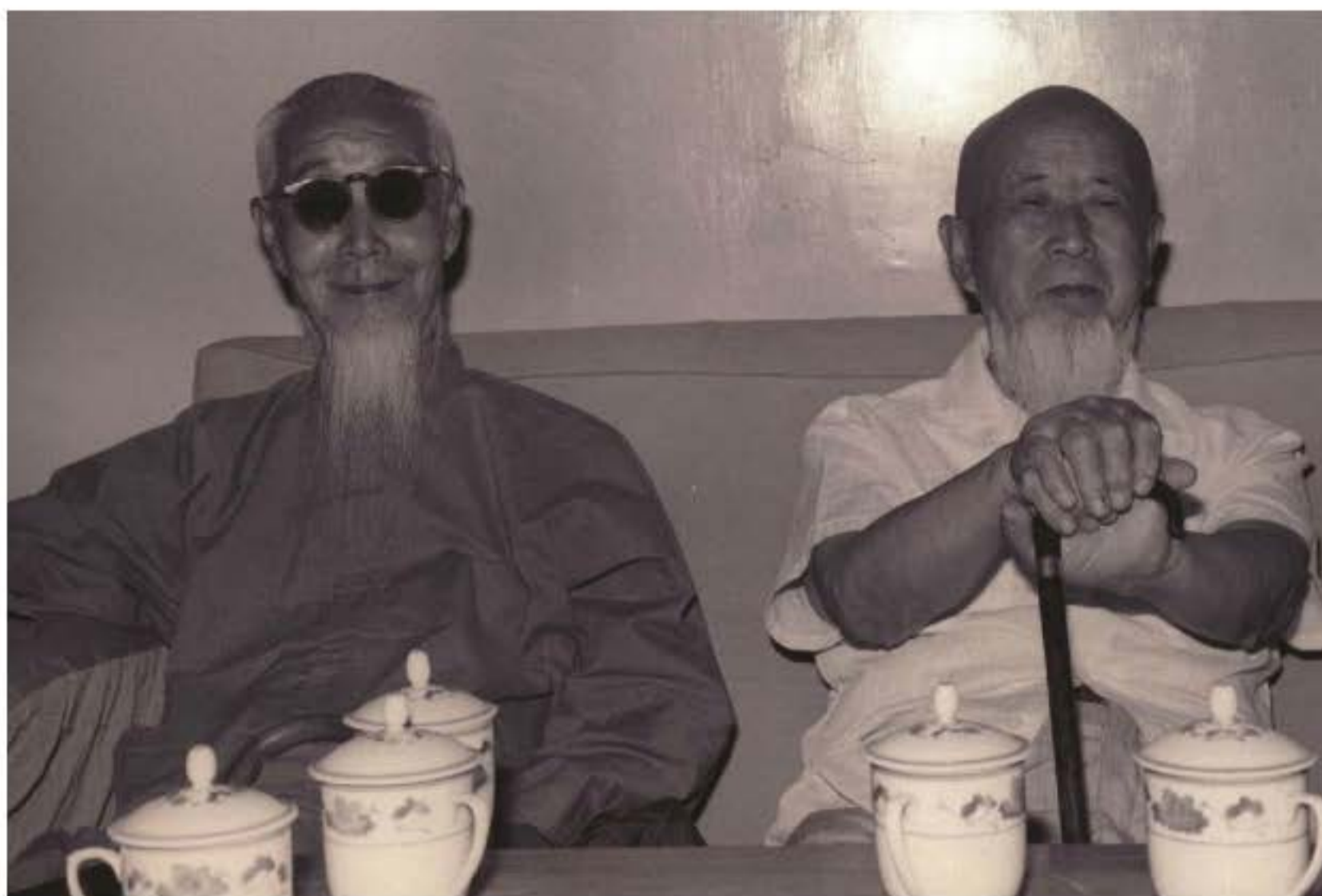
Mấy ngàn năm nay, võ thuật luôn được lưu truyền một cách thâm lặng trong dân gian, nó luôn lớn lên thật ngoan cường trên mảnh đất bao la rộng lớn của Trung Quốc. Võ thuật phát triển cùng với sự phát triển của xã hội, đi vào học viện, xuất hiện võ thuật phái học viện; võ thuật bước lên trường đấu, trở thành võ thuật thi đấu. Trong xã hội hiện đại, là một thứ văn hóa truyền thống của Trung Quốc, võ thuật thể hiện rất nhiều xu thế phát triển phong phú và đa dạng. Thế nhưng, phong phú đa dạng nhất, giàu sức sống nhất, giàu tính năng động nhất vẫn là võ thuật truyền thống được lưu truyền trong dân gian - đó là cái rễ của mọi sự phát triển trong võ thuật Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc khá coi trọng sự khai thác, chỉnh lý, kế thừa và phát triển đối với võ thuật dân gian.

Vào tháng 11 năm 1953, đại hội thi đấu và biểu diễn thể thao hình thức dân tộc toàn quốc được tổ chức tại Thiên Tân. Đây là đại hội đầu tiên của võ thuật dân gian Trung Quốc kể từ sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập, có tổng cộng 145 vận động viên tham gia biểu diễn và thi đấu ở 332 hạng mục như quyền thuật, binh khí, thực hành, binh khí ngắn..., là một lần thể hiện rất lớn của võ thuật dân gian.

Vào tháng 9 năm 1958, Hiệp hội võ thuật Trung Quốc được thành lập tại Bắc Kinh. Sau đó, các tỉnh thành cũng lần lượt thành lập hiệp hội võ thuật. Võ thuật dân gian cũng đã được đưa vào sự quản lý của hiệp hội võ thuật Trung Quốc.

Vào tháng 1 năm 1979, Ủy ban Thể dục Thể thao quốc gia đã ban bố "Thông báo về việc khai thác và chỉnh lý di sản võ thuật". Cũng vào tháng 5





Bậc thầy Thái Cực Quyền - Ngô Đổ Nam và bậc thầy Bát Quái Chương - Lý Tử Minh (phải), tại Bắc Kinh ngày 10 tháng 6 năm 1984. Lý Tử Minh (1902 - 1993) là truyền nhân đời thứ 3 của phái Bát Quái Chương, là hội trưởng đầu tiên của hội nghiên cứu Bát Quái Chương.

năm đó, xoay quanh công tác chỉnh lý và khai thác võ thuật truyền thống, đại hội giao lưu, quan sát võ thuật toàn quốc lần đầu tiên được tổ chức tại Nam Ninh tỉnh Quảng Tây. Có 284 vận động viên đến từ 29 tỉnh thành phố, khu vực và Hồng Kông, Ma Cao đã tiến hành biểu diễn, hạng mục biểu diễn lên đến 510 hạng mục. Kể từ thời điểm này, khái niệm về võ thuật truyền thống bắt đầu xuất hiện trong giới võ thuật. Từ năm 1983 đến năm 1986, công tác khai thác và chỉnh lý võ thuật đã được triển khai trên cả nước, tiến hành thống kê điều tra một cách toàn diện từ trên xuống dưới đối với võ thuật dân gian, đồng thời tiến hành khai thác và chỉnh lý đối với kỹ nghệ võ thuật truyền thống. Hoạt động này đã gặt hái được nhiều thành quả lẫy lừng, bước đầu điều tra được một cách rõ ràng cụ thể về 129 môn võ "có nguồn gốc rõ ràng, có lý luận về võ thuật một cách rõ nét, có phong cách độc đáo, có hệ thống trước sau" được lưu truyền ở các nơi; các lý luận, điển tích mà các tỉnh thành biên soạn là hơn 6.510.000 chữ; ghi lại bằng hình ảnh tổng cộng là 395 giờ. Ngoài ra còn có một lượng tài liệu, binh khí cổ rất lớn.

Vào đầu năm 1982, tổ chức võ thuật dân gian đầu tiên trong nước - Hội nghiên cứu Bát Quái Chương Bắc Kinh được thành lập. Khi vừa mới thành lập, hội nghiên cứu đã tiến hành hoạt động khai thác bia mộ và di

dời mộ của Đổng Hải Xuyên, có những ảnh hưởng to lớn thời bấy giờ. Từ đó về sau, tổ chức nghiên cứu Bát Quái Chương thường xuyên tổ chức báo cáo, để mọi môn phái của bát quái chương thể hiện kỹ thuật của mình; ngoài ra còn xây dựng các điểm hướng dẫn tại các công viên, cũng như mở các lớp truyền thụ Bát Quái Chương; thực hiện hoạt động kỷ niệm tôn sư trọng đạo, tổ chức các cuộc thi Bát Quái chương trong nước.

Sau đó, hầu như tất cả các phái võ ở các nơi trên cả nước đều lần lượt thành lập hội nghiên cứu võ thuật của riêng mình, ví dụ như hội Thái Cực Quyền kiểu nhà họ Dương, hội nghiên cứu Thái Cực Quyền kiểu nhà họ Trần, hội nghiên cứu Thái Cực Quyền kiểu nhà họ Ngô, hội nghiên cứu Thái Cực Quyền kiểu nhà họ Tôn, hội nghiên cứu Hình Ý Quyền... ở Bắc Kinh; hiệp hội Thái Cực Quyền nhà họ Dương, hội nghiên cứu Hình Ý Quyền... ở tỉnh Sơn Tây; xã Thái Cực Quyền Giám Tuyển, và hội thể thao tinh võ ở Thượng Hải cũng đã khôi phục các hoạt động. Những tổ chức võ thuật dân gian này đã phát huy được vai trò to lớn của mình trong các hoạt động truyền bá võ thuật dân gian, thúc đẩy toàn dân rèn luyện sức khỏe...

Cùng với sự phát triển của võ thuật dân gian, mùa võ thuật mang tính quốc tế, các giải thi đấu võ thuật mở rộng... cũng xuất hiện rất nhiều, ví dụ như mùa võ thuật Thiếu Lâm quốc tế mở Trịnh Châu, hội liên hiệp hữu nghị Thái Cực Quyền quốc tế Vĩnh Niên, niên hội Thái Cực Quyền quốc tế huyện Ôn tỉnh Hà Nam, giải thi đấu mở rộng quốc tế Thái Cực Quyền kiểu họ Dương truyền thống ở Sơn Tây, mùa võ thuật Thương Châu, giải thi đấu mở rộng Hình Ý Quyền tỉnh Sơn Tây... Hiện nay, có tầm ảnh hưởng lớn nhất là mùa võ thuật truyền thống thế giới. Mùa võ thuật này bắt đầu từ năm 2004, đến nay đã tổ chức được ba lần. Những hoạt động này đều phát huy vai trò thúc đẩy tích cực đối với công tác truyền bá võ thuật dân gian.

XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA VÕ THUẬT TRONG TƯƠNG LAI

Lịch sử trong tương lai có thể sẽ là giai đoạn phát triển phồn vinh của võ thuật Trung Quốc, đồng thời cũng sẽ là giai đoạn cạnh tranh lớn, đào thải và dung hợp của các môn phái võ thuật. Cạnh tranh và đào thải là sự tất yếu của lịch sử, dung hợp và giao lưu cũng là xu thế lớn. Có thể dự đoán rằng, thế kỷ XXI sẽ viết nên một trang sử vô cùng khác biệt trong lịch sử võ thuật của Trung Quốc.

Võ thuật Trung Quốc hợp nhất các nhân tố rèn luyện sức khỏe, tấn công và thưởng thức, là một hình thái văn hóa dân tộc rất đặc thù. Sự phát triển sau này của võ thuật đương nhiên vẫn sẽ dựa trên nền tảng truyền thống văn hóa dân tộc, thuận theo những quy luật có sẵn của võ thuật mà





Võ thuật Trung Quốc

vận động tiến lên phía trước. Rèn luyện sức khỏe, tấn công và phòng thủ là những chức năng xã hội cơ bản của võ thuật, nhưng trong những giai đoạn lịch sử khác nhau, có thể sẽ có những điểm nhấn riêng biệt. Ví dụ như trong giai đoạn thập niên 50 đến giữa thập niên 80 của thế kỷ XX, võ thuật chú trọng phát triển tính phòng thủ, xuất hiện không ít sáo lộ mới như những đóa hoa đua nở (chủ yếu là trường quyền). Từ thập niên 80 trở lại đây, tính tấn công của võ thuật lại trở thành điểm nhấn trong nghiên cứu võ thuật, tình hình này có lẽ có liên quan đến việc triển khai hoạt động thi đấu đơn lẻ có sự giao lưu giữa Võ thuật Trung Quốc và võ thuật nước ngoài ngày càng nhiều hơn. Nhưng chức năng rèn luyện sức khỏe của võ thuật thì luôn được dân gian coi trọng, từ đầu thập niên 80 cho đến nay, vấn đề này lại càng được coi trọng, cơn sốt Thái Cực Quyền trong những năm gần đây minh chứng cho điều đó.



Dương Phụng Đường (1896 - 1974) biểu diễn tâm ý lục hợp quyền.

Từ nay về sau, chức năng rèn luyện sức khỏe và chức năng tấn công của võ thuật được xếp vào vị trí quan trọng hơn. Nhịp điệu phát triển của xã hội càng ngày càng nhanh, dưới sự dẫn dắt của nền kinh tế hàng hóa, mọi người cũng càng ngày càng coi trọng sự phải chăng trong giá cả, thì chức năng rèn luyện sức khỏe và tấn công có thể gọi là chức năng phải chăng nhất của võ thuật.

Trong rất nhiều môn phái của võ thuật Trung Quốc, nội gia quyền đặc biệt giàu sức sống hơn cả. Đặc điểm của nội gia quyền là kết hợp chặt chẽ giữa tấn công và rèn luyện sức khỏe, luyện công và dưỡng sinh dung hòa thành một, hơn thế, các sáo lộ của nội gia quyền đơn giản súc tích, động tác thoải mái, độ khó không cao, ít khi mang vẻ vênh vang, vì thế mà dễ dàng được tiếp nhận, vừa có chức năng dưỡng sinh, rèn luyện sức khỏe một cách rõ ràng, lại có thể tạo nên rất nhiều hiệu quả trong tấn công, như có thể lấy ít thắng nhiều. Chỉ trong một hai trăm năm ngắn ngủi, nội gia quyền đã lưu truyền từ Bắc đến Nam, truyền bá rộng rãi trên cả nước và càng về sau càng chiếm ưu thế, đây tuyệt nhiên không phải là hiện tượng lịch sử ngẫu nhiên. Nhưng nếu nói đến giá trị phòng thủ thì nội gia quyền lại không hề có chút ưu thế nào, ngoài Bát Quái Chương còn có thể gọi là “đẹp” một chút, thì Thái Cực Quyền tỏ ra càng yếu thế hơn, và Hình Ý Quyền lại không thể nói rằng có một chút giá trị phòng thủ ngoại nào. Ý quyền ngay cả sáo lộ cũng không có, vì thế tính phòng thủ ngoại quả thực không biết nói từ đâu. Thế nhưng chính những môn phái võ thuật không đẹp chút nào

này lại phát triển rất nhanh, mức độ phổ cập cũng rất mạnh mẽ.

Trong giai đoạn lịch sử tương đối dài sau này, võ thuật vẫn sẽ tiếp tục phát triển theo hướng thực dụng và giản dị. Để đột phá giá trị thực dụng, võ thuật sẽ không thể không hy sinh một số giá trị thường ngoạn. Đương nhiên, võ thuật cũng không thể lột bỏ được thành phần gọi là “múa”, võ thuật Trung Quốc muốn bước vào thế giới, bước lên đấu trường của Olympic, thì e rằng vẫn còn cần phải dựa vào không ít nhân tố “múa” này, như thế mới có ích cho việc đánh giá thống nhất.

Trong tương lai, tất cả các môn phái, các loại quyền của võ thuật Trung Quốc đều phải đối mặt với những thử thách nghiêm ngặt. Có một số sáo lộ đã bị đào thải một cách triệt để trong thực chiến, có một số sáo lộ lại bị đơn giản hóa hoặc bị thay đổi, có một số loại quyền có tồn tại được hay không cũng là cả một vấn đề. Đồng thời, trên cơ sở các môn phái giao lưu và dung hợp lẫn nhau, tất yếu sẽ sinh ra những loại quyền và những sáo lộ mới,

những cái mới này sẽ đột phá các kỹ năng tấn công của võ thuật bằng đặc điểm đơn giản thực dụng của mình và bỏ qua mọi giá trị thường thức.

Thổ cố nạp tân, sinh sinh bất dĩ (bỏ cái cũ lấy cái mới, sinh sôi nảy nở), đây là quy luật cơ bản của mọi sự vật trong vũ trụ này, võ thuật Trung Quốc cũng không ngoại lệ. Nếu như võ thuật Trung Quốc từ mấy trăm năm nay nhất thành bất biến, như thế chỉ có thể nói rằng võ thuật đã bị ngưng trệ không phát triển, sức sống đã bị khô héo.

Chính sự cạnh tranh và đào thải đã tạo nên cho võ thuật Trung Quốc một sức sống vô hạn, võ thuật sẽ luôn giữ được sức thanh xuân cổ xưa của mình trong sự cạnh tranh và đào thải ấy, để cho khí phái đặc thù của Trung Quốc luôn có thể ngẩng cao đầu trên các võ đài thế giới.



Sái Long Vân biểu diễn Luyện hoa quyền năm 1983 tại Trịnh Châu. Sái Long Vân là võ sư tấn công nổi tiếng của Trung Quốc đương đại, là Phó Chủ tịch Hiệp hội võ thuật toàn quốc, phó Giáo sư Học viện thể thao Thượng Hải. Sở trường của ông là hoa quyền, Thiếu Lâm quyền, Thái Cực Quyền và Hình Ý Quyền.





PHỤ LỤC 1

Những vấn đề cần chú ý khi luyện võ

Luyện võ vốn là để rèn luyện sức khỏe, thế nhưng có không ít người vì không tuân theo quy luật khi tập luyện, dẫn đến hậu quả sức khỏe không tăng lên mà ngược lại cơ thể càng ngày càng đau yếu bệnh tật nhiều hơn, thậm chí ngay cả những võ sư nổi tiếng cũng khó tránh khỏi các vấn đề này. Ví dụ như luyện Hình Ý Quyền, do bước chân đặt xuống lực quá nặng nên rất dễ để lại hậu quả là đau lưng đau chân; nếu là luyện võ Thiếu Lâm, do “hạ cước” (dậm chân) quá mạnh, cũng sẽ dễ khiến chân bị tổn thương. Có một số công pháp đòi hỏi phải dùng một bộ phận nào đó của cơ thể để tấn công vào cây cối, tường thành..., chỉ cần sơ ý cũng rất dễ bị tổn thương. Nội công có mối quan hệ mật thiết với hệ thần kinh trung ương, khi tập luyện cần phải hết sức thận trọng.

Dưới đây đưa ra một số điểm đáng chú ý để các độc giả yêu thích môn võ thuật cùng tham khảo.

(1) Tập luyện phải theo tuần tự trước sau, không nóng vội hấp tấp, không nên mơ mộng rằng có thể một bước lên mây, một ngày học thành tài.

(2) Kiên trì nhẫn nại, chịu khó rèn luyện, không nên ba bảy hai mốt ngày đã cảm thấy chán nản rồi từ bỏ.

(3) Tất cả các môn phái đều có điểm mạnh điểm yếu, không nên đứng núi này trông núi nọ, nên tập trung tinh thần, sức lực để học thật tốt một môn pháp nào đó trước đã.

(4) Luyện thật tốt công pháp cơ bản, đặc biệt là công pháp ở phần chân và phần bụng.

(5) Buổi sáng sau khi thức dậy đánh răng rửa mặt xong, nên uống một cốc nước ấm để tráng lọc đường ruột, bổ sung lượng nước đã hao tổn trong đêm.

(6) Buổi sáng trước khi luyện công không nên nhịn đại tiện.

(7) Khi bắt đầu luyện công, cần phải làm những công việc chuẩn bị, cần phải khởi động để gân cốt giãn ra, không nên luyện tập các động tác mạnh như đá chân, giãn gân ngay lập tức, những khi trời lạnh lại càng phải chú ý.

(8) Sau khi luyện công xong, cần làm những động tác điều chỉnh như đi bộ, vỗ nhẹ lên các cơ bắp..., đồng thời phải mặc quần áo ngay để tránh trường hợp bị trúng gió, hãy nhớ là “phòng phong như phòng tiền” (tránh gió như tránh mũi tên).

(9) Vừa mới tập luyện xong không nên dùng bữa, ăn uống ngay.

(10) Khi luyện nội công, nếu xuất hiện những cảm giác như thấy đầu to lên, cơ thể như bay bổng hoặc nặng nề..., thì đó đều là những hiện tượng bình thường. Khi luyện tập “chu thiên công” trong nội công, nếu cảm thấy chóng mặt hoa mắt thì nên dừng lại ngay, kiểm tra huyết áp xem có quá cao không. Những người có bệnh huyết áp cao không thích hợp để luyện “chu thiên công”.

(11) Coi trọng thung công, nhưng khi vừa mới bắt đầu không nên tập quá lâu.

(12) Không nên coi nhẹ hoặc bỏ qua những động tác đơn giản nhất như dấm đá bao cát v.v.

(13) Không nên cố gắng tập những động tác có độ khó cao, thậm chí là những động tác mà sức bản thân không thể làm được.

(14) Khi luyện công cần phải tập trung sức chú ý, không nên nói chuyện, cần giữ được sự hưng phấn cần thiết.

(15) Không nên tùy tiện tỉ thí hay thể hiện với người khác, đặc biệt là không nên cười nói ồn ào; hễ gặp tình thế nguy cấp bắt buộc phải ra tay, cần phải dùng toàn bộ sức lực để ứng đối.

(16) Không nên tùy tiện dùng bất cứ bộ phận nào trên cơ thể để tập luyện tấn công vào những vật cứng như cây cối, thường thành..., cũng không nên tùy tiện dùng bàn tay hay ngón tay để đập, chặt những thứ cứng như gạch đá, tre gỗ...

(17) Cần phải đặc biệt coi trọng tác dụng của vùng háng, cần chú ý tập luyện đối với các bộ phận như khuỷu tay, vai và đầu gối.

(18) Bất cứ lúc nào cũng không nên cho rằng mình tài giỏi, tương tự, cũng không nên đánh giá mình quá thấp trong bất cứ trường hợp nào.

(19) Khi đã quá mệt mỏi thì không nên tập võ, khi vui vẻ quá, buồn khổ quá hay khi giận dữ quá không nên luyện nội công.

(20) Đảm bảo thời gian ngủ phải đủ, tăng cường dinh dưỡng một cách thích hợp (đặc biệt là ăn thịt), trước khi ngủ nên dùng nước nóng rửa chân.





PHỤ LỤC 2

Sơ lược về các môn phái quan trọng của võ thuật Trung Quốc

Võ thuật Trung Quốc có nguồn gốc và lịch sử vô cùng lâu đời, các môn phái vô cùng phong phú, tổng số các loại quyền lên đến vài trăm loại, có không ít quyền thuật rất lạ đến nay vẫn được lưu truyền đâu đó trong dân gian. Người viết dựa trên những tài liệu có hạn và những tri thức có hạn về võ thuật tiến hành liệt kê 207 loại dưới đây để các độc giả cùng tham khảo.

Cái gọi là “Môn phái võ thuật” cần phải có một tiêu chuẩn, tức là một loại quyền nào đó không chỉ phải có quyền giới, sáo lộ hoặc công pháp tương đối hoàn chỉnh, mà còn phải có lý luận tấn công của riêng mình, hình thành nên phong cách độc đáo của riêng mình, như thế mới có thể gọi là một “môn phái”. Bảng tóm tắt dưới đây về cơ bản dựa theo tiêu chuẩn này để chọn lựa và loại bỏ ngoại trừ những loại quyền khá hiếm.

Do thời gian đã quá lâu, nguồn gốc cũng như người sáng lập của rất nhiều môn phái đã không còn đáng tin cậy nữa, có một số môn phái chỉ có thể dựa vào truyền thuyết để đưa ra phỏng đoán, mà truyền thuyết thì lại luôn có rất nhiều phiên bản, khiến khó thể xác nhận. Trong trường hợp này, người viết hoặc là chỉ chọn một, hoặc là tạm thời bỏ trống để tư liệu đảm bảo được độ khách quan hơn.

STT	Tên gọi	Nơi khởi nguồn	Người sáng lập	Khu vực thịnh hành	Ghi chú
1	Thiếu Lâm quyền	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung		Toàn quốc	
2	Võ Đang quyền	Núi Võ Đang, Hồ Bắc		Hồ Bắc, Giang Tô, Tứ Xuyên, Chiết Giang	
3	Nga Mi quyền	Núi Nga Mi, Tứ Xuyên		Tứ Xuyên	
4	Nam quyền	Chùa Thiếu Lâm, Phúc Thanh		Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Bắc, Đài Loan	
5	Thái Cực quyền	Chùa Thiên Tai, thôn Hà Nội Đường, Bắc Ái, Hà Nam	Anh em nhà Lý Trọng, Lý Tín (Nham) và Trần Gia Cầu, Trần Vương Đình	Toàn quốc	
6	Hình Ý quyền	Vinh Tế, Sơn Tây	Cơ Tế Khả	Toàn quốc	Còn gọi là “Tam ý quyền”, “Tam ý lục hợp quyền”
7	Bát Quái chương			Toàn quốc	Do Đổng Hải Xuyên truyền bá tại Bắc Kinh
8	Miêu quyền			Tương Tây, Quế Bắc	
9	Choang quyền	Quảng Tây		Quảng Tây	

10	Đống quyền	Hố Nam	Dương Triều Anh	Tương Tây Nam, Quế Bắc	
11	Dao quyền	Quảng Tây		Khu vực cư trú của dân tộc Choang, Quảng Tây	
12	Thổ quyền	Hố Nam		Khu vực cư trú của dân tộc Thổ Gia, Tương Tây	
13	Thái quyền	Vân Nam		Tây Song Bản Nạp, Đức Hoàng tỉnh Vân Nam;	
14	Xa Tộc quyền	Phúc Kiến		Ninh Đức, tỉnh Phúc Kiến	
15	La Hồ quyền	Vân Nam		Tư Mao, Lương Hà tỉnh Vân Nam	
16	A Xương quyền	Vân Nam		Lũng Xuyên, Lương Hà tỉnh Vân Nam	
17	Đức Ngưỡng quyền	Vân Nam		Đức Hoàng, Lâm Thương tỉnh Vân Nam	
18	Tra quyền	Huyện Quán, tỉnh Sơn Đông	Tra Mật Nhĩ	Toàn quốc	
19	Đàn thổi	Tân Cương, hoặc chùa Long Đàm, Sơn Đông, hoặc Đàm Gia Cầu ở Hà Nam	Tra Mật Nhĩ?	Toàn quốc	Còn gọi là "Đạp cước", "Đàn thổi"
20	Hộ thân quyền	Bắc Kinh?		Bảo Kê tỉnh Thiểm Tây	Do Lý Trung Hậu truyền bá
21	Thang Bình quyền			Hà Nam, Thiểm Tây	Do Viên Phụng Nghĩa ở Hà Nam truyền bá
22	Thông Tí quyền	Thương Châu tỉnh Hà Bắc		Bắc Kinh, Thiên Tân, Hà Bắc, Thiểm Tây, Sơn Tây	
23	Bát Cực quyền	Mãnh thôn tỉnh Hà Bắc	Vô minh đạo nhân	Hà Bắc, Thiểm Tây, Bắc Kinh	
24	Hối dân thất thế	Xã Chu Tiên, tỉnh Hà Nam		Hà Nam, Bảo Kê tỉnh Thiểm Tây	Do hai họ Liêu và Trịnh ở Hà Nam truyền bá tại xã Chu Tiên
25	Bạch viên thông tý quyền	Thẩm Dương	Mã Long Bưu	Tây An	
26	Lục hợp thông tý quyền			Bắc Kinh, Thiên Tân	Do cha con Kỳ Tín, Kỳ Thái Dương truyền bá ở tỉnh Chiết Giang
27	Phách quải thông tý quyền	Hà Bắc		Hà Bắc	
28	Ngũ hành thông tý quyền		Hàn đạo sĩ	Hà Bắc	Còn gọi là "Thông tý thái cực"
29	Hồng quyền môn	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung		Toàn quốc	Còn gọi là "Đại hồng quyền"
30	Phách Quải quyền	Núi Diêm hoặc núi Tung tỉnh Hà Bắc	Tăng Thiếu Lâm Tả Bảo Hải?	Bắc phương	
31	Bát môn quyền	Lan Châu tỉnh Cam Túc	Lục Đạo Nhân	Cam Túc, Thanh Hải	
32	Bát môn tứ hạ	Lâm Hạ, tỉnh Cam Túc	Mã Tứ Gia (biệt hiệu là Hiếu Ca Ba)	Cam Túc, Thanh Hải, Ninh Hạ	
33	Đường lang quyền	Tức Mặc tỉnh Sơn Đông	Vương Lang	Sơn Đông, Hà Bắc	
34	Yến thanh quyền	Sơn Đông?		Toàn quốc	Còn gọi là "Mật tông quyền", do Tôn Thông ở Sơn Đông truyền bá





Võ thuật Trung Quốc

35	Lan thủ	Hà Nam?		Thiên Tân, Thượng Hải	Do Trịnh Thiên Hưng người Hà Nam truyền bá ở Thiên Tân
36	Địa thăng quyền			Toàn quốc	
37	Tử thông chùy	Sơn Đông		Duy Phường tỉnh Sơn Đông, Thanh Đảo, Tế Nam	Do Phùng Lập Vương ở huyện Hoàng truyền bá
38	Quan Đông quyền	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung?		Hà Nam	
39	Ngũ thủ quyền	Sơn Đông		Thanh Đảo	
40	Hoa quyền	Hoa Sơn tỉnh Thiểm Tây	Sài Thái, Sài Cương	Toàn quốc	Do nhà họ Sài ở Tế Ninh truyền bá
41	Tôn Tân quyền	Sơn Đông		Thanh Đảo, Tế Nam, Liêu Thành, Truy Bác	Do nhà họ Trương ở Quán Đào Nhất truyền bá
42	Vân thánh quyền	Sơn Đông	Cao Nam Quốc	Lỗ Nam, Tô Bắc	
43	Mai hoa quyền			Toàn quốc	Còn gọi là "Mai hoa thung", do Lý Đình Cơ, Lý Đình Quý truyền bá ở Vũ Cường tỉnh Hà Bắc
44	Phiên tử quyền	Cao Dương tỉnh Hà Bắc		Hà Bắc, Liêu Ninh, Cam Túc, Thiểm Tây	Do nhà họ Đoàn ở Cao Dương truyền bá
45	Miên chương	Hà Bắc		Hà Bắc, Hà Nam	Do La Tông Thiện truyền bá, còn gọi là "Liên hoàn miên chương"
46	Miên quyền	Hà Bắc		Hà Bắc, Thiên Tân, Thành Đô, Vũ Hán	
47	Đoàn quyền			Hà Bắc, Hà Nam	Còn gọi là "Đoàn đả", "Miễn trường đoàn đả", "Miễn trường quyền"
48	Thông bối quyền	Hồng Động, Sơn Tây	Trần Bốc?	Tấn Nam	
49	Công lực quyền	Du Thứ, Sơn Tây	Nhà họ Triệu ở Du Thứ	Toàn quốc	Còn gọi là "Cung lực quyền"
50	Trạc cước			Hà Bắc, Bắc Kinh, Thẩm Dương	Do Triệu Lan Ích truyền bá ở Nhiêu Dương, tỉnh Hà Bắc
51	Ngũ pháp bát tượng	Ngũ đài sơn tỉnh Sơn Tây	Tiết Diên (Diệp Chân Tử)	Tây An, An Huy	Truyền nhân rất ít, đã thất truyền, chỉ còn lại quyền phổ
52	Phó quyền	Dương Khúc, Sơn Tây	Phó Sơn		Đã thất truyền, chỉ còn lại quyền phổ
53	Phân thủ quyền		Trần bát đại vương	Uy Vũ tỉnh Cam Túc, Trương Dịch	Còn gọi là "đối thủ quyền"
54	Thạch đầu quyền	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung		An Huy, Giang Tô	
55	Trương Gia quyền	Ti Thủy, Hà Nam	Trương Nãi Châu (1724 - 1783)	Huỳnh Dương, Cung Nghĩa, Khai Phong, An Dương	
56	Cần Bát thủ			Hố Bắc	
57	Tiết quyền			Bắc Phương	Còn gọi là "Tiệp quyền"
58	Tam hoàng công	Bắc Kinh	Trương Trường Trinh (Trương Tam say rượu 1862 - 1945)	Bắc Kinh	Còn gọi là "Nội bát quái"
59	Ý quyền	Bắc Kinh	Vương Hương Trai	Toàn quốc	Còn gọi là "Đại thành quyền"
60	Thanh quyền	Chùa Đàm Giá, Bắc Kinh		Bắc Kinh và Tân Ninh, Cự Lộc ở Hà Bắc	Do sư Dương Tĩnh chùa Đàm Giá truyền bá
61	Thuận thủ quyền	Bắc Kinh	Hoàng Bảo Đình (1870 - 1944)	Bắc Kinh	

62	Tam hoàng pháo chúy	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung		Bắc Kinh	Do sư Phổ Chiếu chùa Thiếu Lâm truyền bá
63	Đông Hương quyền	Tung Dương tỉnh An Huy		Huyền Nam	
64	Thương quyền		Tào Đãng Dẫn	Huyền Nam	
65	Cửu hoa sơn quyền	Núi Cửu Hoa tỉnh An Huy	Hà Cửu Thiên (Cửu Hoa)	An Huy	
66	Ngũ đống khí công quyền	Đỉnh Thiên Trụ, núi Đại Biệt	Ngô Đạo Trường	Huyền Nam	
67	Thường châu Nam Quyền	Thường Châu, Giang Tô	Lý Thành Sản	Giang Tô, Thượng Hải	Còn gọi là "Vô tiền Nam Quyền"
68	Truyền quyền	Ngô Hưng, Chiết Giang	Lục Bình	Duyên Ngạn, Thái Hó	
69	Đài châu Nam quyền	Núi Thiên Đài, Chiết Giang	Trí Nghi?	Chiết Giang, Phúc Kiến, Giang Tây, Thượng Hải	
70	Ôn Châu Nam quyền			Chiết Giang	
71	Thiếu Lâm ngũ tổ quyền	Chùa Thiếu Lâm Phúc Thanh		Phúc Kiến	
72	Hạc quyền	Phúc Kiến		Phúc Kiến, Đài Loan	
73	Tung hạc quyền	Phúc Kiến	Phương Thế Bối	Phúc Kiến, Đài Loan	
74	Phi Hạc quyền	Vĩnh Xuân, Phúc Kiến	Phương Thất Ninh	Phúc Kiến, Đài Loan	
75	Minh Hạc quyền	Vĩnh Xuân, Phúc Kiến	Lâm Thế	Phúc Kiến, Đài Loan	
76	Túc hạc quyền	Chùa Thạch Môn, Liên Giang, Phúc Kiến	Hòa thượng Giác Thanh	Phúc Kiến	
77	Thực hạc quyền	Mãn Thanh, Phúc Kiến	Gia Bồ	Phúc Kiến, Đài Loan, Hồng Kông	
78	Vĩnh xuân bạch hạc quyền	Phúc Ninh, Phúc Kiến	Phương Thất Nương	Mãn Nam	Phương Thất Nương là người Phúc Ninh, tội phạm lưu vong ở Vĩnh Xuân
79	Liên thành quyền	Liên thành Phúc Kiến	Hoàng Tư Hoán	Mãn Nam	
80	Khuyến Pháp	Chùa Bạch Liên, Tuyên Châu?		Phúc Kiến	Còn gọi là "Địa thuật khuyến pháp", "cầu pháp", "địa long kinh", do ni cô Tứ Nguyệt, Vũ Mai truyền bá
81	Long Tôn	Chùa Thiếu Lâm, Phúc Thanh	Lâm Thiết Châu	Phúc Kiến, Đài Loan	
82	Hổ Tôn	Phúc Châu, Phúc Kiến	Lý Nguyên Châu	Phúc Kiến	
83	Nho pháp	Miếu Quan Đế, Tuyên Châu		Phúc Châu	Do một đạo trưởng nào đó tại miếu Quan Đế ở Tuyên Châu truyền bá
84	Ngũ tổ hạc dương quyền	Tấn Giang, Phúc Kiến	Thái Ngọc Minh	Phúc Kiến	
85	Trâu Gia quyền			Giang Tây	
86	Ngạnh môn quyền	Giang Tây		Phong Thành tỉnh Giang Tây, Thanh Giang, Nghi Xuân	
87	Tự môn quyền	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung		Giang Tây, Tứ Xuyên	"Tự môn" ở Tứ Xuyên" chia làm hai phái
88	Xà quyền	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung		Chiết Giang, Tứ Xuyên	Do Đức Thanh Hó Mưu truyền bá
89	Tấn quyền	Chùa Thái Bình, Gia Hưng	Hòa thượng Ấn Nhiên	Gia Hưng, Chiết Giang	Do nhà họ Lục ở Gia Hưng truyền bá





Võ thuật Trung Quốc

90	Nội gia quyền	Núi Võ Đang, Hồ Bắc		Ninh Ba tỉnh Chiết Giang, Tứ Xuyên	
91	Hoa quyền	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung		Toàn quốc	Do Càn Phụng Trì ở Giang Ninh truyền bá
92	Phố đông quyền	Phố Đông, Thượng Hải		Thượng Hải	
93	Lục hợp quyền	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung		Toàn quốc	
94	Nhạc thị liên quyền	Chùa Thiếu Lâm, núi Tung?		Hà Bắc, Bắc Kinh	Còn gọi là "Bát phiến thủ", "Từ mẫu quyền"
95	Nhạc môn	Sơn Tây		Toàn quốc	
96	Nhạc gia quyền	Hoàng Mai tỉnh Hồ Bắc	Nhạc Phi	Hoàng mai tỉnh Hồ Bắc, Quảng Tế, Kỳ Xuân	
97	Đường quyền			Vũ Hán	Còn gọi là "bát quái đường quyền"
98	Quy ngư quyền	Bình Giang tỉnh Hồ Nam	Điều Thế Nguyệt	Hồ Nam, Hồ Bắc	
99	Ô Gia Quyền	Hồ Nam	Ô Tất Đạt (1751 - 1812)	Hồ Nam	
100	Long hổ tranh sào quyền	Bình Giang tỉnh Hồ Nam		Bình Giang tỉnh Hồ Nam	Còn gọi là "long hổ đấu đơn nhai"
101	Thái ấn du long quyền	Quế Dương	Đạo sĩ nào đó	Trường Sa tỉnh Hồ Nam	Nhà họ dư ở Trường Sa truyền bá
102	Mai sơn quyền	Tân Hóa tỉnh Hồ Nam		Tân Hóa tỉnh Hồ Nam	Tân hóa xưa gọi là Mai Sơn
103	Tự nhiên môn			Hồ nam, Hàng Châu, PHÚC Châu, Hồng Kông	Do Từ Ái Tử ở Tứ Xuyên truyền bá
104	Thịnh thị võ công	Thượng Đức, tỉnh Hồ Nam		Thượng Đức, Ích Dương, Hán Thọ, Đào Giang	Do Thịnh Anh Hào ở Thượng Đức Truyền bá
105	Du gia lục hợp quyền	Phong Khê tỉnh Tứ Xuyên	Du Ứng Hùng	Tứ Xuyên	
106	Khôn môn quyền	Núi Nga Mi, tỉnh Tứ Xuyên	Lý Minh Nguyệt (pháp hiệu Huyền Không)	Tứ Xuyên, An Huy	
107	Tây Lương chương	Tây Bắc		Toàn quốc	Còn gọi là "Ấm dương chương", "Tây dương chương", "Tích dương chương"
108	Cao gia cử	Tam nguyên tỉnh Thiểm Tây	Cao chiếm Khôi	Quan Trung	
109	Bát bảo quyền	Chùa Thiếu Lâm PHÚC Thanh	Chi Thiện?	Nam Ninh tỉnh Quảng Tây, Nam Đơn, Nghi Sơn	
110	Hồng quyền			Nam phương	
111	Lưu gia quyền	Hợp phố tỉnh Quảng Tây	Lưu Thanh Sơn	Quảng Đông, Quảng Tây	
112	Mạc Gia Cử	Đông Hoàn tỉnh Quảng Đông	Mạc Sĩ Đạt?	Quảng Đông, Quảng Tây	
113	Thái Gia Cử	Chùa Thiếu Lâm, Phúc Thanh	Thái Phúc	Quảng Đông, Quảng Tây	
114	Lý Gia Cử	Chùa Thiếu Lâm, Phúc Thanh	Lý Thích Khai	Quảng Đông, Quảng Tây	
115	Thái Lý phát quyền	Tân hội tỉnh Quảng Đông	Trần Hưởng (Trần Điện Anh)	Quảng Đông, Quảng Tây	
116	Hổ bảo quyền			Hồ Nam	
117	Hồng Phật quyền			Trạm Giang	
118	Ngũ hình quyền			Trạm Giang	
119	Thập hình quyền			Trạm Giang	

120	Hồ học song hình			Quảng Đông	
121	Vĩnh Xuân quyển	Phúc Kiến	Nghiên Vĩnh Xuân (Nghiêm Tam Nương)	Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây	
122	Long Hành hồ thuật	Cáp Nhĩ Tân	Lưu Chí Thanh (1881 - 1986)	Toàn quốc	
123	Dương gia quyển	Phồn Trì, Sơn Tây		Phồn Trì, huyện Đại	
124	Thủy Hử quyển			Thương Khâu tỉnh Hà Nam	
125	Phật Gia quyển	Chùa Thiếu Lâm, Phúc Thanh		Quảng Đông	
126	Côn Lôn quyển			Phong Thuận tỉnh Quảng Đông	Từ Hà Nam truyền đến
127	Nhạc gia giáo			Mai Châu tỉnh Quảng Đông	Từ Hồ Nam truyền đến
128	Chu Gia giáo			Hưng Ninh tỉnh Quảng Đông	
129	Luyện thủ cử			Quảng Đông	Do Hoàng Tiêu Hiệp ở Quảng Đông truyền bá
130	Luyện bộ cử			Toàn quốc	
131	Tôn môn	Tứ xuyên	Tôn Sở Nam	Tứ Xuyên	
132	Sinh môn			Nghi Tân, huyện Bi tỉnh Tứ Xuyên	
133	Tăng môn	Chùa Thiếu Lâm núi Tung	Mã Triệu Trụ (biệt hiệu Triệu Ma Bồ)	Tứ Xuyên	
134	Triệu môn	Hà Bắc		Tứ Xuyên	Do Trương Thiên Hồ người Trực Đãi truyền vào, chia thành hai phái "trực đãi" và "tam nguyên"
135	Đồ môn	Thành Đô	Đồ Quan Ấn	Thành Đô, Lạc Sơn, Trùng Khánh, Tự Cung	
136	Hồng Môn	Chùa Thiếu Lâm núi Tung		Tứ Xuyên	
137	Hồng chí môn			Thành Đô, Trùng Khánh	Từ Hồ Bắc truyền vào
138	Hội môn	Chùa Thiếu Lâm núi Tung		Tứ Xuyên	Chia làm ba phái
139	Hóa môn	Tứ Xuyên		Thành Đô, Trùng Khánh, Đạt Huyện, Nam Xung, Nội giang	Xưa gọi là "Ngoa quyển"
140	Tâm Bế môn			Tứ xuyên	Do Hoàng Ích Xuyên ở Giang Tây truyền vào
141	Tử ngo môn	Núi Nga Mi, Tứ Xuyên	Thái Không, Thần Đãng	Trùng Khánh, Lạc Sơn, Nga Mi	
142	Phương môn	Thập phương, Tứ Xuyên	Phương Thuận Ý	Tứ Xuyên	
143	Hướng môn			Vạn huyện	
144	Bàn phá môn	Hà Nam		Tứ Xuyên	Do Lưu Giang ở Tứ Trung truyền bá
145	La môn			Tứ xuyên	
146	Huệ môn			Phụng Tiết Tứ Xuyên	Do Tống Lỗ Hoa ở huyện Thâm tỉnh Hà Bắc truyền vào
147	Trí môn			Thành đô, Trùng Khánh và khu vực Xuyên Đông	Do Đãng Kế Đạt ở An Huy truyền vào
148	Vu Môn		Vu Khiêm?	Huyện Khai, huyện Vạn, Thạch Trụ	Do Thái Bình Xuyên ở huyện Khai truyền bá
149	Hoàng lâm phái	Tứ Xuyên		Thành Đô, Phàn Chi Hoa, Nội Giang, huyện Vạn	





Võ thuật Trung Quốc

150	Thanh thành phái	Núi Thanh Thành tỉnh Tứ Xuyên		Đô Giang Yếm, huyện Khai, Lô Châu	
151	Lục Lâm phái	Tứ Xuyên		Thành Đô, Nhã An, Lạc Sơn	
152	Côn lôn phái	Núi côn lôn?		Sơn Đông, Hà Bắc, Tứ Xuyên	
153	Dư gia cử	Giản Dương, tỉnh Tứ Xuyên		Trùng Khánh, Tự Cung, Nội Giang	Do nhà họ Dư ở Giản Dương truyền bá
154	Dư môn quyền	Tuyên Hán, tỉnh Tứ Xuyên	Dư Hữu Phúc	Huyện Đạt, Tuyên Hán, huyện Vạn, Văn Dương, huyện Khai	
155	Tùng kê nội gia quyền	Núi Võ Đang tỉnh Hồ Bắc		Chiết Giang, Tứ Xuyên	Do "Hưng thuận phiêu cục" Phiêu sư Trương Ngọ Đình (người Ninh Ba) ở Thiên Tân truyền vào Tứ Xuyên
156	Lý gia cử	Núi Cao Chủy, Uy Viễn tỉnh Tứ Xuyên		Uy Viễn	Do nhà họ Lý ở Uy Viễn truyền bá
157	Võ Đang nội gia Nam Quyền	Núi Võ Đang ở Hồ Bắc		Vĩnh Xuyên, Tử Đông, An Nhạc, huyện Ba	Còn gọi là "Tứ mẫu Nam Quyền", Do đạo sĩ Võ Đang Bành Anh truyền vào Tứ Xuyên
158	Minh Hải quyền	Chùa Hồi Long huyện Vạn tỉnh Tứ Xuyên	Hòa thượng Minh Hải	Huyện Vạn, huyện Dương	
159	Mai thị quyền	Hà Nam	Bà cô họ Mai	Đại Túc, Vinh Xương, Vĩnh Xuyên	Còn gọi là "Cửu đôi khôi"
160	Mãn thủ quyền			Trùng Khánh, Giang Tân	Vào cuối thời kỳ nhà Thanh được truyền vào Giang Tân tỉnh Tứ Xuyên
161	Chu gia quyền	Giang Bắc tỉnh Tứ Xuyên	Chu Ngọc Phong	Trùng Khánh và khu vực Xuyên Đông	
162	Giang Hà quyền	Khai Phong tỉnh Hà Nam		Nam Xung tỉnh Tứ Xuyên	Do hòa thượng Nam Xung Tôn Phúc Ích truyền bá
163	Tô môn quyền	Hà Nam		Vĩnh Xuyên, Giang Tân, Vinh Xương, Đại Túc, Trùng Khánh, Lư Châu	Còn gọi là "Tô gia giáo", do Tô Tải Phong ở Hà Nam truyền vào Vĩnh Xuyên, Tứ Xuyên
164	Thiếu Lâm Nam Quyền	Chùa Thiếu Lâm núi Tung		Tứ Xuyên	Chủ yếu là đoàn quyền, đòn tay nhiều hơn đòn chân
165	Liên môn quyền	Huyện Khai tỉnh Tứ Xuyên	Vương Liên Phương	Huyện Khai, huyện Vạn	
166	Nhậm môn quyền		Nhậm Mổ	Huyện Vạn, Lương Bình, huyện Khai	
167	Tự môn quyền	Nam Xung tỉnh Tứ Xuyên		Nam Xung	Nhà họ Đường ở Nam xung truyền bá
168	Nhậm gia giáo	Vĩnh Xuyên tỉnh Tứ Xuyên	Nhậm Tư Trấn	Vĩnh Xuyên, Đại Túc, Vinh Xương	
169	Sơn đông giáo	Sơn Đông		Vĩnh Xuyên, Vinh Xương	Còn gọi là "Sơn đông đả", do người Sơn Đông truyền vào Tứ Xuyên
170	Kim gia công		Kim Đạo Nhân	Lương Bình, huyện Trung, Điểm Giang	Kim Đạo Nhân tên thật là Cơ Nhất Vượng, quê quán ở Sơn Tây
171	Huyền hổ môn	Miền Ninh tỉnh Tứ Xuyên		Miền Ninh, Tây Xương	Nhà họ Tiến ở Miện Ninh truyền bá
172	Bạch Mi quyền	Núi Nga Mi tỉnh Tứ Xuyên	Bạch Mi đạo nhân	Tứ Xuyên, Quảng Đông	

173	Ngư môn quyền	Hàm Ninh tỉnh Hồ Bắc		Hồ Bắc	
174	Khổng môn quyền	Thái Dã tỉnh Hồ Bắc	Hồ Thiết Phiêu	Vũ Hán, Quảng Châu	
175	Hiệp quyền	Núi Nga Mi tỉnh Tứ Xuyên		Quảng Châu, Thuận Đức, Hải Nam, Hồng Kông	
176	Nam Chi quyền	Chùa Thiếu Lâm Phúc Thanh	Nam Chi	Sán Đầu, Triều Châu, Phố Ninh, Đàng Hải	
177	Điền Gia giáo	Lâm Giang tỉnh Giang Tây		Mai Châu tỉnh Quảng Đông, Hưng Ninh	Do anh em nhà họ Điền ở Quảng Đông truyền bá
178	Áp hình quyền	Thiên Tân	Lý Ân Quế	Thiên Tân, Tứ Xuyên	
179	Ứng trào quyền	Huyện Hùng tỉnh Hà Bắc	Lưu Trang Tuấn	Toàn quốc	
180	Thái hư quyền	Tân hội tỉnh Quảng Đông	Ngũ Vinh Vũ	Quảng Đông, Hồng Kông, Ma Cao	
181	Trưởng quyền	Hà Nam hoặc Sơn Đông		Toàn quốc	Còn gọi là "Thái tổ quyền"
182	Công gia nam phái	Núi Võ Đang tỉnh Hồ Bắc	Đặng Chung Sơn	Giang Tô	Thuộc môn phái Võ Đang
183	Thiếu Lâm tâm ý môn	Chùa Thiếu Lâm núi Tung			Chỉ bí mật truyền bá trong chùa
184	Xi Long quyền			Miêu gia sơn trại Tương Tây	
185	Lang quyền			Núi Kê Công tỉnh Hà Nam	Trước và sau năm 1980 do một bà lão bí mật truyền lại
186	Thái hòa quyền			Thanh Đảo	
187	Hầu quyền	Chùa Thiếu Lâm núi Tung		Toàn quốc	
188	Pháo quyền	Chùa Thiếu Lâm núi Tung		Toàn quốc	
189	Kê hình quyền	Vĩnh Thuận tỉnh Hồ Nam	Trương Hải Toàn	Vĩnh Thuận tỉnh Hồ Nam	
190	Túy quyền	Chùa Thiếu Lâm núi Tung		Toàn quốc	
191	Thái Cực Quyền nhà họ Trần	Trần Gia Cầu, huyện Ôn tỉnh Hà Nam	Trần Vương Đình, Trần Trường Hưng...	Toàn quốc	
192	Thái Cực Quyền nhà họ Tôn	Bắc Kinh	Tôn Lục Đường	Toàn quốc	
193	Thái Cực Quyền nhà họ Ngô	Bắc Kinh	Ngô Giám Tuyền	Toàn quốc	
194	Thái Cực Quyền nhà họ Dương	Bắc Kinh	Dương Phúc Khôi	Toàn quốc	
195	Thái Cực Quyền nhà họ Vũ	Vĩnh Niên tỉnh Hà Bắc	Vũ Vũ Tương	Toàn quốc	
196	Thái Cực Quyền Triệu Bảo Giá	Triệu Bảo huyện Ôn tỉnh Hà Nam	Trần Thanh Bình	Toàn quốc	Còn gọi là "Hốt lồi giá"
197	Thái Cực Quyền nhà họ Hòa	Triệu Bảo huyện Ôn tỉnh Hà Nam	Hòa Triệu Nguyên (1810 - 1890)	Toàn quốc	
198	Hình ý phái Sơn Tây	Huyện Kỳ tỉnh Sơn Tây	Đới Long Bang	Sơn Tây	
199	Hình ý phái Hà Bắc	Huyện Thâm tỉnh Hà Bắc	Lý Lạc Năng	Toàn quốc	
200	Hình ý phái Hà Nam	Lạc Dương	Mã Học Lễ	Hà Nam, Thượng Hải, An Huy, Tứ Xuyên	
201	Hình ý bát quái chương	Hà Gian tỉnh Hà Bắc	Trương Chiếm Khôi	Hà Bắc, Thượng Hải	





Võ thuật Trung Quốc

202	Bát hổ quyền			Nam Giang tỉnh Tứ Xuyên, Miên Dương	
203	Hoàng thiên quyền	An Nhạc tỉnh Tứ Xuyên	Trần Tây	An Nhạc	Nhà họ Trần ở An Nhạc truyền bá
204	Bà tử quyền	Núi Nga Mi, Tứ Xuyên		An Nhạc	Biên soạn dựa trên những động tác của người tàn tật, do hòa thượng Tinh Vân trên núi Nga Mi truyền bá
205	Long hình quyền		Ni cô Ngũ Mai	Quảng Châu, Hồng Kông, Ma Cao	Do thiền sư Đại Ngọc chùa Hoa Thủ Đài trên núi La Phù truyền bá
206	Tân võ thuật	Sơn Đông	Tập thể biên soạn		Soạn xong vào những năm đầu thời kỳ Dân Quốc, do Mã Lương đứng tên
207	Tiết quyền đạo	Hồng Kông	Lý Tiểu Long	Hồng Kông	

Trong 207 môn phái trên, có 152 môn phái có thể xác định nguồn gốc, trong đó nằm ở khu vực phía bắc sông Hoài có 78 môn phái, chiếm 51.32%; nằm ở phía nam của sông Hoài có 74 môn phái, chiếm 48.68%. Từ đó có thể thấy, sự phát triển của võ thuật ở hai vùng nam và bắc đều có sự cân bằng tương đối.

Trong 152 môn phái, có 19 môn phái bắt nguồn từ chùa Thiếu Lâm trên núi Tung, có 5 môn phái bắt nguồn từ núi Võ Đang thuộc tỉnh Hồ Bắc, có 6 môn phái bắt nguồn từ núi Nga Mi thuộc tỉnh Tứ Xuyên, có 8 môn phái bắt nguồn từ chùa Thiếu Lâm thuộc tỉnh Phúc Kiến. Nếu như phân biệt theo tỉnh thành thì có 32 môn phái bắt nguồn từ tỉnh Hà Nam, có 23 môn phái bắt nguồn từ tỉnh Tứ Xuyên, có 22 môn phái bắt nguồn từ tỉnh Phúc Kiến; số còn lại thuộc các tỉnh khác, cụ thể như sau: 12 môn phái thuộc tỉnh Hà Bắc, Sơn Đông và Bắc Kinh đều có 11 môn phái, 10 môn phái thuộc tỉnh Hồ Nam, hai tỉnh Sơn Tây và Hồ Bắc đều có 8 môn phái, tỉnh Vân Nam có 4 môn phái, các tỉnh Chiết Giang, Quảng Đông, Quảng Tây, An Huy đều có 3 môn phái. Từ đó có thể nêu lên một phát hiện đại khái rằng:

- (1) Võ thuật Trung Quốc có xu hướng truyền bá từ Bắc đến Nam;
- (2) Ba môn phái lớn là Thiếu Lâm, Nga Mi, Nam Quyền có một vị trí quan trọng trong võ thuật Trung Quốc;
- (3) Võ công ở vùng Trung Nguyên với môn phái tiêu biểu là võ thuật Thiếu Lâm có ảnh hưởng mang tính chủ đạo trong quá trình phát triển của võ thuật Trung Quốc.

PHỤ LỤC 3

Bảng tóm tắt niên đại lịch sử Trung Quốc

Thời đại đồ đá cũ	Khoảng 170 vạn năm – 1 vạn năm trước
Thời đại đồ đá mới	Khoảng 1 vạn năm – 4000 năm trước
Hạ	Năm 2070 – năm 1600 TCN
Thương	Năm 1600 – năm 1046 TCN
Tây Chu	Năm 1046 – năm 771 TCN
Xuân Thu	Năm 770 – năm 476 TCN
Chiến Quốc	Năm 475 – năm 221 TCN
Tấn	Năm 221 – năm 206 TCN
Tây Hán	Năm 206 TCN – năm 25 SCN
Đông Hán	Năm 25 – năm 220
Tam Quốc	Năm 220 – năm 280
Tây Tấn	Năm 265 – năm 317
Đông Tấn	Năm 317 – năm 420
Nam Bắc triều	Năm 420 – năm 589
Tùy	Năm 581 – năm 618
Đường	Năm 618 – năm 907
Ngũ đại	Năm 907 – năm 960
Bắc Tống	Năm 960 – năm 1127
Nam Tống	Năm 1127 – năm 1279
Nguyên	Năm 1206 – năm 1368
Minh	Năm 1368 – năm 1644
Thanh	Năm 1616 – năm 1911
Trung Hoa Dân Quốc	Năm 1911 – năm 1949
Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa	Thành lập năm 1949



VÕ THUẬT

Trung Quốc

VƯƠNG QUẢNG TÂY

Người dịch:

TS. TRƯƠNG GIA QUYÊN

*(Trưởng bộ môn Thực hành tiếng Trung Quốc
Khoa Ngữ văn Trung Quốc - Trường Đại học Khoa học Xã hội
và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập : TRẦN BAN

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38 296 764 - 38 256 713 - 38 247 225

Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn

Sách điện tử: www.sachweb.vn

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, Thành phố Hồ Chí Minh ♦ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ♦ **ĐT: 39 433 868**

XNĐKKHXB số: 300-13/CXB/75-30/THTPHCM cấp ngày 13/3/2013

QĐXB số 1236/QĐ-THTPHCM-2013 ngày 01/10/2013

SBN: 978 - 604 - 58 - 0484 - 1

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2013.

中国功夫 VÕ THUẬT Trung Quốc

Võ thuật Trung Quốc là sự kết tinh của trí tuệ dân tộc từ hàng ngàn năm, là sự thể hiện của văn hóa truyền thống trong võ thuật, cũng là một sự phản ánh hợp lý của cá tính và tâm lý dân tộc Trung Quốc trong lĩnh vực rèn luyện sức khỏe và tự vệ. Nội dung triết học trong võ thuật Trung Quốc là thuyết trung hòa dưỡng khí của Nho gia, đồng thời còn kết hợp cái tinh tại mềm mòng của Đạo gia, nét thiên định tham ngộ của Thích gia v.v.. Qua đó thể hiện một diện mạo văn hóa trong sự hợp nhất của tam giáo, ẩn chứa phong cách thiên nhân hợp nhất của văn hóa phương Đông, từ đó tạo nên một hệ thống võ thuật sâu rộng, trở thành “văn hóa võ thuật” độc nhất vô nhị trên thế giới.



中国图书对外推广计划
CHINA BOOK INTERNATIONAL



ISBN 978-6-04-580484-1



9 786045 804841